



8 tháng 2 năm 2012

**ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ
VỀ
CÁC HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI**

Báo cáo đánh giá đồng đẳng (Peer review Report)

(Đơn vị chuyển ngữ: Phòng NCTH & HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)

Mục lục

Lời nói đầu

Tóm tắt

I. Giới thiệu

II. Những cải cách được thực hiện nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính

1. Các biện pháp đặc biệt sử dụng trong khủng hoảng

2. Sự tiến triển của việc bảo vệ người gửi tiền sau khủng hoảng

III. Những đặc điểm cơ bản của các hệ thống bảo hiểm tiền gửi

1. Cấu trúc của cơ chế bảo vệ người gửi tiền

2. Các mục tiêu, nhiệm vụ, quyền hạn và quan trị

3. Thành viên tham gia và mức chi trả bảo hiểm

4. Cấp vốn

5. Xử lý, chi trả, thanh lý và thu hồi

6. Liên kết với mạng an toàn rộng lớn và các vấn đề xuyên quốc gia

7. Nhận thức của công chúng

IV. Kết luận và kiến nghị

Phụ lục A. So sánh xuyên biên giới về các giải pháp bảo hiểm tiền gửi thực hiện trong khủng hoảng tài chính

Phụ lục B. Các hệ thống bảo hiểm tiền gửi của các thành viên FSB

Phụ lục C. So sánh đặc điểm các hệ thống bảo hiểm tiền gửi giữa các nước

Phụ lục D. Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả

Phụ lục E. Bảng hỏi – Xem xét chuyên đề về các hệ thống bảo hiểm tiền gửi

LỜI NÓI ĐẦU

Theo *Báo cáo của Diễn đàn ổn định tài chính về tăng cường khả năng phục hồi của thị trường và các tổ chức* (tháng 4 năm 2008)¹, các sự kiện, diễn biến trong cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế gần đây cho thấy tầm quan trọng của các cơ chế bảo vệ người gửi tiền hiệu quả. Báo cáo nhấn mạnh rằng các cơ quan chức năng cần nhất trí về bộ nguyên tắc quốc tế đối với việc xây dựng hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả, yêu cầu đánh giá cơ chế bảo hiểm tiền gửi quốc gia dựa trên các nguyên tắc và phải củng cố những điểm cần thiết của cơ chế này.

Đề đáp lại, Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS) và Hiệp hội Bảo hiểm Tiền gửi quốc tế (IADI) đã phối hợp xây dựng nên *Các nguyên tắc cơ bản để phát triển hệ thống Bảo hiểm Tiền gửi hiệu quả (Những nguyên tắc cơ bản)* vào tháng 6 năm 2009. Cùng với Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, Ngân hàng thế giới, Ủy ban Châu Âu, Diễn đàn châu Âu của các cơ quan Bảo hiểm Tiền gửi, Hai tổ chức trên đã đưa ra Phương pháp đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc này vào tháng 12 năm 2010. Vào tháng 2 năm 2011, FSB đã nhất trí đưa *Các nguyên tắc cơ bản* vào danh sách những tiêu chuẩn chính của hệ thống tài chính lành mạnh cần được áp dụng ưu tiên tùy thuộc vào hoàn cảnh từng nước. Là một bộ phận trong Báo cáo Xem xét Sáng kiến về các Tiêu chuẩn và Quy tắc mới được hoàn tất gần đây, IMF và WB cũng khẳng định việc họ sẽ đánh giá việc tuân thủ các Tiêu chuẩn này trong khuôn khổ chương trình *Các báo cáo về việc đáp ứng các tiêu chuẩn và quy tắc (ROSC)*.

Tiếp theo việc xây dựng *Các nguyên tắc cơ bản* và Phương pháp đánh giá, FSB đã nhất trí tiến hành đánh giá đồng đẳng (peer review) về các hệ thống BHTG năm 2011. Mục đích của việc đánh giá này là xem xét hệ thống Bảo hiểm Tiền gửi của các nước thành viên và những thay đổi theo kế hoạch, sử dụng Nguyên tắc cơ bản như một tiêu chuẩn đánh giá, đồng thời, rút ra bài học từ kinh nghiệm về hiệu quả của cải cách áp dụng nhằm đối phó với khủng hoảng.

Báo cáo này đề cập kết quả của bản đánh giá, bao gồm cả những yếu tố quan trọng nhất trong thảo luận của Ủy Ban thường trực FSB (SCSI). Bản dự thảo báo cáo do một nhóm thực hiện, đứng đầu là Arthur Yuen (Cơ quan tiền tệ Hong Kong), bao gồm Mauricio Costa de Moura (Ngân hàng trung ương Brazil), David Walker (Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Canada), Thierry Dissaux (Quỹ bảo hiểm tiền gửi Pháp), Salusra Satria (Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Indonesia), Nikolay Evstratenko (Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Nga), Bülent Navruz (Quỹ Bảo hiểm tiền gửi và tiết kiệm Thổ Nhĩ Kỳ) and Arthur Murton (Tổng công ty Bảo hiểm tiền gửi liên bang, Mỹ). Costas Stephanou và David Hoelscher (Ban thư ký FSB) hỗ trợ nhóm và tham gia vào việc chuẩn bị báo cáo chéo

Bản đánh giá về các hệ thống Bảo hiểm Tiền gửi được thực hiện theo *Khuôn khổ của việc tăng cường tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế*.²

¹ Xem http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_0804.pdf

² Ghi chú giải thích khung này tại http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_100109a.pdf

Đánh giá đồng đẳng của FSB

FSB đã xây dựng một chương trình đánh giá đồng đẳng theo chuyên đề các nước thành viên. Mỗi báo cáo đã khảo sát, so sánh việc áp dụng ở các nước về các biện pháp quản lý và giám sát trong một lĩnh vực chính sách cụ thể có tầm quan trọng đối với sự ổn định tài chính. Các đánh giá này tập trung vào việc thực thi những tiêu chuẩn tài chính quốc tế, các chính sách được nhất trí trong nội bộ FSB hoặc, ở những nội dung chưa có các tiêu chuẩn hay chính sách được nhất trí này, thì xem xét các thông lệ hiện có trong từng lĩnh vực chính sách. Mục tiêu của đánh giá là khuyến khích việc áp dụng thống nhất giữa các quốc gia và giữa các ngành, xem xét mức độ các kết quả mà tiêu chuẩn và đánh giá này đem lại, và cần thiết thì đưa ra những khuyến nghị để các cơ quan quản lý, giám sát và xây dựng tiêu chuẩn áp dụng. Nó đã đem lại cơ hội cho các thành viên FSB tham gia đối thoại với đồng nghiệp cũng như chia sẻ các bài học và kinh nghiệm.

Các đánh giá đồng đẳng theo chuyên đề bổ sung cho các đánh giá đồng đẳng các nước thành viên FSB, những đánh giá này tập trung vào các tiến bộ do từng nước thành viên FSB đạt được trong việc thực hiện Chương trình Đánh giá Lĩnh vực tài chính của IMF-WB (FSAP)

Tóm tắt

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã đem lại nhiều bài học cho các thành viên của FSB. Hiệu quả các hệ thống Bảo hiểm Tiền gửi của các quốc gia này trong việc bảo vệ người gửi tiền và duy trì sự ổn định tài chính đã được thử thách, nhiều cải cách cũng được tiến hành lần lượt để nâng cao chất lượng hệ thống ở những nội dung cần thiết. Tốc độ áp dụng những biện pháp đặc biệt của các nước thành viên nhằm nâng cao niềm tin của người gửi tiền là tín hiệu cho thấy tầm quan trọng và sự cần thiết của việc xây dựng một hệ thống Bảo hiểm Tiền gửi (BHTG) hiệu quả.

Một số những cải cách đã phản ánh sự thay đổi trong các quan điểm thịnh hành về vai trò của Bảo hiểm Tiền gửi trong mạng an toàn tổng thể. Trước khủng hoảng, chức năng của BHTG giữa các thành viên FSB khác nhau cơ bản, quan điểm về những đặc điểm thiết kế phù hợp cũng chung chung và không có quy tắc. Cuộc khủng hoảng đã dẫn đến sự đồng nhất lớn hơn trong thực tiễn của các nước, và sự đồng thuận ngày càng tăng về các đặc điểm thiết kế sao cho phù hợp. Nó bao gồm (và trong trường hợp Liên minh châu Âu là hòa hợp hơn) các hạn mức bảo hiểm cao hơn; xóa bỏ việc đồng bảo hiểm, nâng cấp quá trình chi trả, tăng cường nhận thức của người gửi tiền, áp dụng cách Lập quỹ trước nhiều hơn, tăng cường việc chia sẻ thông tin và hợp tác giữa thành viên mạng an toàn. Nhiệm vụ của BHTG cũng mở rộng hơn, với nhiều tổ chức BHTG hơn có các trách nhiệm vượt ngoài chức năng chi trả, bao gồm cả việc tham gia vào quá trình xử lý.

Bảo hiểm tiền gửi công khai có giới hạn trở thành một lựa chọn thông dụng của các quốc gia thành viên. Cụ thể, 21 trên tổng số 24 thành viên (gần đây nhất là Úc trong khủng hoảng tài chính) đã thiết lập hệ thống BHTG với mục tiêu được quy định tại Luật hoặc các quy định, đồng thời được công bố công khai. Những nước còn lại như Trung Quốc và Nam Phi đã khẳng định kế hoạch xây dựng hệ thống BHTG và tích cực xem xét các đặc điểm thiết kế của hệ thống.

Arap Xeut cho rằng khung khổ quản lý an toàn thận trọng và việc tích cực giám sát sẽ giúp người gửi tiền có được sự bảo đảm cần thiết. Tuy nhiên, cơ chế như vậy phải ngầm dựa vào sự ủng hộ của chính phủ trong trường hợp ngân hàng đổ vỡ và có vẻ không phù hợp với lời kêu gọi của Lãnh đạo G20 đối với các cơ quan có thẩm quyền cần xử lý các tổ chức tài chính mà không gây gián đoạn hệ thống trầm trọng và những người đóng thuế không phải chịu tổn thất. Arap Xeut bởi thế muốn xem xét việc áp dụng hệ thống BHTG công khai nhưng có giới hạn để nâng cao nguyên tắc thị trường và hỗ trợ việc áp dụng cơ chế xử lý đổ vỡ hiệu quả đối với các tổ chức tài chính.

Phản hồi của các thành viên FSB có hệ thống BHTG công khai cho thấy các hệ thống của các quốc gia này phần lớn tuân thủ *Các nguyên tắc cơ bản của hệ thống Bảo hiểm Tiền gửi hiệu quả* do Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS) và Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI) ban hành. Mức độ tuân thủ đặc biệt cao trong các lĩnh vực như: Nhiệm vụ, Cơ chế thành viên và phạm vi bảo hiểm thích hợp. Mục III của báo cáo nhấn mạnh những thông lệ tốt của thành viên FSB trong rất nhiều lĩnh vực mà Các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh, có thể dùng tham khảo cho các tổ chức BHTG khác.

Tuy nhiên vẫn còn những nội dung không phù hợp với các Nguyên tắc cơ bản cần thời gian và nỗ lực để sửa đổi. BHTG các nước cần cải tiến các lĩnh vực sau:

Tư cách thành viên BHTG: Tại một số nước thành viên FSB (như Thụy Sĩ), một số tổ chức không phải ngân hàng, nhưng nhận tiền gửi từ người dân và tham gia vào hệ thống thanh toán quốc gia không tham gia BHTG. Nó có thể tác động bất lợi đến hiệu quả của hệ thống BHTG trong giai đoạn khó khăn, do đó quan trọng là phải đảm bảo các cơ quan này hoặc không nhận tiền gửi từ những người cần được bảo vệ hoặc phải tham gia vào BHTG.

Hạn mức: Ở một số nước (như Đức, Nhật bản, Mỹ), phạm vi bảo hiểm – kể cả tỉ lệ người gửi tiền được bảo hiểm và giá trị tiền gửi được bảo hiểm – là tương đối cao. Cho dù hạn mức cao làm giảm động cơ khiến người gửi tiền rút ô ạt, vẫn cần có sự kiểm soát để bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa ổn định tài chính và kỷ luật thị trường. Những quốc gia không làm như vậy cần xem xét áp dụng các biện pháp nhằm bù đắp – như giám sát nghiêm ngặt hơn, áp dụng hệ thống phí bảo hiểm dựa trên rủi ro, loại bỏ một số thành phần người gửi tiền ra khỏi phạm vi bảo hiểm, can thiệp và xử lý kịp thời – tương ứng với phạm vi bảo hiểm để tránh những rủi ro đạo đức. Hạn mức chi trả tiền gửi không giới hạn – dù thông qua sự bảo vệ hoàn toàn những khoản tiền gửi đủ điều kiện tại một số tổ chức (ví dụ như các hiệp hội tín dụng do tỉnh bang cấp phép) hay sự tồn tại của các cơ chế bảo đảm để bảo vệ chính bản thân tổ chức đó (ví dụ Ngân hàng tiết kiệm và hợp tác của Đức hay các Ngân hàng liên bang của Thụy Sĩ) – có thể dẫn đến việc theo đuổi rủi ro nhiều hơn và ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả của BHTG, và do đó cần phải tránh.

Trong trường hợp Thụy Sĩ, việc tồn tại giới hạn trong toàn hệ thống ở mức 6 tỉ Franc Thụy Sĩ tổng số tiền đóng góp của các thành viên trong hệ thống bảo đảm tiền gửi (theo phương pháp lập quỹ sau) có thể tạo ra suy nghĩ, trong giai đoạn căng thẳng, rằng một số khoản tiền gửi được bảo hiểm có thể không được trả trong trường hợp một ngân hàng (lớn) đổ vỡ. Giới hạn này do đó cần phải bị loại bỏ hoặc bổ sung bởi cơ chế công khai giải quyết việc chi trả khoản tiền vượt giới hạn đó.

Năng lực chi trả và cấp vốn dự phòng: Hệ thống chi trả ở những nước thành viên FSB khác nhau đáng kể – ví dụ, tổ chức kích hoạt việc chi trả hay tốc độ chi trả cho người gửi tiền. Trong trường hợp của Đức, cơ chế bảo vệ tổ chức không chi trả cho người gửi tiền vì họ muốn bảo vệ các tổ chức thành viên khỏi việc phá sản và thanh lý. Trong trường hợp Thụy Sĩ, việc chi trả cho người gửi tiền là trách nhiệm của cơ quan thanh lý ngân hàng đổ vỡ (hoặc cơ quan được ủy quyền chịu trách nhiệm thu hồi tài sản từ ngân hàng đổ vỡ) ngược lại với cơ quan bảo hiểm tiền gửi (DIA). Thời điểm bắt đầu được sử dụng để lập khung thời gian chi trả cũng khác nhau, khiến việc so sánh giữa các nước về thời gian thực để người gửi tiền nhận được tiền sau khi tổ chức đổ vỡ là khó khăn.

Vì không có thỏa thuận về khung thời gian mục tiêu tối đa ở cấp độ quốc tế đối với việc tiến hành qui trình chi trả, lĩnh vực này còn cần phải được cải tiến (cả về mặt pháp lý và thực tiễn). Cơ chế chi trả hợp lý – ví dụ có thể sớm tiếp cận thông tin (như thông qua hệ thống thông tin thống nhất về khách hàng) – cần phải được thực thi để xử lý việc chi trả cho người gửi tiền. Việc cải cách một số đặc điểm thiết kế của hệ thống BHTG – ví dụ thay đổi từ cơ sở chi trả ròng (net) sang chi trả tổng (gross) (tức là các khoản tiền được bảo hiểm sẽ không

được bù trừ vào khoản nợ của người gửi tiền đối với ngân hàng đổ vỡ) như trường hợp Hà Lan, Singapore và Anh sau khủng hoảng – sẽ giúp cho việc cải thiện thời gian và hiệu quả chi trả.

Một số nước thành viên FSB như Hồng Kông cho rằng các nguồn vốn thứ cấp (cấp thanh khoản dự phòng từ chính phủ hoặc ngân hàng trung ương) giúp đảm bảo cho BHTG đáp ứng được nhu cầu vốn. Ngược lại, cơ chế cấp vốn dự phòng không chính thức hoặc không rõ ràng, cần có sự cho phép của cơ quan khác trước khi tiến hành giải ngân, đe dọa gây ảnh hưởng đến tốc độ chi trả hoặc xử lý ngân hàng, ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của hệ thống BHTG trong việc duy trì ổn định tài chính và không tuân thủ Nguyên tắc cơ bản.

Nhiệm vụ và sự tham gia vào mạng an toàn: Nói chung, nhiệm vụ của BHTG trong các nước thành viên FSB được quy định và chính thức hóa rõ ràng, và có thể được phân chia thành bốn loại:

1. Những hệ thống có nhiệm vụ hẹp mà chỉ có trách nhiệm chi trả những khoản tiền gửi được bảo hiểm (Chuyên chi trả) – 7 thành viên (Úc, Đức³, Hồng Kông, Ấn Độ, Hà Lan, Singapore, Thụy Sĩ);
2. Nhiệm vụ “Chuyên chi trả mở rộng” có thêm trách nhiệm như chức năng xử lý – 3 thành viên (Argentina, Brazil, Anh)
3. Nhiệm vụ “giảm thiểu tổn thất”, theo đó các cơ quan bảo hiểm tích cực tham gia vào việc lựa chọn ra chiến lược xử lý ít chi phí nhất sao cho phù hợp – 9 thành viên (Canada, Pháp, Indonesia, Ý, Nhật Bản, Mexico, Nga, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ) và
4. Nhiệm vụ “giảm thiểu rủi ro”, theo đó cơ quan bảo hiểm có các chức giảm thiểu rủi ro năng toàn diện, bao gồm các quyền hạn xử lý đầy đủ cũng như các trách nhiệm giám sát an toàn – 2 thành viên (Hàn Quốc và Mỹ)

Nhiệm vụ của một số hệ thống BHTG đã được mở rộng hoặc xác định rõ hơn sau khủng hoảng. Kết quả là, nhiều cơ quan BHTG hiện nay đang thực hiện các chức năng gần hơn với “giảm thiểu tổn thất”. Việc mở rộng nhiệm vụ sẽ tiếp tục trong tương lai do có sự tăng cường chú ý ở cấp độ quốc tế về việc phát triển cơ chế xử lý hiệu quả. Các cơ quan trong nước do đó sẽ cần tăng cường mức độ phối hợp giữa tổ chức BHTG (bất kể nhiệm vụ của hệ thống là gì) và các thành viên khác của mạng an toàn tài chính để đảm bảo kế hoạch xử lý hiệu quả và chi trả nhanh chóng cho người gửi tiền.

Quản trị: Hầu hết các thành viên FSB áp dụng hệ thống BHTG công khai đều có kiểu cấu trúc Ban quản trị. Thành phần Ban quản trị thay đổi theo từng nước và nhìn chung phản ánh sự khác nhau của các thành viên mạng an toàn và các bên liên quan. Tuy nhiên, một vài hệ thống BHTG chịu sự chi phối của Chính phủ (như Nga), ngành ngân hàng (như Argentina, Brazil, Đức, Ý, Thụy Sĩ) hoặc cơ quan giám sát. Việc thiếu vắng nguyên tắc kiểm soát - cân bằng quyền lực sẽ bất lợi cho việc thực thi những mục tiêu chính sách công của BHTG. Ví dụ như, trong trường hợp BHTG do tư nhân quản lý với nhiệm vụ mở rộng, có khả năng sẽ có trở ngại trong việc chia sẻ thông tin mật hoặc phối hợp hiệu quả với cơ quan giám sát ngân

³ BHTG của Đức nhìn chung chỉ thực hiện chức năng chi trả (paybox) ngoại trừ cơ chế tự nguyện (dành cho các ngân hàng tư nhân và ngân hàng công mới có thêm trách nhiệm như đề phòng và bảo vệ các tổ chức (đối với ngân hàng tiết kiệm và hợp tác) để đảm bảo sự lành mạnh của các thành viên.

hàng, cơ quan xử lý trong trường hợp ngân hàng có vấn đề. Ở những quốc gia có nhiều hệ thống BHTG đảm bảo cho nhiều tổ chức giống nhau nhưng lại chịu sự giám sát của các cơ quan khác nhau (như cơ chế tự nguyện và theo luật định do tư nhân quản lý ở Đức), cần thiết phải có sự tách biệt về điều hành hoặc những ngăn chặn phù hợp liên quan đến việc chia sẻ những thông tin nhạy cảm của ngân hàng.

Hợp tác xuyên quốc gia và chia sẻ thông tin: Nếu các biện pháp bảo vệ người gửi tiền đặc biệt áp dụng trong khủng hoảng được triển khai theo một cách thức thường là thiếu phối hợp, thì sự dỡ bỏ của một số chính sách này sau đó (Ví dụ: Nhóm công tác 3 bên Malaysia, Hồng Kong và Singapore) hay sự kết hợp (như thành viên Liên minh châu Âu) lại có sự tham khảo giữa các quốc gia có liên quan. Những nỗ lực này cần được ủng hộ và áp dụng rộng rãi hơn.

BHTG xuyên quốc gia giữa các thành viên FSB tập trung chủ yếu ở các nước trong Khu vực kinh tế châu Âu. Tuy nhiên, thậm chí ở những nước không mở rộng ra bảo hiểm các khoản tiền gửi ngoài nước, những người gửi tiền trong nước ở những ngân hàng do nước ngoài sở hữu cũng vẫn được các cơ quan BHTG của nước đó bảo vệ. Việc cung cấp các thông tin liên quan do đó rất có ích cho hiệu quả của việc bảo vệ người gửi tiền trong nước.

Bên cạnh những vấn đề nêu trên, có những phần trong Các nguyên tắc cơ bản cần có sự hướng dẫn cụ thể hơn để đảm bảo việc tuân thủ hiệu quả hoặc phản ánh những thông lệ tốt nhất. Những hướng dẫn này sẽ giúp tăng cường hiệu quả của BHTG. IADI là cơ quan có thể thực hiện công việc này, có sự tham vấn với BCBS và những tổ chức liên quan khi cần thiết, tập trung vào các vấn đề sau:

Giám sát sự hợp lý của hạn mức bảo hiểm: Có tương đối ít thành viên FSB thường xuyên thu thập và đánh giá những thống kê cần thiết cho việc giám sát sự hợp lý về hạn mức bảo hiểm. Sẽ là hữu ích nếu Các nguyên tắc cơ bản có một tiêu chuẩn mục tiêu cho việc kiểm tra liên tục tính hiệu quả và sự hợp lý của hạn mức bảo hiểm.

Xử lý vấn đề rủi ro đạo đức: Với việc tăng cường rõ rệt việc bảo vệ người gửi tiền tại phần lớn các nước thành viên FSB sau khủng hoảng, IADI và các cơ quan khác liên quan cần cung cấp hướng dẫn về các loại công cụ và các thông lệ có thể giúp giảm thiểu rủi ro đạo đức.

Trường hợp có nhiều tổ chức BHTG cùng hoạt động trong 1 quốc gia: Có 6 nước thành viên FSB đang áp dụng nhiều hệ thống BHTG (Brazil, Canada, Đức, Ý, Nhật Bản và Mỹ). Một số trong đó (Canada và Đức) có sự khác biệt về phạm vi bảo hiểm giữa các hệ thống BHTG, điều này có thể gây nên sự cạnh tranh không lành mạnh hoặc ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của các hệ thống này trong việc duy trì sự ổn định khi nảy sinh các vấn đề của khu vực ngân hàng. Với trường hợp của Đức, có sự chông chéo về các tổ chức thành viên và điều hành giữa các cơ quan BHTG khác nhau. IADI cần đưa ra các hướng dẫn để đảm bảo bất cứ sự khác biệt về phạm vi bảo hiểm giữa các tổ chức hoạt động trong cùng một nước do việc nhiều hệ thống sẽ không ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của các hệ thống này.

Sự tồn tại của nhiều cơ quan BHTG cho thấy sự phức tạp về khía cạnh tổ chức có thể dẫn tới sự thiếu hiệu quả bên cạnh những lo ngại về nguy cơ cạnh tranh. Việc cơ cấu lại sẽ là hữu ích chẳng hạn bằng một thoả thuận hợp nhất những hệ thống khác nhau, nếu có thể (như đã diễn ra ở Tây Ban Nha) hoặc ít nhất tăng cường phối hợp giữa các hệ thống này. IADI cần hướng dẫn để đảm bảo sự hợp tác hiệu quả giữa các thành viên có nhiều cơ quan BHTG.

Sẵn sàng chi trả: Trong số 21 thành viên áp dụng HBTG công khai, chỉ có Úc, Canada, Pháp, Hồng Kong và Singapore vẫn chưa từng tiến hành chi trả trong 10 năm qua (hoặc kể từ khi được thành lập). Để có kế hoạch dự phòng tốt hơn, IADI cần kêu gọi tiến hành thực tập mô phỏng để đảm bảo sẵn sàng và hiệu quả cho quá trình chi trả, đặc biệt nếu nước này chưa kích hoạt BHTG trong một thời gian.

Lập quỹ trước khi xảy ra đổ vỡ: Chỉ có 5 nước (Úc, Ý, Hà Lan, Thụy Sĩ và Anh) hiện tại đang áp dụng duy nhất hệ thống lập quỹ sau thanh toán trong khi có xu hướng chung hướng tới việc thành lập các Quỹ lập trước. Thể loại cấu trúc lập quỹ có thể tùy thuộc vào các đặc điểm của hệ thống ngân hàng vì nó ảnh hưởng đến mức độ mà sự đổ vỡ ngân hàng có thể gây tác động đến thành viên BHTG và các cơ quan có thẩm quyền. Việc áp dụng rộng rãi cơ chế Lập quỹ trước này có ích lợi, và IADI nên xem xét liệu hệ thống BHTG lập quỹ trước có cần được ủng hộ một cách công khai trong hướng dẫn của IADI không.

Nhận thức của công chúng: việc các tổ chức BHTG tiến hành thường xuyên đo lường mức độ nhận thức của công chúng, các lỗ hổng về thông tin tiềm tàng, hoặc nhận thức về BHTG của những người gửi tiền vẫn chưa trở thành một thông lệ chung. Nhận thức của công chúng là cần thiết đặc biệt trong trường hợp những người gửi tiền được nhiều cơ quan BHTG bảo vệ đồng thời (dù là trong nước hay ngoài nước) và các nhóm ngân hàng giống nhau hoạt động với nhiều chi nhánh khác nhau có những khoản tiền gửi phải chịu tổng giới hạn bảo đảm tối đa cho từng cá nhân.

IADI đã đưa ra những tài liệu hướng dẫn về các khía cạnh khác nhau của BHTG, và cập nhật tài liệu 5 năm/lần. Tuy nhiên, những tài liệu này được thực hiện trước khủng hoảng tài chính cũng như thiếu những phát triển gần đây của thiết kế hệ thống. IADI cần cập nhật hướng dẫn hiện có được biên soạn trước khủng hoảng với những nghiên cứu và bài học trong những năm vừa qua cũng như sự xuất hiện của các tiêu chuẩn liên quan của các cơ quan quốc tế.

Về những bước đi tiếp theo, FSB cần xem xét đánh giá các hoạt động của thành viên về những vấn đề được gợi ý của báo cáo. Nó có thể được thực hiện thông qua báo cáo đồng đẳng về BHTG hoặc – vì có liên kết giữa BHTG và các cơ chế xử lý- được xem là một phần báo cáo đồng đẳng về việc thực thi *Thuộc tính cơ bản* do FSB tiến hành

Danh sách khuyến nghị:

Khuyến nghị 1: Áp dụng hệ thống BHTG công khai

Các thành viên FSB chưa áp dụng BHTG công khai nên thành lập một hệ thống như vậy để duy trì sự ổn định tài chính bằng cách bảo vệ người gửi tiền và tránh rút tiền hàng loạt ở ngân hàng.

Khuyến nghị 2: Áp dụng đầy đủ các Nguyên tắc cơ bản

Các thành viên FSB áp dụng BHTG công khai cần thực hiện các biện pháp đảm bảo hệ thống BHTG của họ phù hợp với các Nguyên tắc cơ bản. Các biện pháp bao gồm:

- *Kết nạp thành viên BHTG tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi của những người gửi tiền được cho là cần bảo vệ nhất*
- *Xem xét hạn mức chi trả BHTG để đảm bảo có sự cân bằng hợp lý giữa bảo vệ người gửi tiền và nguyên tắc thị trường, tăng cường ổn định tài chính. Ở những nước có mức độ bảo vệ người gửi tiền cao, các biện pháp bổ sung cần được đưa ra để giảm thiểu rủi ro đạo đức. Mức chi trả bảo hiểm không giới hạn, dù thông qua sự bảo đảm hoàn toàn*

những khoản tiền gửi đủ điều kiện hoặc tồn tại cơ chế bảo đảm bảo vệ cho chính bản thân tổ chức, có thể ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của BHTG và do đó cần tránh.

- Đảm bảo rằng các nguồn lực hiện tại (bao gồm các biện pháp Lập quỹ dự phòng) của BHTG là đầy đủ và sẵn có để đáp ứng yêu cầu tài chính phát sinh từ nhiệm vụ của BHTG
- Dỡ bỏ mọi hạn mức áp dụng cho đóng góp toàn hệ thống ngân hàng của BHTG mà có thể tạo ra những ý nghĩ trong thời gian khủng hoảng rằng một số khoản tiền gửi được bảo hiểm sẽ không được chi trả trong trường hợp ngân hàng (lớn) đổ vỡ, hoặc bổ sung hạn mức này với những cơ chế công khai để xử lý khoản chi trả vượt quá mức trên.
- Lập và công bố công khai thời gian dự tính để chi trả cho người gửi tiền, thực hiện mọi biện pháp có thể để chi trả đúng thời hạn.
- Điều chỉnh cơ chế quản lý tổ chức BHTG sao cho đảm bảo sự giám sát phù hợp của công chúng và giảm thiểu nguy cơ xung đột lợi ích.
- Chính thức hóa cơ chế chia sẻ thông tin và hợp tác giữa cơ quan BHTG, các thành viên khác của mạng tài chính an toàn, các cơ quan Bảo hiểm Tiền gửi nước ngoài. Các thông tin đầy đủ về đảm bảo xuyên quốc gia của cơ quan BHTG nước ngoài cần được công khai với người gửi tiền trong nước.

Khuyến nghị 3: Có thêm những phân tích và hướng dẫn của các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn liên quan.

IADI nên, sau khi tham vấn với BCBS và các cơ quan khác có liên quan khi cần thiết, cập nhật những hướng dẫn có trước khủng hoảng. IADI cũng cần xem xét xây dựng những hướng dẫn bổ sung về các vấn đề mà Các Nguyên tắc cơ bản cần phải chính xác hơn để đảm bảo sự tuân thủ hiệu quả hoặc phản ánh những thực tiễn cơ bản, ví dụ như:

- Xây dựng các tiêu chuẩn để theo dõi hiệu quả và sự đầy đủ của các hạn mức chi trả
- Xác định các công cụ và các thông lệ tốt giúp giảm thiểu rủi ro đạo đức
- Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các hệ thống trong nước có nhiều cơ quan BHTG và bất cứ sự khác biệt về phạm vi bảo hiểm giữa các tổ chức này sẽ không ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của toàn hệ thống
- Lập các kịch bản và tiến hành các mô phỏng thường xuyên để đánh giá năng lực chi trả nhanh chóng
- Xem xét tính khả thi và tối ưu của việc Lập quỹ trước và
- Xây dựng các cơ chế phù hợp để thường xuyên theo dõi nhận thức của công chúng về BHTG

Khuyến nghị 4: Thực hiện các khuyến nghị của báo cáo đồng đẳng

FSB cần xem xét và đánh giá các hoạt động của những nước thành viên về các khuyến nghị do báo cáo này đưa ra. Điều này có thể được thực hiện qua báo cáo đánh giá đồng đẳng tiếp theo về các hệ thống BHTG hoặc là một phần của chuỗi các báo cáo đồng đẳng về việc áp dụng thuộc tính cơ bản của Các cơ chế xử lý hiệu quả.

Giới thiệu

Một hệ thống BHTG là một tập hợp các chức năng cụ thể (dù do một pháp nhân chuyên biệt thực thi hay không) để cung cấp sự bảo đảm cho người gửi tiền tại ngân hàng, và mối quan hệ của các chức năng này với các thành viên mạng an toàn tài chính để hỗ trợ sự ổn định tài chính⁴. Một hệ thống BHTG hiệu quả là trụ cột quan trọng trong mạng an toàn tài chính và có vai trò tích cực trong việc đóng góp vào sự ổn định của hệ thống tài chính và bảo vệ người gửi tiền.

BHTG công khai có giới hạn đã trở thành một sự lựa chọn phổ biến của các thành viên FSB. Cụ thể, 21 trong số 24 thành viên FSB (ngoại trừ Trung Quốc, Arap Xeut và Nam Phi) đã thành lập BHTG công khai với mục tiêu được quy định tại Luật hoặc Quy chế và được công bố công khai.

Mục đích của báo cáo đồng đẳng này là xem xét các hệ thống BHTG của các thành viên FSB, các thay đổi dự kiến và sử dụng *Các nguyên tắc cơ bản để xây dựng hệ thống BHTG hiệu quả*⁵ của BCBS-IADI tháng 6 năm 2009 làm cơ sở so sánh (Xem Phụ lục D). Cụ thể, bản báo cáo đã mô tả thực tiễn đa dạng của các thành viên FSB và cơ sở để lý giải những cơ chế khác nhau của các quốc gia nhằm bảo vệ người gửi tiền, bao gồm cả những trường hợp không có BHTG công khai. Nó cũng đưa ra những bài học về sự hiệu quả của những cải cách được áp dụng nhằm đối phó với khủng hoảng 2007-2009.⁶

Các Nguyên tắc cơ bản mới được đưa ra gần đây, và do đó rất khó cho thành viên FSB áp dụng hoàn toàn, đặc biệt vì việc thực hiện này sẽ đòi hỏi phải có những thay đổi trong khuôn khổ quản lý và luật pháp hiện hành. Hơn nữa, một vài thành viên FSB vẫn đang trong quá trình sửa đổi cơ chế BHTG⁷. Mục đích của đánh giá đồng đẳng là xem xét những cải cách gần đây (và sắp tới) và xác định những cách thức tiếp cận chung để giải quyết những khiếm khuyết còn tồn tại.

Kết quả của việc đánh giá này trước tiên dựa vào phần trả lời câu hỏi của cơ quan quốc gia của các nước thành viên FSB (Xem phụ lục E), theo đó đã thu thập được thông tin về những đặc điểm cơ bản của BHTG các nước này, các cải cách tiến hành để đối phó với khủng hoảng tài chính, các bài học rút ra, và việc thực hiện các nguyên tắc cơ bản của quốc gia. Nó cũng dựa vào thông tin liên quan từ các nguồn công bố công khai sẵn có⁸ cũng như thông tin đầu vào từ các thành viên thị trường và các bên khác, thông qua việc đưa ra yêu cầu phản hồi tại trang web của FSB.

Việc đánh giá kết quả dựa vào phương pháp luận đánh giá của BCBS-IADI⁹ và các tài liệu hướng dẫn liên quan của IADI. Cách tiếp cận của báo cáo đồng đẳng khác với cách tiếp cận

⁴ Mạng an toàn tài chính bao gồm giám sát và quản lý an toàn, người cho vay cuối cùng trong tình trạng khẩn cấp, khuôn khổ xử lý các ngân hàng có vấn đề và Bảo hiểm Tiền gửi. Trong nhiều nước, một cơ quan của chính phủ (ví dụ như Bộ tài chính) cũng là thành viên của mạng an toàn

⁵ Xem <http://www.bis.org/publ/bcbs156.pdf>

⁶ Một số thành viên FSB không có kinh nghiệm về khó khăn cơ bản trong khủng hoảng tài chính vừa qua, và do đó không phải sử dụng hoặc cải cách hệ thống BHTG. Các nước này được yêu cầu cung cấp thông tin cần thiết về khủng hoảng trước đó mà có thể họ đã trải qua

⁷ Ví dụ như Ủy ban Châu Âu đang trong quá trình đề xuất những sửa đổi bổ sung liên quan đến hoạt động của các chương trình bảo đảm tiền gửi trong khuôn khổ Liên minh Châu Âu.

⁸ Ví dụ, BHTG Canada, đại diện cho IADI, thu thập thông tin năm 2008 về cơ chế BHTG quốc tế đã tiến sử dụng bản điều tra (<http://www.iadi.org/research.aspx?id=99>). Trung tâm nghiên cứu chung của Ủy ban Châu Âu cũng vừa công bố nghiên cứu toàn diện về cơ chế bảo đảm tiền gửi châu Âu (http://ec.europa.eu/internal_market/bank/guarantee/index_en.htm#ccr)

⁹ Xem <http://www.bis.org/publ/bcbs192.pdf>

của phương pháp đánh giá ở 3 điểm chính. Thứ nhất, đánh giá này không bao gồm thông tin cơ bản, hay đánh giá về các cấu phần của hệ thống tài chính quốc gia, cái tạo nên một phần những điều kiện tiên quyết của các hệ thống BHTG hiệu quả¹⁰, mặc dù nó xác định các tình huống khi một số trong những điều kiện tiên quyết đã trở nên đặc biệt quan trọng trong giai đoạn khủng hoảng. Thứ hai, báo cáo này không đánh giá sự tuân thủ *Các nguyên tắc cơ bản*. Thay vào đó, nó cung cấp một đánh giá định tính mức độ mà tình trạng hiện thời (và cả những cải cách theo kế hoạch) của các thành viên FSB phù hợp với *Các nguyên tắc cơ bản*. Cuối cùng, đánh giá này tập trung vào một số nguyên tắc mang tính thực tế hơn sau khủng hoảng hơn. Do đó mà một số nguyên tắc trong Nguyên tắc cơ bản không được đề cập đến (ví dụ như năng lực pháp lý và bồi thường)

Một khuôn khổ xử lý đổ vỡ mạnh mẽ là một trong những bài học chính của khủng hoảng tài chính, và có hai nguyên tắc trong những Nguyên tắc cơ bản điều chỉnh vấn đề này (Nguyên tắc 15 về phát hiện sớm và can thiệp kịp thời, và nguyên tắc 16 về Quy trình xử lý hiệu quả). Tuy nhiên, do xem xét của báo cáo đồng đẳng được bắt đầu trước khi *Những thuộc tính cơ bản của cơ chế xử lý hiệu quả* được ban hành và vì FSB sẽ tiến hành đánh giá cơ chế xử lý bắt đầu vào năm 2012, lĩnh vực này sẽ không được đề cập một cách chi tiết.¹¹

Bản báo cáo được cấu trúc như sau:

- Phần II xem xét các biện pháp đặc biệt đối với những hệ thống bảo vệ người gửi tiền để đối phó với khủng hoảng và sự tiến triển của các biện pháp này sau khủng hoảng
- Mục III miêu tả những đặc điểm chính và những cải tiến dự kiến của BHTG trong các nước thành viên FSB
- Mục IV tóm tắt những kết quả chính và đưa ra khuyến nghị để tăng cường hơn nữa hiệu quả của BHTG trong việc đẩy mạnh ổn định tài chính

Các phụ lục bao gồm các bảng biểu chi tiết so sánh các hệ thống BHTG cũng như các biện pháp sử dụng trong khủng hoảng của các thành viên FSB.

Những cải cách được thực hiện nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính

Về bối cảnh, Mỹ là nước đầu tiên trong FSB đưa BHTG vào hoạt động (1934). Trong 20 năm từ 1970 đến 1990, một nửa thành viên của FSB (12 trên 24) áp dụng một số hình thức BHTG, phản ánh nhận thức ngày càng tăng về tầm quan trọng của BHTG trong việc duy trì ổn định tài chính và bảo vệ công khai những người gửi tiền. Vào trước khi khủng hoảng, chỉ có Úc, Trung Quốc, Arap Xeut và Nam Phi là chưa có những hệ thống bảo vệ người gửi tiền công khai.

Sự lớn mạnh của BHTG công khai qua nhiều năm cũng như sự đa dạng trong thiết kế của BHTG đã dẫn đến những tranh luận làm thế nào để đảm bảo hiệu quả của các hệ thống này và xử lý những vấn đề mà hệ thống BHTG có thể gây ra, đặc biệt là liệu nó BHTG có làm tăng rủi ro đạo đức và sai lệch trong đánh giá rủi ro. Một số học giả và những nhà làm chính sách đưa ra khả năng hệ thống bảo vệ ngầm được ưa chuộng như là một biện pháp thúc đẩy

¹⁰ Theo như chú thích Các nguyên tắc cơ bản, một hệ thống BHTG sẽ hiệu quả khi một loạt những yếu tố khách quan hoặc điều kiện tiên quyết được đáp ứng. Nó bao gồm sự ổn định kinh tế vĩ mô, một hệ thống ngân hàng tốt, sự quản trị hiệu quả của các cơ quan trọng mạng an toàn tài chính, các quy định chặt chẽ về quản lý an toàn và giám sát, khuôn khổ pháp lý được xây dựng tốt, và cơ chế công bố thông tin và kế toán lành mạnh.

¹¹ Xem http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_111104cc.pdf

kỷ luật thị trường, trong khi một số lại chỉ ra rằng hệ thống bảo vệ ngầm thực sự sẽ dẫn đến việc cứu trợ do chính phủ thực hiện và áp dụng bảo hiểm toàn bộ trong khủng hoảng. Một vài nước thậm chí thông báo họ sẽ không áp dụng BHTG vì lo ngại khả năng bị bóp méo của trung gian tài chính.

Do những tranh luận này, trước khủng hoảng, quan điểm về đặc điểm thiết kế của BHTG là khá chung chung và không có quy tắc. Những người hoạt động trong lĩnh vực BHTG thừa nhận rằng các nước đã quy định những vai trò khác nhau cho các cơ quan BHTG. Các nỗ lực đã được triển khai để xây dựng hướng dẫn ở cấp độ quốc tế về các cơ chế BHTG¹². Tuy nhiên, nỗ lực này chưa tạo nên những ảnh hưởng sâu sắc và BHTG đã tiếp tục phát triển theo những xu hướng khác nhau trong (ví dụ như) nhiệm vụ¹³, mức độ chi trả, cấu trúc lập quỹ¹⁴, sự tồn tại của phí dựa trên rủi ro, hoặc nguồn vốn trong tình huống khẩn cấp¹⁵.

Khủng hoảng tài chính đã khiến các nước thành viên FSB nâng cấp hệ thống BHTG của mình. Hơn một nửa trong số này đã mở rộng phạm vi bảo hiểm và cải tiến cấu trúc của cơ chế cấp quốc gia, trong khi 6 trong số này đã áp dụng những thẩm quyền xử lý mới để đối phó với thử thách của khủng hoảng. Rủi ro đạo đức đã được chấp nhận rộng rãi không chỉ là vấn đề liên quan đến đặc điểm thiết kế của BHTG mà còn rộng hơn là các cơ chế xử lý.

Việc các nước nhanh chóng áp dụng những cơ chế đặc biệt để tăng cường niềm tin của người gửi tiền là dấu hiệu cho thấy tầm quan trọng của những cải cách này. Thực tế nhiều biện pháp trong số những biện pháp trên đã được áp dụng lâu dài cho thấy sự thay đổi trong tư duy về vai trò và hiệu quả của BHTG trong việc tăng cường ổn định tài chính. Vậy nên hiện nay đã có sự tương đồng nhiều hơn trong thực tế áp dụng của các nước và giảm sự thiếu đồng nhất trong các đặc tính cơ bản.

Các biện pháp đặc biệt sử dụng trong khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu năm 2007 khi các thị trường tín dụng toàn cầu tiến hành thắt chặt vì lo ngại về tình hình thị trường nhà đất ở Mỹ và giảm sút niềm tin trong việc đánh giá liên quan đến các sản phẩm tài chính liên quan đến vay thế chấp và các sản phẩm tín dụng cấu trúc. Một trong những nạn nhân đầu tiên của khủng hoảng là tổ chức cho vay thế chấp của Anh Northern Rock, tổ chức này đã chịu sự rút tiền hàng loạt của những người gửi tiền và phải nhờ đến chính quyền trợ giúp. Cuộc khủng hoảng lên đến đỉnh điểm mùa thu năm 2008 sau sự phá sản của Lehman Brother (cùng với nhiều chi nhánh nước ngoài của nó). Nó kéo theo một loạt những đổ vỡ hoặc sự trợ giúp của chính phủ tại Mỹ và một số nước châu Âu.

Trong khi không phải thành viên nào của FSB cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những sự kiện trên, 15 trong số 24 nước đã áp dụng các biện pháp đặc biệt để tăng cường cơ chế bảo vệ

¹² Sự phát triển của các hệ thống BHTG dẫn đến nỗ lực xây dựng sự đồng thuận quốc tế về vai trò của BHTG trong mạng an toàn tài chính rộng hơn. Chỉ thị đầu tiên của EU về cơ chế bảo vệ người gửi tiền được đưa ra năm 1994. Năm 2000, diễn đàn Ổn định tài chính (FSF), tiền thân của FSB, thành lập Nhóm công tác về BHTG với mục tiêu xác định những thông lệ quốc tế tốt – xem “Hướng dẫn về việc xây dựng những hệ thống BHTG hiệu quả” (tháng 9 năm 2001) http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_0109b.pdf. IADI được thành lập ngay sau đó (2002) để làm tăng tính hiệu quả của hệ thống BHTG thông qua việc tăng cường hướng dẫn và hợp tác quốc tế.

¹³ Một tổ chức BHTG có nhiệm vụ rộng khi nó kết hợp việc chi trả tiền gửi với một số vai trò trong quá trình phá sản và/hoặc giám sát ngân hàng, hoặc nhiệm vụ hẹp hơn khi chỉ chịu trách nhiệm thu phí và chi trả.

¹⁴ BHTG có thể tiến hành chi trả dựa trên khoản thu của các ngân hàng sau khi vụ đổ vỡ xảy ra (lập quỹ sau) hoặc nhờ phí do các ngân hàng đóng trước khi đổ vỡ xảy ra (lập quỹ trước)

¹⁵ Xem thêm chi tiết “Thiết kế và triển khai các hệ thống BHTG” của Hoelscher, Taylor and Klueh (IMF Occasional Paper No. 251, December 2006)

người gửi tiền khi khủng hoảng ngày càng sâu rộng¹⁶. Phần lớn các biện pháp này về bản chất là rộng khắp toàn hệ thống và bao gồm cả những thay đổi trong phạm vi và hạn mức chi trả bảo hiểm và những thay đổi đối với quyền hạn của hệ thống BHTG (Xem bảng 1, phụ lục A)

Phần lớn các nước được khảo sát cho biết họ đã áp dụng các biện pháp này như phản ứng an toàn nhằm tái trấn an người gửi tiền và duy trì ổn định tài chính trong bối cảnh khủng hoảng. Đối với nhiều thành viên FSB, các biện pháp này là một phần của gói phản ứng rộng đối phó với khủng hoảng để hỗ trợ ngân hàng và ổn định tài chính. Các biện pháp tương ứng bao gồm những phương tiện hỗ trợ thanh khoản toàn hệ thống, chương trình tái cấp vốn, đảm bảo các khoản nợ bán buôn và, trong một số trường hợp là tái cấp vốn, kế hoạch mua lại tài sản hoặc bảo lãnh một số ngân hàng cụ thể (Pháp, Đức, Hà Lan, Nga, Thụy Sĩ, Anh và Mỹ).¹⁷

Các biện pháp đặc biệt bảo vệ người gửi tiền được áp dụng một cách trình tự và phần lớn là không có sự phối hợp, giữa các thành viên, và chỉ có ít sự tham khảo ban đầu (nếu có) giữa các nước với nhau¹⁸. 9 thành viên (Úc, Pháp, Hồng Kông, Ý, Hà Lan, Singapore, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Mỹ) báo cáo rằng họ đã đưa ra các biện pháp một phần là để cạnh tranh nhằm đáp lại những động thái tương tự của các nước khác.

10 thành viên FSB đã tăng hạn mức chi trả BHTG trong khủng hoảng, trong khi 4 thành viên trong số đó (Pháp, Đức, Hồng Kông, Singapore) sử dụng bảo đảm tiền gửi hoàn toàn một cách tạm thời¹⁹. Cuộc khủng hoảng còn khiến một thành viên (Úc) đẩy mạnh kế hoạch áp dụng cơ chế BHTG công khai. Vào tháng 10 năm 2008, Úc thành lập BHTG công khai (Chương trình bồi thường tài chính) với hạn mức tạm thời là 1 triệu Đô la Úc, một chương trình bảo đảm riêng biệt (tự nguyện và thu phí) cũng được thành lập để bảo hiểm cho tiền gửi vượt quá 1 triệu Đô la Úc. Mỹ tiến hành bảo đảm toàn bộ cho các tài khoản giao dịch không tính lãi cho đến cuối năm 2010 (sau đó gia hạn đến 2012). 3 thành viên (Brazil, Hàn Quốc, Thụy Sĩ) mở rộng phạm vi bảo hiểm để bao gồm cả các sản phẩm trước đây không được bảo vệ như tiền gửi có thời hạn đặc biệt, tiền gửi ngoại tệ và khoản tiền gửi của một số quỹ lương hưu.

Các nước trong FSB là thành viên Liên minh Châu Âu (EU) cuối cùng đã phối hợp các biện pháp của họ thông qua quá trình tham vấn và áp dụng những thay đổi chung dài hạn đối với hệ thống BHTG thông qua sửa đổi Chỉ thị của Liên minh 94/19/EC về *Cơ chế bảo đảm tiền gửi (DGSD)*. DGSD đã tăng hạn mức bảo đảm tối thiểu cho các nước này từ 20,000 euro lên 50,000 euro vào tháng 9 năm 2009, sau đó thống nhất một hạn mức là 100,000 euro vào tháng 12 năm 2010. Chỉ thị cũng đưa ra yêu cầu bồi thường cho người gửi tiền trong vòng 20 ngày thay vì 3 tháng cũng như các yêu cầu liên quan đến việc cung cấp thông tin toàn diện và

¹⁶ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico và Thổ Nhĩ Kỳ là những nước không áp dụng các biện pháp này trong khủng hoảng tài chính toàn cầu, mặc dù họ đã có những hành động để đối phó với khủng hoảng những năm 1990 và đầu 2000. Các biện pháp trước đây được họ áp dụng cũng giống với những biện pháp mới đây mà thành viên FSB đưa ra và bao gồm cả tăng hạn mức BHTG, bảo đảm tiền gửi toàn bộ, và nâng cao thẩm quyền xử lý đồ vờ.

¹⁷ Xem Báo cáo tháng 9 năm 2009 của IMF tại cuộc họp các Bộ trưởng và Thống đốc G20 về “Cập nhật thống kê đối phó của G-20 với khủng hoảng toàn cầu: Xem xét các chương trình được công bố rộng rãi cho hệ thống ngân hàng”, xem tại <http://www.imf.org/external/np/g20/pdf/090309b.pdf>

¹⁸ Về thời gian thông báo các biện pháp đặc biệt bảo vệ người gửi tiền, xem “Expanded Guarantees for Banks: Benefits, Costs and Exit Issues” của Schich (OECD Financial Market Trends, Volume 2009, Issue 2, tại <http://www.oecd.org/dataoecd/53/48/44260489.pdf>)

¹⁹ Trong trường hợp Pháp và Đức, bảo đảm này được đưa ra dưới dạng tuyên bố chính trị rằng những người gửi tiền sẽ không mất tiền gửi tại các ngân hàng được cấp phép.

kip thời cho người gửi tiền, bảo đảm rằng các cơ chế bảo đảm tiền gửi kiểm tra hệ thống của mình thường xuyên²⁰

Sự tiến triển của việc bảo vệ người gửi tiền sau khủng hoảng

Dỡ bỏ các biện pháp tạm thời

Một số thành viên FSB đã dỡ bỏ, hoặc trong quá trình dỡ bỏ, những biện pháp chi trả BHTG đặc biệt đã áp dụng trước đây (Xem Bảng 2 trong Phụ lục A). Nói chung, so với kinh nghiệm khủng hoảng trong quá khứ, tốc độ dỡ bỏ là nhanh hơn, một phần vì một số biện pháp được áp dụng chủ yếu như một bước để đề phòng²¹. Các chiến lược truyền thông đã được áp dụng bao gồm tuyên bố công khai của các thành viên mạng an toàn, các chiến dịch công khai và thông tin đăng tải trên trang web của BHTG.

Trong một số trường hợp, các kế hoạch dỡ bỏ những bảo đảm tạm thời được thông báo ngay khi việc bảo đảm mới được đưa vào thực hiện (Hong Kong, Singapore). Để đảm bảo quá trình chuyển tiếp diễn ra trôi chảy, Hong Kong đã hoàn tất những thay đổi pháp lý và đưa ra những sửa đổi hệ thống BHTG ngay sau khi bảo đảm toàn bộ hết hạn. Một chiến dịch lớn công khai trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng đã được dùng để đưa tin cho công chúng về những thay đổi này, chính quyền đã phối hợp chặt chẽ với ngành ngân hàng để đẩy mạnh quá trình chuyển tiếp và đảm bảo thanh khoản đầy đủ. Malaysia, Hong Kong và Singapore đã lập nhóm Công tác ba nước về Chiến lược dỡ bỏ khỏi bảo đảm tiền gửi toàn bộ vào tháng 7 năm 2009 để đưa ra chiến lược dỡ bỏ các biện pháp bảo hiểm toàn bộ, và dùng Nhóm này để phối hợp hoạt động giữa họ với nhau. Indonesia cũng đã phối hợp chương trình của họ để giảm hạn mức chi trả hiện tại (được tăng từ 100 triệu IDR lên 2 tỉ IDR vào tháng 10 năm 2008) với nhóm công tác này.²²

Vào tháng 9 năm 2011, chính phủ Úc thông báo giới hạn chi trả mới là 250,000 Đô la Úc, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2012. Nước này cũng thông báo có thể áp dụng một lựa chọn chi trả bổ sung cho phép cơ quan có thẩm quyền chuyển tiền gửi sang một tổ chức mới²³. Úc báo cáo rằng quá trình chuyển tiếp của nước này dựa trên rất nhiều nhân tố như: hạn mức, rủi ro tài chính, rủi ro đạo đức, hướng dẫn và tính tương thích quốc tế, tác động đến người gửi tiền, các tổ chức tài chính và thị trường, lập quỹ và quản trị, thông tin đại chúng. Nó dựa vào các tuyên bố công khai đại chúng để thông báo cho thị trường và cung cấp thông tin thông qua trang web của BHTG và đường dây nóng.

Việc bảo hiểm toàn phần của Anh đối với Northern Rock, Bradford và Bingley, cũng như tại một số ngân hàng Iceland, đã được dỡ bỏ tháng 5 năm 2010. Việc sửa đổi Chi thị của Liên minh Châu Âu về BHTG vào tháng 6 năm 2009 đã thay thế tuyên bố mang tính chính trị về

²⁰ Xem chi tiết tại http://ec.europa.eu/internal_market/bank/guarantee/index_en.htm. Ủy ban Châu Âu đề nghị sửa đổi Chi thị 1994 vào tháng 6 năm 2010 với việc hòa hợp hơn nữa việc bảo vệ người gửi tiền ở Châu Âu và tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ chế, quá trình này vẫn tiếp tục.

²¹ 3 thành viên của FSB nhận xét về kinh nghiệm dỡ bỏ sự bảo lãnh tạm thời được áp dụng trong khủng hoảng của từng nước (Nhật Bản, Mexico, Thổ Nhĩ Kỳ). Bảo đảm toàn phần được Nhật áp dụng từ tháng 6 năm 1996, được dỡ bỏ những thập kỷ sau đó, với sự bảo đảm toàn bộ các khoản tiền gửi thông thường vẫn được giữ nguyên đến 2005. Thổ Nhĩ Kỳ dỡ bỏ năm 2003-04 việc bảo đảm toàn phần được áp dụng năm 2000. Mexico sử dụng cơ chế bảo đảm toàn bộ để hỗ trợ quá trình chuyển tiếp sang BHTG giới hạn và công khai; mức độ bảo đảm được giảm dần về loại và số tiền từ 1999 đến 2005 với kế hoạch chuyển tiếp 7 bước.

²² Xem báo cáo FSB về Note by the Staffs of the International Association of Deposit Insurers and the International Monetary Fund on Update on Unwinding Temporary Deposit Insurance Arrangements" (June 2010) tại http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_1006.pdf

²³ Xem chi tiết tại báo cáo đồng đăng của FSB về Úc tháng 9 năm 2011 tại http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_110926b.pdf

bảo đảm tiền gửi toàn bộ của Pháp, trong khi đó bảo hiểm tạm thời cho tiền gửi có thời hạn đặc biệt do các ngân hàng đưa ra tại Brazil đang bị loại bỏ trước 1/1/2016.

Các biện pháp tăng cường được sử dụng lâu dài

Phần lớn các thành viên đã tiến hành cải tiến một cách dài hạn những đặc điểm khác nhau của hệ thống BHTG. Trong số đó có việc sử dụng hệ thống BHTG công khai lâu dài (Úc), mở rộng hạn mức chi trả (Các nước thành viên Liên minh Châu Âu, Nga, Thụy Sĩ, Mỹ), trong các loại được bảo hiểm tiền gửi (Hàn Quốc, Thụy Sĩ), cải tiến trong quá trình chi trả (Thành viên EU), loại bỏ hình thức đồng bảo hiểm (Đức, Nga, Anh), loại bỏ cơ chế bù trừ khỏi các nguyên tắc bồi thường (Hà Lan, Singapore, Anh), thay đổi cơ sở tính phí và mức phí (Mỹ²⁴) và việc sử dụng cơ chế Lập quỹ trước (Hà Lan²⁵).

Những thay đổi này được đưa ra để hạn chế rủi ro rút tiền hàng loạt, bảo vệ người gửi tiền tốt hơn, hoặc (như trong trường hợp của EU) thống nhất việc bảo vệ người gửi tiền được một nhóm quốc gia áp dụng. Không phải tất cả thay đổi này đều được đưa ra chỉ vì khủng hoảng – ví dụ, ở Mỹ, hạn mức bảo hiểm đã không tăng kể từ 1980 và việc tăng được cho là cần thiết từ trước khủng hoảng. Mục tiêu này đã đạt được khi Quốc hội vào năm 2010 đã tăng hạn mức chi trả lên 250.000 USD.

Những thay đổi mang tính dài hạn khác lại liên quan đến việc cải tiến nhiệm vụ và quyền hạn của BHTG cũng như mạng an toàn. Việc gia tăng quyền hạn giúp các thành viên có thể có các lựa chọn xử lý khác ngoài chi trả, ví dụ như hỗ trợ ngân hàng gặp khó khăn và hỗ trợ thanh khoản dưới hình thức mua lại các khoản vay, các khoản đầu tư được đảm bảo bằng các khoản phải thu (Brazil). Nga trao quyền hạn mở rộng để cho phép hệ thống BHTG của nước mình ngăn ngừa đổ vỡ đối với những ngân hàng có tầm quan trọng đối với toàn hệ thống và sắp xếp các giao dịch mua lại và tiếp nhận. Các cơ chế xử lý đặc biệt được áp dụng và cải tiến để xử lý các tổ chức tín dụng gặp khó khăn (Canada, Anh) và các tổ chức tài chính có tầm quan trọng trong hệ thống hay còn gọi là SIFIs (Mỹ). Sau khi đánh giá khủng hoảng, Đức đã thực hiện quy định vào tháng 1 năm 2011, theo đó cung cấp một cơ chế linh hoạt hơn cho việc tái cơ cấu và tổ chức lại các tổ chức tín dụng²⁶

Những đặc điểm cơ bản của các hệ thống BHTG

Phần này, được sắp xếp cùng với các nhóm Nguyên tắc cơ bản (NTCB), xem xét lại cấu trúc tổng thể và một số đặc điểm chính yếu của các hệ thống BHTG trong các thành viên FSB bao gồm cả việc nhấn mạnh những thông lệ tốt tại các hệ thống cụ thể.

Trả lời của các tổ chức BHTG đã chỉ ra rằng phần lớn đặc điểm thiết kế của các hệ thống BHTG phù hợp với *Những Nguyên tắc cơ bản*. Đặc biệt, nhiệm vụ của hầu như tất cả các hệ thống BHTG được xem xét đều được định nghĩa rõ ràng, cụ thể hóa một cách chính thức và được thông báo rộng rãi đến công chúng; quy chế thành viên bắt buộc cũng được áp dụng rộng rãi đối với thành viên BHTG, hạn mức chi trả đủ cao được quy định để giúp phần lớn người gửi tiền được BHTG bảo vệ hoàn toàn. Một số đặc điểm được đưa ra nhằm đáp ứng

²⁴ Tại Mỹ, những thay đổi được đưa ra đã được thông qua để đáp ứng việc ban hành Luật cải cách Tài chính phố Wall- Dodd Frank vào tháng 7 năm 2010 <http://www.gpo.gov/fdsys/pkg/PLAW-111publ203/content-detail.html>

²⁵ Hà Lan có báo cáo về Lập quỹ trước vào tháng 6 năm 2009, và cuối cùng quyết định áp dụng nó vào tháng 12 năm 2012, thành lập một cơ quan độc lập để quản lý quỹ

²⁶ Việc áp dụng các cơ chế xử lý đặc biệt không ảnh hưởng đến nhiệm vụ của BHTG tại Đức và Anh

những cải cách xuất phát từ nguyên do cuộc khủng hoảng gần đây, nâng cao hơn nữa khả năng của BHTG trong việc củng cố niềm tin của người gửi tiền khi giải quyết các vấn đề của khu vực Ngân hàng.

Song song với đó, tuy nhiên, có những lĩnh vực có vẻ như lệch hướng hoặc, không tuân thủ với các Nguyên tắc cơ bản, cần thêm thời gian và nỗ lực để giải quyết, ví dụ như thiết kế phạm vi bảo hiểm, cấu trúc quản trị, cơ chế cấp vốn dự phòng, chia sẻ thông tin, khung thời gian chi trả mục tiêu, và đánh giá nhận thức của công chúng. Phần IV bao gồm những khuyến nghị để giải quyết những vấn đề trên.

Cấu trúc của cơ chế bảo vệ người gửi tiền

Hầu hết các thành viên FSB (21 trên 24) áp dụng BHTG giới hạn công khai để bảo vệ người gửi tiền²⁷. Úc là nước áp dụng gần đây nhất BHTG công khai, hiện tại chỉ còn lại 3 nước chưa áp dụng là Nam Phi, Trung Quốc và Arap Xeut.

Nam Phi có ý định áp dụng cơ chế này vào năm 2012. BHTG ở Nam Phi sẽ bảo hiểm khoản tiền gửi ở các ngân hàng thương mại và ngân hàng tương hỗ, sẽ hoạt động dưới sự quản lý của Ngân Hàng Dự trữ Nam Phi. Đối với các ngân hàng hợp tác xã, một cơ chế riêng dưới sự bảo trợ của Cơ quan Phát triển Ngân hàng hợp tác xã sẽ được xây dựng. Hạn mức bảo hiểm được đề nghị cho cả hai cơ chế là 100.000 SAR (khoảng 15.000 đô la Mỹ) và sẽ áp dụng cơ chế lập Quỹ trước.

Trung Quốc đang tiến hành nghiên cứu khả thi về việc thành lập BHTG công khai và có giới hạn và bao gồm tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi. Đề nghị này được đưa ra tại Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 về Phát triển Kinh tế và Xã hội quốc gia được Quốc hội thông qua tháng 10 năm 2010. Một đội công tác liên ngành về bảo hiểm tiền gửi, chịu lãnh đạo của Ngân Hàng Nhân Dân Trung Quốc và Ủy Ban Quản lý Ngân hàng Trung Quốc, được thành lập để thiết kế và xây dựng hệ thống BHTG. Dựa trên nghiên cứu sơ bộ, cơ chế Lập quỹ trước và một hệ thống phí trên cơ sở rủi ro sẽ là một trong những đặc điểm được lựa chọn của BHTG nước này.

Arap Xeut trước đây đã nghiên cứu việc thành lập một cơ quan BHTG công khai nhưng sau đó lại quyết định không áp dụng. Nước này cho rằng khuôn khổ qui định về an toàn chặt chẽ cùng với sự giám sát chủ động và tích cực đã đủ để bảo vệ người gửi tiền.

Phần lớn các thành viên FSB có một cơ quan BHTG, cho dù 6 thành viên trong số đó áp dụng mô hình nhiều tổ chức BHTG (Xem phụ lục B). Nhiều hệ thống BHTG trong cùng một nước thường áp dụng với những đối tượng thuộc các tổ chức khác nhau: Brazil có 4 cơ quan (ngân hàng thương mại và liên hiệp tín dụng), một số của Canada (Tổ chức tín dụng do Liên bang cấp phép, công ty cho vay và ủy thác do tỉnh bang cấp phép, hội tín dụng do tỉnh bang cấp phép), Đức có 6 cơ quan (4 cho ngân hàng thương mại và 2 hệ thống bảo vệ tổ chức là các ngân hàng tiết kiệm và ngân hàng hợp tác), Ý có 2 cơ quan (ngân hàng cổ phần/ngân hàng hợp tác và ngân hàng hỗ trợ), Nhật Bản có 2 cơ quan (ngân hàng/hợp tác xã tín dụng và

²⁷ Theo các Nguyên tắc cơ bản, Hệ thống bảo hiểm tiền gửi công khai giúp: i) xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chức năng đối với người gửi tiền (hoặc đối với các thành viên của hệ thống BHTG nếu đó là hệ thống BHTG tư nhân), ii) hạn chế việc đưa ra các quyết định chủ quan, iii) có thể tăng cường niềm tin của công chúng, iv) giúp hạn chế chi phí xử lý đổ vỡ ngân hàng, v) thiết lập quy trình xử lý đổ vỡ ngân hàng có trật tự, và vi) xây dựng cơ chế để các ngân hàng chia sẻ các chi phí xử lý đổ vỡ ngân hàng.

HTX nông nghiệp ngư nghiệp), Mỹ có 2 cơ quan (Ngân hàng/tổ chức tiết kiệm và liên hiệp tín dụng)²⁸

Đức và Thụy Sĩ là những nước có cơ chế BHTG độc nhất. Ở Đức, Ngân hàng Thương mại phải tham gia các Cơ chế bảo đảm tiền gửi theo Luật định (1 cho Ngân hàng tư nhân và 1 cho Ngân hàng Công), nhưng các ngân hàng này cũng tận dụng sự bảo vệ tự nguyện “cần đến đâu yêu cầu đến đấy” do các Hiệp hội ngân hàng tương ứng cung cấp. Tuy nhiên, các cơ chế được điều hành bởi tư nhân này không có các quyền hạn hành chính và không chịu sự giám sát của các cơ quan giám sát (BaFin). Ngoài ra, còn có cái được gọi là các cơ chế bảo vệ tổ chức (1 cho Hợp tác xã và 1 cho các ngân hàng tiết kiệm), do các Hiệp hội ngân hàng tương ứng điều hành, bảo vệ sự tồn tại của các tổ chức thành viên thông qua nhiều cơ chế khác nhau và việc bảo đảm chéo. Các tổ chức thành viên của các hệ thống bảo vệ tổ chức không tham gia vào cơ chế theo luật định, tuy nhiên, nó vẫn chịu sự giám sát của BaFin và, nếu các điều kiện để đảm bảo sự tồn tại không được đáp ứng, các thành viên này sẽ phải chuyển sang một trong các cơ chế theo luật định.

Trong trường hợp Thụy Sĩ, có một hệ thống bảo đảm tiền gửi lập quỹ sau duy nhất, tuy nhiên, một vài ngân hàng bang lại có các tài sản nợ được chính bang đó bảo đảm toàn bộ (và phải đóng phí). Nếu thanh khoản của ngân hàng đổ vỡ không thể bồi thường cho người gửi tiền²⁹, khi đó hệ thống BHTG sẽ được kích hoạt. Tuy nhiên, có sự giới hạn mức 6 tỉ CHF đối với việc đóng góp của tất cả các thành viên, bất cứ sự đền bù nào vượt trên mức đó sẽ được thanh toán bởi tài sản thanh lý của tổ chức đó.

Cơ cấu tổ chức của các cơ quan BHTG theo luật định cũng khác nhau trong các nước thành viên FSB. Cơ quan BHTG ở 19 nước do một thực thể độc lập, tách biệt về mặt pháp lý vận hành, được quy định trong Luật (Xem Bảng 1 phụ lục C). Một hệ thống được thành lập thuộc ngân hàng trung ương /cơ quan giám sát (Hà Lan) và 1 thuộc cơ quan bảo đảm an toàn (Úc) trong khi đó Nam Phi lại có kế hoạch thành lập hệ thống BHTG công khai thuộc Ngân hàng Trung Ương/ cơ quan Giám sát³⁰

Phần lớn các cơ quan BHTG (13) là tổ chức công lập nhưng được ngành ngân hàng cấp vốn. 5 nước có hệ thống do tư nhân điều hành (Argentina, Brazil, Ý, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ³¹). BHTG Nhật Bản do Chính phủ và Ngân hàng Nhật Bản, và các tổ chức tài chính tư nhân đồng sở hữu. BHTG của Pháp do tư nhân điều hành nhưng thành lập bởi Luật và quy định, chịu sự quản lý công chặt chẽ, trong khi hai hệ thống bảo đảm theo luật định của Đức lại có các yếu tố kết hợp công/tư do tư nhân điều hành nhưng được thành lập bởi Luật và có các yếu tố công như các chức năng về chính sách công được trao và được cơ quan giám sát giám sát. Ở một số nước, người gửi tiền được bảo vệ bởi các cơ chế thuộc về thể chế khác (bên cạnh quy việc giám sát và quản lý an toàn). Có 13 thành viên FSB (Argentina, Úc, Trung Quốc, Hong Kong, Ấn Độ, Indonesia, Mexico, Nga, Singapore, Nam Phi, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ,

²⁸ Hội đồng Bộ trưởng Tây Ban Nha đã thông qua đạo luật hoàng gia vào tháng 10 năm 2011 để sát nhập 3 quỹ bảo đảm tiền gửi (Ngân hàng, ngân hàng tiết kiệm và hợp tác xã tín dụng) thành một Quỹ bảo đảm tiền gửi các tổ chức tín dụng

²⁹ Vì không có cơ chế lập quỹ trước công khai cho BHTG, tất cả các tổ chức nhận tiền gửi (một vài ngoại lệ) được yêu cầu giữ tài sản ở Thụy Sĩ tương đương với 125% khoản tiền gửi trong hạn mức bảo hiểm. Thanh khoản của những tài sản này (khi cần) là nguồn đầu tiên để chi trả cho người gửi và được sử dụng khi tổ chức đổ vỡ

³⁰ Một cơ chế độc lập sẽ được thành lập để đảm bảo tiền gửi trong các ngân hàng Hợp tác, chịu sự bảo lãnh của Cơ quan phát triển hợp tác ngân hàng.

³¹ Hai cơ chế bảo vệ tổ chức và bảo đảm tiền gửi tự nguyện của Đức cũng nằm trong mục này

Mỹ) cung cấp các ưu tiên luật định cho người gửi tiền hoặc BHTG so với các chủ nợ không được đảm bảo trong việc thanh lý ngân hàng³². Ngoài ra, Úc, Canada, Ý, và Tây Ban Nha cũng đặt ra những giới hạn cho việc phát hành trái phiếu để bảo vệ người gửi tiền tốt hơn³³

Các mục tiêu, nhiệm vụ, quyền hạn và quản trị (Các Nguyên tắc cơ bản 1-5)

Mục tiêu chính sách công cơ bản của các nước thành viên FSB khi áp dụng hệ thống BHTG công khai là để bảo vệ người gửi tiền. 12 nước (Canada, Pháp, Đức, Hồng Kong, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ) đã có bước tiến xa hơn nữa và gồm cả mục tiêu về góp phần bảo đảm ổn định hệ thống tài chính. Các nước được khảo sát đều đã có BHTG với mục tiêu chính sách được quy định tại Luật/ Quy định (Xem bảng 2 Phụ lục C).

Do có sự khác biệt trong cơ chế mạng an toàn tài chính giữa các nước thành viên FSB, BHTG cũng có rất nhiều nhiệm vụ (Xem Bảng 3 phụ lục C). Các nhiệm vụ này có thể được chia làm 4 loại:

1. Hệ thống nhiệm vụ hẹp chỉ có trách nhiệm chi trả các khoản tiền gửi được bảo đảm (Nhiệm vụ “chuyên chi trả”) – 7 thành viên (Úc, Đức³⁴, Hồng Kong, Ấn Độ, Hà Lan, Singapore, Thụy Sĩ);
2. Nhiệm vụ “chi trả mở rộng” là khi mà các nhà BHTG có thêm trách nhiệm như một số chức năng xử lý cụ thể – 3 thành viên (Argentina, Brazil, Anh);
3. Nhiệm vụ “giảm thiểu tổn thất”, khi mà cơ quan bảo hiểm tham gia tích cực vào việc lựa chọn từ một tập hợp đầy đủ các chiến lược xử lý với chi phí thấp nhất phù hợp – 9 thành viên (Canada, Pháp, Indonesia, Ý, Tây ban Nha, Nhật Bản, Mexico, Nga, Tây Ban Nha và Thổ Nhĩ Kỳ), và
4. Nhiệm vụ “Giảm thiểu rủi ro” khi mà cơ quan bảo hiểm có các chức năng giảm thiểu rủi ro toàn diện bao gồm các quyền hạn xử lý đầy đủ cũng các trách nhiệm như giám sát an toàn – 2 thành viên (Hàn Quốc và Mỹ)

Dù khác nhau thế nào, tất cả các hệ thống BHTG đều có các nhiệm vụ được xác định và quy định chính thức, được hỗ trợ bởi quyền hạn cần thiết, tuân thủ theo Nguyên tắc cơ bản số 3 và 4.

Hầu hết các nước có BHTG công khai đều có một kiểu cấu trúc Ban quản trị, như Ủy ban quản lý, Hội đồng Quản trị, Ban Giám sát, hoặc ban điều hành (Xem Bảng 4 phụ lục C)³⁵. Thành phần của ban quản trị nhìn chung phản ánh sự tham gia đa dạng của thành viên mạng an toàn và các bên liên quan. Trong một số trường hợp, bộ phận này bao gồm trước tiên là viên chức chính phủ (như Nga), ngành ngân hàng (như Argentina, Brazil, Pháp, Đức, Ý, Thụy Sĩ) hoặc cơ quan giám sát (Hàn Quốc, Mỹ). Thành phần của ban quản trị là một đặc

³² Để xem thêm về việc bảo vệ người gửi tiền khi thanh toán, xem Phụ lục 7 trong tài liệu tư vấn của FSB về “Giải pháp hiệu quả của thể chế tài chính quan trọng về hệ thống – Khuyến nghị và thời hạn” (Tháng 7 năm 2011 tại http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_110719.pdf).

³³ Giá trị tài sản trong tổng số thanh toán không vượt quá 8% tài sản của cơ quan tiền gửi được cấp phép ở Úc. Giới hạn cao nhất ở Canada là 4% tài sản của tổ chức. Ở Ý, giới hạn là 60% và 20% trên một số tài sản thuộc phạm vi bảo hiểm dựa trên mức độ của tỉ lệ tổng vốn và tỉ lệ vốn cấp 1 của ngân hàng đó.

³⁴ BHTG của Đức nhìn chung thực hiện chức năng hạn hẹp, chỉ có ngoại lệ đối với thể chế tự nguyện (dành cho khu vực ngân hàng tư và công) có thêm trách nhiệm liên quan đến các biện pháp đề phòng và cơ chế bảo vệ thể chế (Cho HTX và Ngân hàng tiết kiệm) nhằm đảm bảo sự vững mạnh của tổ chức thành viên

³⁵ Úc và Hà Lan không có cấu trúc Ban điều hành độc lập cho BHTG vì nó được hình thành trên cơ sở 1 bộ phận của Cơ quan an toàn

điểm quan trọng trong sự độc lập về hoạt động của BHTG³⁶, cho dù các khía cạnh quản trị rộng hơn – ví dụ như địa vị pháp lý của BHTG (được quy định bởi Luật hay không), sự đầy đủ của các nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn và các yêu cầu vừa vặn và thích hợp của ban quản trị cũng như mối quan hệ với các bên liên quan và các hệ thống giám sát riêng của BHTG – cần phải được xem xét để đánh giá đúng mức sự độc lập về hoạt động³⁷. Tuy nhiên, nhìn chung, thành viên của cơ quan quản trị BHTG có thể giảm nguy cơ xung đột lợi ích và ảnh hưởng không tốt từ các bên liên quan³⁸

Thành viên tham gia và hạn mức chi trả bảo hiểm (Các nguyên tắc cơ bản 8-9)

Thành viên

Hầu hết các hệ thống được khảo sát tỏ ra đáp ứng được yêu cầu của Nguyên tắc cơ bản 8 theo đó áp dụng cơ chế thành viên bắt buộc cho tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi từ những người cần được bảo vệ nhất, để giúp tránh được việc lựa chọn sai lầm. Riêng Thụy Sĩ là ngoại lệ, ở đó một số tổ chức nhận tiền gửi nhất định – ví dụ Tài chính bưu điện (đơn vị dịch vụ tài chính của Bưu điện nhà nước Thụy Sĩ) và Hợp tác xã – không chịu sự điều chỉnh của cơ chế BHTG trong nước vì nó không có địa vị của một ngân hàng. Tiền gửi tại tài chính bưu điện được nhà nước bảo đảm toàn bộ, và qui mô của nó là quan trọng, như là một bộ phận trong tổng tiền gửi của hệ thống ngân hàng Thụy Sĩ.

Do đặt trọng tâm vào việc bảo đảm lợi ích người gửi tiền trong nước và sự an toàn của hệ thống tài chính nội địa, tất cả các thành viên đều bảo hiểm các khoản tiền gửi tại những công ty con trong nước của ngân hàng nước ngoài. Phần lớn số này (14 trong 20) bảo đảm cả các khoản gửi tại chi nhánh trong nước của ngân hàng nước ngoài (Xem Bảng 5 phụ lục C)³⁹. Một số nước (Úc, Hàn Quốc, EU và Mỹ) mở rộng việc bảo hiểm cho cả các khoản gửi tại chi nhánh nước ngoài của ngân hàng nội địa⁴⁰.

Mức chi trả

Mức chi trả ở các nước thành viên FSB có BHTG công khai bao gồm một bộ phận lớn những người gửi tiền, như được yêu cầu tại Nguyên tắc cơ bản 9 (Xem Bảng 5 phụ lục C). Như được thể hiện ở Hình 1, hạn mức chi trả cho một người gửi tiền ở một tổ chức có thay đổi từ 2.240 USD đến hơn 1 triệu USD (Úc⁴¹), với mức bình quân **giảm đơn** vào khoảng 145.000 USD. Các hạn mức này ở các nước thành viên đã tăng đáng kể do tác động của khủng hoảng. Khi chuyển sang phần trăm trên GDP của từng nước - một thước đo khác để so sánh, hạn mức chi trả đã thay đổi từ 83% (Argentina) đến 8.000% (Indonesia). Tuy nhiên thước đo này

³⁶ Độc lập về hoạt động có nghĩa là việc cơ quan bảo hiểm được sử dụng các quyền hạn và phương tiện được giao mà không chịu ảnh hưởng quá mức của bên ngoài, và không có sự can thiệp quá mức của chính phủ, cơ quan giám sát hoặc ngành.

³⁷ Ví dụ, BHTG do tư nhân điều hành ở Pháp được luật pháp thành lập, trong khi quy chế riêng của nó lại cần được cơ quan công quyền thông qua và Chủ tịch của Ban điều hành được bổ nhiệm thông qua sự thỏa thuận của Bộ trưởng Tài chính. Ở Đức, các hệ thống bảo đảm theo luật định được giao các chức năng chính sách công và quyền hạn quản trị nhất định, do BaFin giám sát và có một số giới hạn giữa Hiệp hội kiểm toán (độc lập) thực hiện kiểm toán thành viên và các ban liên quan của tổ chức BHTG. Tuy nhiên, những cá nhân này (từ Hiệp hội ngân hàng) cùng làm việc cho cả cơ chế luật định và cơ chế tự nguyện không luật định bao quát các tổ chức giống nhau

³⁸ Ở Thổ Nhĩ Kỳ, BHTG có Hội đồng Quản trị được Hội đồng bộ trưởng bổ nhiệm. Thành viên của Ban Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 10 năm kinh nghiệm chuyên môn và họ không thể làm việc cho các cơ quan công lập hoặc tư nhân khác trong suốt nhiệm kỳ của mình.

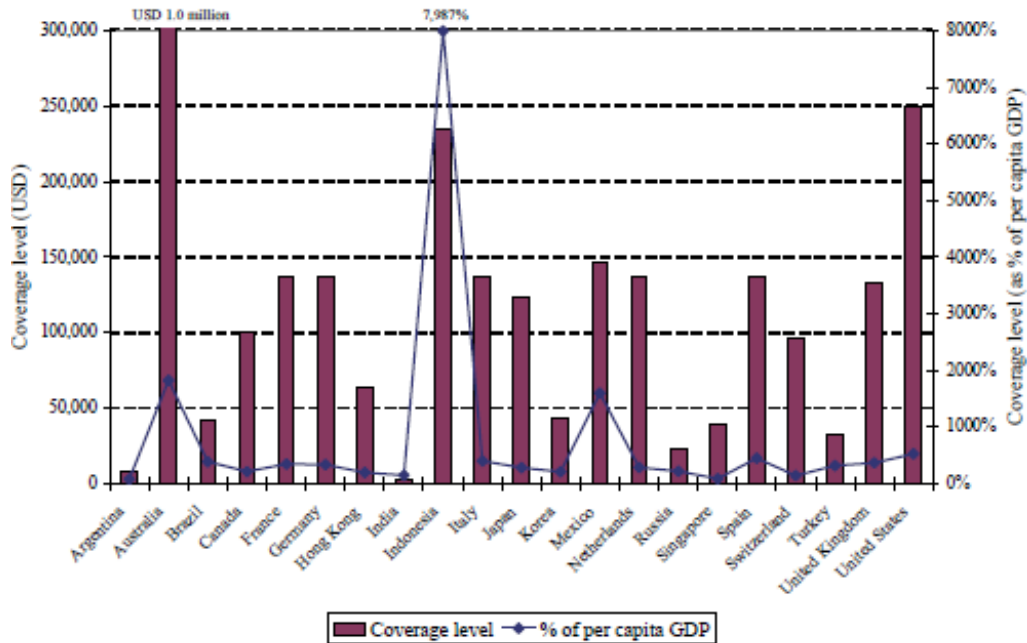
³⁹ Trong trường hợp của thành viên Khu vực kinh tế Châu Âu (EEA), BHTG trong nước không chi trả các khoản tiền tại chi nhánh của các tổ chức tín dụng có trụ sở tại các nước EEA vì chính quyền sở tại chịu trách nhiệm cung cấp BHTG. Tuy nhiên, các chi nhánh trong nước của các tổ chức tín dụng được thành lập ở các nước ngoài EEA nên tham gia vào BHTG nội địa.

⁴⁰ FDIC chi bảo hiểm khoản gửi tiền của chi nhánh nước ngoài của các ngân hàng nội địa nếu khoản tiền gửi đó được xem là “có thể chi trả trong nước Mỹ”. Úc đã thông báo kế hoạch luật hóa việc từ bỏ việc chi trả từ chi nhánh nước ngoài của ngân hàng nội địa, tổ chức tín dụng và công ty nhà ở.

⁴¹ Mức chi trả của Úc sẽ là 250.000 Đô la Úc cho một tài khoản tại một tổ chức nhận tiền gửi. Mức này sẽ được áp dụng kể từ 1 tháng 2 năm 2012

không xem xét đến các yếu tố liên quan khác như loại tiền gửi được bảo hiểm (ví dụ như tiền gửi công ty hoặc liên ngân hàng)

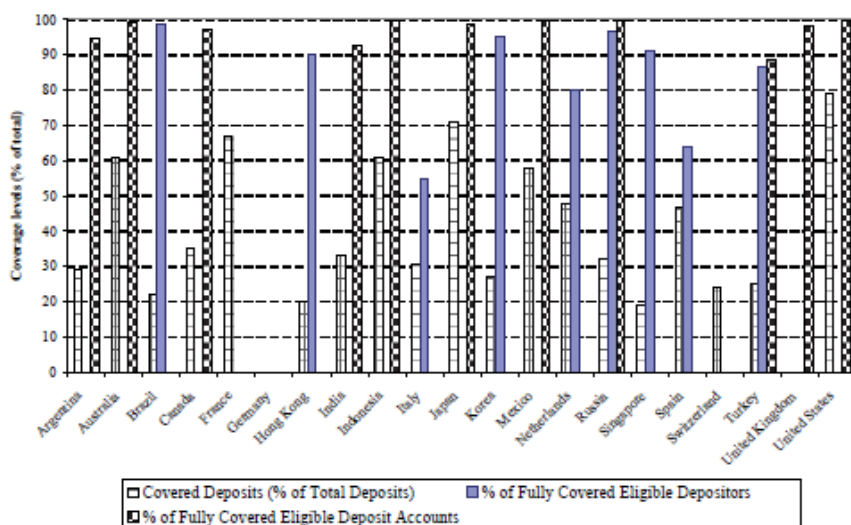
Hình 1. So sánh giữa các quốc gia về hạn mức chi trả cuối năm 2010
(mức tuyệt đối và phần trăm GDP đầu người)



Nguồn: Các cơ quan quốc gia, Ngân hàng thế giới

Ghi chú: Xem chi tiết tại Bảng 5 phụ lục C. Số liệu của Đức chỉ bao gồm hệ thống BHTG luật định. Mức độ tuyệt đối cho Úc là 1 triệu Đô la Úc cho mỗi chủ tài khoản ở mỗi tổ chức được phép nhận tiền gửi vào cuối 2010, nhưng chính quyền mới đưa ra mức trần 250.000 Đô la Úc từ 1 tháng 2 năm 2012.

Hình 2. So sánh giữa các nước về hạn mức bảo hiểm cuối năm 2010
(% trên tổng số tiền gửi, những người gửi tiền đủ điều kiện được chi trả hoàn toàn,



những tài khoản tiền gửi đủ điều kiện được chi trả hoàn toàn)

Nguồn: Các cơ quan quốc gia

Ghi chú:

Xem chi tiết tại Bảng 5 Phụ lục C. Cột không có ở hình này là không có dữ liệu

Mức bảo vệ đầy đủ chủ yếu là tỉ lệ khoản tiền gửi được bảo hiểm trên số người gửi tiền được bảo hiểm chứ không phải hạn mức chi trả tuyệt đối. Mức độ bảo vệ tiền gửi và người gửi tiền thấp, như thể hiện trong khung hoảng, có thể gây ra bất ổn tài chính. Chỉ một nửa trong số những nước được điều tra có thể cung cấp số liệu về tỉ lệ người gửi nhận được chi trả toàn bộ (Xem hình 2). Với những nước mà số liệu có sẵn, trung bình 84% tổng số người gửi tiền đủ điều kiện được bảo đảm hoàn toàn⁴², cao nhất là Brazil (98.9%) và thấp nhất là Ý (55%)⁴³. Về giá trị tiền gửi được bảo vệ theo phần trăm tổng số tiền gửi, 19 nước cho số liệu trong đó trung bình là 42%, cao nhất là Mỹ (79%) và thấp nhất là Singapore (19%)⁴⁴.

Một vài thành viên – như Nhật Bản và Đức⁴⁵, Mỹ – có mức mức độ bảo vệ rất cao. Cho dù điều này làm giảm động cơ khiến những người gửi tiền rút tiền ồ ạt, các biện pháp kiểm soát bổ sung là cần thiết để bảo đảm sự cân bằng thích hợp giữa ổn định tài chính và nguyên tắc thị trường⁴⁶. Ví dụ như ở những nước có sự cân bằng hợp lý như BHTG Canada, mức chi trả

⁴² Chỉ có số liệu cho các hệ thống luật định được xét đến ở Đức

⁴³ 9 trong 12 nước còn lại không có số liệu về phần trăm những người gửi tiền được chi trả hoàn toàn, thay vào đó đã cung cấp phần trăm tài khoản gửi tiền hợp lệ được chi trả hoàn toàn. Mức độ chi trả trung bình của các nước này là 97%, trong đó cao nhất là Mexico (99.9%) và thấp nhất là Thổ Nhĩ Kỳ (88.7%). Dựa vào thông báo công khai của chính quyền Úc, mức cao nhất được áp dụng vào đầu năm 2012 được cho là sẽ bảo vệ hoàn toàn các khoản tiết kiệm cho 99% tài khoản tiền gửi

⁴⁴ Mức chi trả của Singapore đảm bảo hoàn toàn cho 91% những người gửi tiền thuộc phạm vi bảo hiểm của hệ thống BHTG này. Mục tiêu lớn nhất của nó là bảo vệ phần lớn những người gửi tiền nhỏ trong khi đó vẫn quản lý được chi phí BHTG và bảo đảm động lực cho những người gửi tiền lớn thực hiện nguyên tắc thị trường

⁴⁵ Mức độ chi trả của Đức rất cao nếu xét đến việc các chương trình tự nguyện cho các ngân hàng thương mại "bổ sung" cho chương trình BHTG theo luật định, cũng như thực tế cơ chế bảo vệ tổ chức cho ngân hàng hợp tác và ngân hàng tiết kiệm bảo đảm sự tồn tại của chính các tổ chức này.

⁴⁶ Nguyên tắc cơ bản không đề ra mức độ chi trả hợp lý. Tuy nhiên, Sổ tay phương pháp luận đánh giá đề xuất rằng giới hạn nên được đặt ra để phần lớn những người gửi tiền quy mô nhỏ được chi trả đầy đủ (nên họ sẽ không có động cơ rút tiền ồ ạt) nhưng một phần lớn của giá trị tổng tiền gửi vẫn không được chi trả và chịu tác động của nguyên tắc thị trường.

toàn bộ khoảng 97% tổng số tài khoản hợp lệ nhưng chỉ khoảng 35% giá trị của số dư tiền gửi.

Giới hạn chi trả nên áp dụng như nhau cho tất cả các ngân hàng trong BHTG để tránh cạnh tranh không tốt ảnh hưởng đến hiệu quả duy trì sự ổn định của BHTG trong ngành ngân hàng. Trường hợp một số nước có nhiều cơ quan BHTG (Ý, Nhật Bản, Mỹ), không tổ chức tài chính nào hiện đang được bảo vệ bởi 2 cơ quan BHTG, trong khi giới hạn bảo vệ và loại tiền gửi được bảo hiểm tại mỗi nước này là khá giống nhau. Tuy nhiên, có những khác biệt trong BHTG ở Đức và Canada (cũng như Thụy Sĩ cho dù nước này không có nhiều cơ quan BHTG) đã gây nên sự cạnh tranh không tốt và có thể là vấn đề với BHTG. Tại Canada, hạn mức bảo hiểm cho các liên hiệp tín dụng do tỉnh cấp phép là khác nhau tùy thuộc vào tỉnh đó. Ở Đức, như đã nêu trên đây, ngân hàng thương mại có thể lựa chọn "bổ sung" mức bảo vệ người gửi tiền từ cơ chế luật định để cân bằng với mức bảo hiểm hoàn toàn từ cơ chế bảo vệ tổ chức cho và ngân hàng tiết kiệm và ngân hàng hợp tác (Xem Phụ lục B). Ở Thụy Sĩ, một vài ngân hàng liên bang có các khoản nợ được bảo đảm hoàn toàn bởi chính bang của mình ngoài việc tham gia vào các cơ chế bảo vệ người gửi tiền trong nước.

Loại tiền gửi được bảo hiểm

Thành viên FSB bảo hiểm cho nhiều loại tiền gửi (Xem bảng 6 phụ lục C). Tất cả các nước được khảo sát đều bảo hiểm cho các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn cũng như tiền gửi của người không cư trú. Phần lớn trong số này cũng cho chi trả các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ (16), tiền gửi của các công ty phi tài chính (19) và cơ quan trong khu vực công (12). Tiền gửi liên ngân hàng thường không được bảo hiểm (ngoại trừ Úc, Canada, Indonesia và Mỹ) trong khi khoảng một nửa các nước này chi trả các khoản tiền gửi của những tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Bù trừ và đồng bảo hiểm

Trong tổng số 1/2 nước được điều tra có hệ thống BHTG công khai, cơ chế bù trừ được sử dụng (Xem bảng 5 phụ lục C).⁴⁷ Tuy nhiên, sau khủng hoảng tài chính, một vài nước (Hà Lan, Singapore, Anh) đã thay thế cơ chế bù trừ bằng cơ chế thanh toán tổng gộp, phản ánh lo ngại của cả người gửi tiền trước một phần rủi ro cũng như nỗ lực thực thi quá trình chi trả.

Không có nước nào trong số những nước được điều tra đang sử dụng cơ chế đồng bảo hiểm,⁴⁸ một số nước như Đức, Nga, Anh vừa xóa bỏ chính sách đồng bảo hiểm từ bài học khủng hoảng.

Cấp vốn (Nguyên tắc cơ bản 11)

Cuộc khủng hoảng tài chính cho thấy niềm tin của người gửi tiền phụ thuộc một phần vào việc biết rằng có nguồn vốn đầy đủ luôn sẵn sàng để đảm bảo chi trả nhanh cho người gửi tiền (Nguyên tắc cơ bản 11). Trong khi trách nhiệm chính của việc chịu chi phí BHTG thuộc về các tổ chức tham gia BHTG, cơ chế cấp vốn đầy đủ trong trường hợp khẩn cấp cũng rất quan trọng.

⁴⁷ Cơ chế Bù trừ là qui trình trong đó tiền gửi của một người gửi tiền tại một ngân hàng đó sẽ được tính bù trừ với khoản nợ của người đó đối với ngân hàng khi xác định việc chi trả cho người gửi tiền

⁴⁸ Đồng bảo hiểm là cơ chế mà người gửi tiền được bảo hiểm phần xác định trước trong số tiền của họ (thấp hơn 100% tiền gửi được bảo hiểm)

Cấu trúc cấp vốn

Các nhà hoạch định chính sách có thể lựa chọn giữa nhiều cơ chế cấp vốn như cơ chế lập quỹ trước, sau. Đối với những nước BHTG công khai, một số lượng lớn (16) nước áp dụng lập quỹ trước (Xem bảng 7 phụ lục C), đây là xu hướng ngày càng tăng trong cách thức lập quỹ trên thế giới. 5 nước (Úc, Ý, Hà Lan, Thụy Sĩ, Anh⁴⁹) hiện đang áp dụng lập quỹ sau, cho dù Hà Lan sẽ chuyển sang hệ thống lập quỹ trước vào năm 2012 còn Anh và Ý đang xem xét lựa chọn này một cách tích cực.

Phần lớn các hệ thống BHTG ở các nước thành viên FSB đều được hỗ trợ bởi cơ chế cấp vốn dự phòng công khai trong tình huống khẩn cấp. Cơ chế này thay đổi đối với từng quốc gia: Một vài cơ quan BHTG có khả năng tính thêm phí bảo hiểm hoặc thuế và nhận các khoản thu từ thanh lý, số khác có thể được tiếp cận với nguồn vốn của Ngân hàng Trung ương hoặc Bộ Tài chính (dù một số cần phải có sự chấp thuận về mặt luật pháp mới nhận được hỗ trợ này), một số có thể vay từ thị trường. Thông lệ tốt là bảo đảm có thể tiếp cận ngay lập tức với nguồn vốn dự phòng khẩn cấp để giúp chi trả nhanh chóng cho người gửi tiền và tăng cường niềm tin ở các cơ quan BHTG. Ví dụ các nước có cơ chế này là Canada, Hồng Kong, Nhật Bản, Hàn Quốc và Mỹ.

Quỹ BHTG

Cấu trúc lập quỹ trước được Quỹ BHTG hỗ trợ, thu phí từ các tổ chức thành viên được bảo hiểm. Ở một số nước, có hơn 1 quỹ BHTG tương ứng với việc có nhiều hệ thống BHTG cùng tồn tại (như Brazil, Canada, Đức, Ý, Mỹ). Ngược lại, một số nước như Hàn Quốc và Anh, 1 quỹ BHTG thống nhất được lập cho nhiều tổ chức (ví dụ như ngân hàng, công ty bảo hiểm) hoặc các công cụ (như tiền gửi, lương hưu và các khoản đầu tư)⁵⁰

Quy mô thực sự của quỹ BHTG thay đổi giữa các thành viên FSB và chịu ảnh hưởng bởi việc liệu nước đó có gặp phải những vấn đề trong hệ thống tài chính gần đây và do đó chịu chi phí do ngân hàng đổ vỡ. Cuối năm 2010, tỉ lệ của quỹ BHTG thay đổi từ mức thấp nhất (-0.12%) tại Mỹ đến cao nhất (6.2%) tại Brazil⁵¹. Phần lớn các nước FSB có quy mô vốn mục tiêu được xác định bởi Luật hoặc quy định dưới dạng một số lượng/tỉ lệ nhất định hoặc (như trường hợp Canada và Hàn Quốc) xác định một phạm vi. Nguồn vốn được sử dụng trước tiên là chi trả cho người gửi tiền trường hợp ngân hàng đổ vỡ, cho dù nó cũng có thể được dùng cho mục đích liên quan đến xử lý hoặc các mục đích khác (bao gồm cả việc sử dụng của các thành viên khác trong mạng an toàn như Ấn Độ).

Chính sách đầu tư của quỹ BHTG có đặc trưng là sự tập trung vào bảo toàn vốn và khả năng thanh khoản. Đầu tư được giới hạn vào các công cụ của chính phủ hoặc ngân hàng trung ương, cho dù quỹ BHTG ở Pháp và Nga có thể đầu tư vào rất nhiều công cụ khác.

Phí

⁴⁹ Cơ chế bảo đảm tiền gửi của Anh (FSCS) được lập quỹ trên cơ sở dùng đến đâu tạo vốn đến đấy. FSCS sẽ huy động vốn cần thiết từng năm để đáp ứng số tiền đền bù dự tính trước cho năm đó

⁵⁰ Trong trường hợp của Anh, khi chi phí đền bù của một ngành (ngân hàng hoặc bảo hiểm) chạm đến ngưỡng xác định, công ty bảo hiểm trong khu vực khác sẽ được yêu cầu đóng góp, nếu không, chi phí của một tổ chức tài chính đổ vỡ do các công ty trong cùng 1 ngành chịu trách nhiệm. Quy định này đang được Cơ quan dịch vụ tài chính Anh xem xét lại

⁵¹ Dù BHTG Mexico (IPAB) có quỹ Lập quỹ trước tương đương 0.5% tiền gửi được bảo hiểm, nó vẫn chịu một khoản nợ lớn trước đó liên quan đến kế hoạch trợ giúp ngân hàng từ khủng hoảng giữa những năm 1990. Xem báo cáo của Mexico để biết thêm chi tiết (Tháng 9 năm 2010 http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_100927.pdf)

Cơ quan BHTG thu phí từ ngân hàng thành viên có thể lựa chọn giữa hệ thống phí đồng hạng hoặc một hệ thống có phí phân biệt trên cơ sở hồ sơ rủi ro của từng ngân hàng. Hệ thống phí đồng hạng dễ hiểu và quản lý hơn những không phân biệt các ngân hàng có hồ sơ rủi ro khác nhau⁵². Hệ thống phí điều chỉnh theo rủi ro có thể giúp giảm thiểu rủi ro đạo đức bằng cách buộc các ngân hàng trả phí cao khi có rủi ro cao hơn, nhưng đồng thời nó cũng có tính thuận chu kỳ.

Số các nước FSB sử dụng hệ thống phí đồng hạng và phí dựa trên rủi ro là cân bằng (Xem Bảng 8 Phụ lục C). 9 nước (Argentina, Canada, Pháp, Đức, Hồng Kong, Singapore, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ) báo cáo rằng phí bảo hiểm là khác biệt dựa vào mức độ rủi ro của từng ngân hàng, trong khi 8 nước (Brazil, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Hà Lan, Nga) sử dụng hệ thống phí đồng hạng. Hàn Quốc và Hà Lan cho biết các nước này sẽ áp dụng hệ thống phí điều chỉnh theo rủi ro trong tương lai.

Việc điều chỉnh theo rủi ro có thể khác nhau phụ thuộc vào yếu tố rủi ro và phương pháp tính toán. Quy mô của khoản tiền gửi được bảo hiểm và hồ sơ rủi ro của ngân hàng là hai yếu tố được xem xét nhiều nhất khi tính toán mức đóng góp của ngân hàng vào quỹ, trên cơ sở cả đóng trước và đóng sau. Các thước đo khác được dùng để xác định phí là các khoản tiền gửi đủ điều kiện, tổng số tiền gửi, và tổng tài sản nợ. Việc sử dụng tất cả các yếu tố định tính và định lượng để xác định mức độ rủi ro của ngân hàng có thể thấy ở hệ thống phí được áp dụng ở Argentina, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ. Khi áp dụng hệ thống phí dựa trên rủi ro, tiêu chí để phân biệt các ngân hàng cần được công khai đến tất cả các thành viên.

Xử lý, chi trả, thanh toán và thu hồi (Các nguyên tắc cơ bản 15-18)

Các nước trong báo cáo đều cho biết rằng mạng an toàn tài chính của họ cung cấp khuôn khổ cho việc phát hiện sớm, can thiệp kịp thời và xử lý hiệu quả các ngân hàng gặp vấn đề. Vai trò của BHTG trong khuôn khổ xử lý đổ vỡ thay đổi, chủ yếu là do chức năng của nhiệm vụ cụ thể của cơ quan bảo hiểm và các thành viên khác của mạng an toàn tài chính. Như đã được đề cập trên đây, thành viên FSB mà cơ quan BHTG được trao nhiều quyền hạn xử lý đổ vỡ là Canada, Pháp, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Nga, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ và Mỹ.

Trong số 21 thành viên có hệ thống BHTG công khai, 16 nước đã trải qua hiện tượng ngân hàng đổ vỡ trong 10 năm gần đây, dẫn đến việc kích hoạt hệ thống BHTG (Xem Bảng 9 Phụ lục C). Đức, Ý, Nhật Bản, Nga, Anh và Mỹ có nhiều sự cố phải sử dụng hệ thống BHTG nhất, trong đó nhiều sự cố là hệ quả của khủng hoảng tài chính⁵³. Chi trả là biện pháp được dùng nhiều nhất ở Ấn Độ, Nga và Anh, trong khi tái cơ cấu mà không có chi trả lại phổ biến ở một số nước khác. Ngược lại, Úc, Canada, Pháp, Hồng Kong, và Singapore vẫn chưa phải kích hoạt hệ thống BHTG suốt 10 năm qua (hoặc cho đến khi được thành lập gần đây).

Thanh toán và chi trả

⁵² Xem “Hướng dẫn chung về phát triển Hệ thống lệ phí phân biệt” của IADI (Tháng 2 năm 2005, xem tại http://www.iadi.org/docs/IADI_Diff_prem_paper_Feb2005.pdf)

⁵³ Trường hợp nước Đức, không có sự kiện nào liên quan đến cơ chế bảo vệ tổ chức dẫn đến việc thanh toán, những thể chế này không thanh toán cho người gửi tiền vì nó bảo vệ sự tồn tại của các tổ chức thành viên. Trong trường hợp của Ấn Độ, rất nhiều đổ vỡ liên quan đến ngân hàng hợp tác đô thị (chiếm một bộ phận rất nhỏ của hệ thống tài chính) mà không liên quan đến khủng hoảng tài chính.

Các hệ thống chi trả của thành viên FSB có BHTG công khai khác nhau khá nhiều (Xem Bảng 10 phụ lục C). Với trường hợp của Đức, cơ chế bảo vệ dành cho tổ chức không có bất kỳ cơ chế cho việc thanh toán cho người gửi tiền vì nó bảo vệ các tổ chức thành viên khỏi nguy cơ phá sản và bị thanh lý.

Liên quan đến định chế làm phát sinh yêu cầu chi trả của tổ chức BHTG, các thông lệ bao gồm sự phá sản do Tòa Án tuyên bố (như Hà Lan), cơ quan giám sát (ví dụ: Argentina, Brazil, Pháp, Đức, Indonesia, Ý, Nga, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ), cơ quan bảo hiểm tiền gửi (ví dụ Hàn Quốc) hoặc phối hợp giữa cả ba loại này (Như Úc, Canada, Hồng Kong, Nhật Bản, Mexico, Anh và Mỹ).

Khung thời gian quy định tại Luật về chi trả cho người gửi tiền cũng khác nhau từ “nhanh nhất có thể” ở Canada và Mỹ đến tối đa tới 1 năm đối với Thổ Nhĩ Kỳ. Các thành viên EU, theo luật định, phải chi trả trong vòng tối đa 20 ngày (có thể kéo dài đến 30 ngày theo quyết định của cơ quan quản lý hoặc tổ chức BHTG). Ở những nước mà BHTG không bị bắt buộc chi trả trong một thời hạn nhất định (Úc, Brazil, Canada, Hồng Kong, Hàn Quốc, Singapore), cơ quan đó có thể công khai xác định một khung thời gian mục tiêu để thể hiện sự cam kết của mình. Trong trường hợp của Thụy Sĩ, hệ thống bảo vệ người gửi tiền phải chi trả cho tổ chức thanh lý (hoặc cơ quan được ủy quyền chịu trách nhiệm việc phục hồi ngân hàng) – tổ chức chịu trách nhiệm chi trả người gửi tiền trong vòng 20 ngày kể từ khi có sắc lệnh của cơ quan giám sát/xử lý FINMA (chứ không phải thời điểm đổ vỡ thực sự của ngân hàng).

Ngày đầu tiên của khung thời gian cũng khác nhau giữa các thành viên, để một số cơ quan BHTG có thêm thời gian chuẩn bị cho việc chi trả.⁵⁴ Bên ngoài châu Âu, quy định luật pháp thường bao gồm khung thời gian cụ thể sau khi ngân hàng đổ vỡ hoặc từ khi nhận được thông tin từ cơ quan thanh lý sau khi tiến hành xác minh khoản tiền gửi được chi trả (Ấn Độ và Indonesia), trong khi một số nước lại đặt khung thời gian dựa trên những mốc khác nhau (Nhật Bản, Mexico và Nga). Sự khác biệt về ngày bắt đầu khiến việc so sánh thời gian thực sự mà người gửi tiền có thể tiếp cận trở lại với tiền gửi của họ giữa các nước trở nên khó khăn, khoảng thời gian này thường được cho là hợp lý hơn khung thời gian cho việc chi trả.

Thời gian chi trả trung bình giữa các thành viên FSB cũng rất khác nhau. Ở Mỹ, thời gian trung bình thường là ngày làm việc đầu tiên sau khi ngân hàng đổ vỡ đóng cửa, trong khi ở Đức, Ấn Độ và Indonesia giai đoạn đó có thể kéo dài cả năm. Khoảng thời gian chi trả trung bình tương đối ngắn thuộc về Canada (trong lịch sử là 1-8 tuần để thanh toán toàn bộ nhưng những thử nghiệm mô phỏng chi trả gần đây được hoàn tất trong 7 ngày làm việc, 24-48 tiếng cho thanh toán một phần)⁵⁵, Hồng Kong (14 ngày để thanh toán tạm thời), Mexico (7 ngày), Nga (13 ngày), và Anh (7 ngày).

Được tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời

⁵⁴ Ở Brazil, thời hạn cho việc chi trả sẽ bắt đầu chỉ khi nhận được thông tin từ cơ quan thanh lý. Tại Indonesia, quá trình thanh toán bắt đầu sau 5 ngày kể từ khi quá trình thương lượng và xác minh tiền gửi bắt đầu. Ở Nhật Bản, BHTG phải quyết định liệu có thanh toán và đưa ra chi tiết trong vòng 1 tháng sau khi nó được thông báo về sự việc xảy ra. Ở Thổ Nhĩ Kỳ, thời gian chi trả được xác định 3 tháng kể từ khi ngân hàng đổ vỡ và có thể kéo dài thêm 3 tháng đến 1 năm theo quyết định của Ban quản trị BHTG. Theo Luật, FDIC ở Mỹ được yêu cầu trả tiền càng sớm càng tốt (thông lệ là thanh toán đầy đủ vào vào ngày làm việc đầu tiên sau khi ngân hàng đổ vỡ), cho dù quá trình thu thập thông tin cũng như tham gia xử lý thường cho phép FDIC có thời gian chuẩn bị để chi trả trước khi xảy ra đổ vỡ.

⁵⁵ Canada đang trong quá trình áp dụng “hệ thống dữ liệu thống nhất về khách hàng” qua đó kỳ vọng sẽ rút ngắn được quá trình thanh toán xuống còn vài ngày

Phần lớn cơ quan BHTG nhận được thông tin từ cơ quan giám sát khi cơ quan này thấy cần thiết phải bắt đầu việc chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm. Sự kiện bắt đầu như vậy có thể từ việc xác định sự không có khả năng tồn tại về tài chính (như Canada) hay phán quyết của tòa án về việc phá sản (như Ấn Độ). Ngay khi sự kiện kích hoạt hệ thống BHTG có nhiều khả năng xảy ra, cơ quan bảo hiểm kỳ vọng có thể nhận được hoặc yêu cầu thông tin cần thiết từ ngân hàng để chuẩn bị cho quá trình chi trả. Tại Argentina, Pháp, Thụy Sĩ, thông tin chỉ được cung cấp chỉ khi có quyết định can thiệp của cơ quan giám sát. Ở Mỹ (và sắp tới là ở Úc), thông tin được tiếp nhận thường xuyên trực tiếp từ các ngân hàng thành viên và được sử dụng để thực hiện khảo sát từng khách hàng liên tục.⁵⁶

BHTG ở Canada, Mexico và Mỹ nhận thông tin trên về tình trạng của ngân hàng thường xuyên trực tiếp từ cơ quan giám sát. Thông lệ quốc tế tốt này cho phép cơ quan bảo hiểm có số liệu chi tiết về tiền gửi trước khi các ngân hàng đối mặt với nguy cơ rủi ro cao. Trong trường hợp khác, thông tin do ngân hàng, cơ quan xử lý và thanh toán cung cấp (Brazil, Đức, Ấn Độ và Ý) khi BHTG yêu cầu.

Một vài tổ chức BHTG dựa trên việc kiểm tra phòng bị số liệu của ngân hàng khi có khả năng hoặc rủi ro sắp xảy ra đổ vỡ/phá sản, do cơ quan quản lý hoặc chính BHTG tiến hành (như Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Anh và Mỹ). Một thông lệ tốt đáng lưu ý ở vài nước là BHTG hoặc cơ quan quản lý thiết lập các quy tắc hoặc hướng dẫn về hệ thống thông tin người gửi tiền /cơ sở dữ liệu mà các ngân hàng phải tuân theo (Canada, Hồng Kong, Hà Lan, Nga, Singapore, Anh, Mỹ). Một số nước cũng tiến hành kiểm toán thông tin thường xuyên và hệ thống dữ liệu để đảm bảo quá trình chi trả nhanh chóng (như Hồng Kong, Mexico, Hà Lan, Nga, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ). Tất cả những thông lệ này có thể hỗ trợ việc bảo đảm người gửi tiền được tiếp cận nhanh chóng khoản tiền của mình trong trường hợp đổ vỡ.

Sự tham gia của BHTG vào việc thu hồi

Phần lớn những tổ chức BHTG được điều tra không tham gia trực tiếp vào quá trình thu hồi (Úc, Brazil, Canada, Đức, Hồng Kong, Ấn Độ, Ý, Hà Lan, Singapore, Nam Phi, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ). Ở những nước như Canada và Pháp, bảo hiểm có thể hoạt động như một cơ quan thanh lý ngân hàng hay tiếp nhận theo luật, nhưng chủ yếu nó không lựa chọn chức năng này vì lo ngại vị trí như là chủ nợ lớn. Ở một số nước, BHTG làm việc chặt chẽ với bộ phận thanh lý để đảm bảo lợi ích của nó (Brazil, Hồng Kong, Canada).

Một số cơ quan BHTG tham gia vào quá trình thanh lý ngân hàng đổ vỡ thông qua rất nhiều cơ chế như, ví dụ, thực hiện chức năng như là tổ chức thanh lý/tiếp nhận (Nhật Bản, Mexico, Nga, Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ), là thành viên hội đồng chủ nợ hoặc thanh lý (Anh), như một cơ quan quản lý đặc biệt (Indonesia) hoặc là tổ chức như Tòa án Ủy thác (Hàn Quốc).

Liên kết với mạng an toàn rộng lớn và các vấn đề xuyên quốc gia (Nguyên tắc cơ bản 6-7)

Sự phối hợp giữa các thành viên mạng an toàn

⁵⁶ Ở Anh, Cơ chế đền bù dịch vụ tài chính (FSCS) có thể yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin theo qui định về tổng các khoản tiền được bảo vệ của từng khách hàng trong vòng 72 giờ kể từ lúc yêu cầu – mặc dù một số tài khoản và/hoặc người gửi tiền được loại trừ khỏi yêu cầu này (như tài khoản không hoạt động)

Phần lớn cơ quan BHTG tại các nước thành viên FSB báo cáo rằng họ có những cơ chế chính thức cho việc hợp tác và chia sẻ thông tin giữa những cơ quan BHTG và thành viên mạng an toàn (Xem Bảng 11 Phụ lục C). Những nước có cơ chế chính thức thường dựa vào sự kết hợp của luật pháp (như Đức, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Mỹ) và Biên Bản ghi nhớ (Úc, Canada, Hồng Kông, Indonesia, Hàn Quốc, Mexico, Nga, Anh).

Trong trường hợp Canada, Mexico và Mỹ, có những cơ chế hợp tác bổ sung giữa những bên tham gia các ủy ban liên cơ quan để giải quyết các vấn đề an toàn vĩ mô và các vấn đề rủi ro hệ thống (như Hội đồng giám sát ổn định tài chính ở Mỹ, Hội đồng ổn định hệ thống Tài chính ở Mexico, Ủy Ban giám sát các tổ chức tài chính và Ủy Ban Cố vấn cao cấp ở Canada). Tại Hà Lan nơi mà BHTG nằm trong Ngân hàng trung ương/cơ quan giám sát, cơ chế hợp tác và chia sẻ thông tin được chính thức hóa giữa các bộ phận.

Trường hợp BHTG do tư nhân điều hành, quan trọng là các cơ chế chính thức hóa được đề ra để bảo đảm chia sẻ thông tin tối mật giữa BHTG và các thành viên trong mạng an toàn để đáp ứng đòi hỏi để chi trả nhanh chóng. Một số nước thuộc FSB có BHTG tư nhân dựa vào các cơ chế phi chính thức để chia sẻ thông tin với cơ quan liên quan đến việc xử lý và chi trả (Argentina, Brazil ⁵⁷, Thụy Sĩ)

Phối hợp trên cơ sở xuyên quốc gia

Hợp tác chặt chẽ và chia sẻ thông tin giữa thành viên mạng an toàn là phù hợp dưới góc độ xuyên quốc gia, đặc biệt là khi BHTG bảo hiểm cho cả chi nhánh ngân hàng nội địa hoặc công ty con ở nước ngoài. Chia sẻ thông tin là có ích khi nước sở tại cung cấp bảo hiểm tiền gửi cho công ty con/chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại nước mình. Trong các trường hợp đó, có cơ hội để chia sẻ thông tin giữa các nước để đề ra mục tiêu cũng như trong hoàn cảnh khủng hoảng diễn ra trong các nước FSB.

Một ví dụ điển hình trong lĩnh vực này là việc tạo lập các cơ chế song phương giữa Hà Lan và Anh để chia sẻ thông tin liên quan đến chi trả cho người gửi tiền. Các nước khu vực kinh tế châu Âu (EEA) vẫn đang trong quá trình xây dựng các cơ chế này, ví dụ như Biên bản ghi nhớ đa phương đang được Diễn đàn châu Âu về BHTG xây dựng ⁵⁸

Ở những nước FSB nơi mà BHTG được cung cấp xuyên biên giới, các qui định để đảm bảo sự hợp lý khi BHTG nước ngoài chi trả cho người gửi tiền trong nước cũng khác nhau. Hiện tại ở EEA, BHTG nước ngoài (nước chủ nhà) được tùy ý thông báo cho người gửi tiền nước sở tại liệu họ có được bảo vệ bởi BHTG của nước chủ nhà và bảo vệ như thế nào (mức bảo hiểm, nguồn vốn và qui trình chi trả). ⁵⁹

Nhận thức của công chúng (Nguyên tắc cơ bản 12)

Nguyên tắc cơ bản 12 nhấn mạnh rằng để BHTG được hiệu quả, công chúng phải có được những thông tin cần thiết về lợi ích và hạn chế của BHTG một cách thường xuyên. Một vài thành viên FSB như Canada, Hồng Kông, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Nga, Singapore, Anh, Mỹ) có những chương trình nâng cao nhận thức công chúng toàn diện để

⁵⁷ Brazil đang trong giai đoạn bắt buộc thành viên của Ban quản trị BHTG tư nhân cam kết bảo đảm bí mật.

⁵⁸ Xem <http://www.efdi.eu/documents.asp?Id=11&Cat=Efdi%20EU%20committee%20public%20documents>

⁵⁹ Theo Chi thị của EU 94/19/EC về cơ chế bảo đảm tiền gửi, các khoản tiền gửi tại chi nhánh của tổ chức được thành lập theo luật pháp của nước thành viên EEA khác sẽ do cơ chế bảo hiểm ở nước đầu tiên chịu. Các nước thành viên phải đảm bảo rằng cơ chế BHTG phải phối hợp với nhau và các tổ chức tín dụng phải cung cấp thông tin cần thiết cho người gửi tiền thực tế và tương lai, để xác định cơ chế BHTG trong EU mà tổ chức đó là thành viên.

thông báo đến người gửi tiền, áp dụng rất nhiều công cụ khác nhau. Các chương trình bao gồm việc công bố thông tin qua ấn phẩm, nhân viên ngân hàng, internet, điện thoại và quảng cáo (Bảng 12 phụ lục C). Sau khủng hoảng tài chính, Đức⁶⁰, Ý và Anh⁶¹ đã cải tiến mạnh mẽ hệ thống của họ để cung cấp thông tin toàn diện hơn về BHTG.

Trả lời của các nước được điều tra cho thấy thông điệp cơ bản của các chương trình nhận thức công chúng tập trung vào sự tồn tại của BHTG, điều khoản và điều kiện về bảo hiểm và quá trình yêu cầu chi trả và nhận thanh toán. Ở những nước đang chuyển tiếp từ bảo hiểm toàn bộ sang một giới hạn bảo vệ ở mức thấp hơn (như Indonesia), thông điệp tập trung vào giải thích quá trình chuyển tiếp. Chỉ có 9 nước trả lời là có đánh giá hiệu quả chương trình nhận thức công chúng của họ thường xuyên (Canada, Hong Kong, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Anh, Mỹ). Ví dụ về một thông lệ tốt là Hồng Kong đã tiến hành điều tra độc lập 2 lần/năm để đo hiệu quả của các hoạt động tăng cường nhận thức công chúng.

Kết luận và khuyến nghị

1. Kết luận

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã đem đến nhiều bài học cho thành viên FSB. Hiệu quả của BHTG trong việc bảo vệ người gửi tiền và duy trì ổn định tài chính đã được kiểm tra, một số cải cách đã được thực hiện để cải tiến hệ thống BHTG ở những lĩnh vực cần thiết. Việc rất nhiều nước nhanh chóng thực hiện các cơ chế đặc biệt để củng cố niềm tin của người gửi tiền đã cho thấy tầm quan trọng và cần thiết phải có một hệ thống BHTG hiệu quả.

Một số cải cách phản ánh thay đổi trong quan điểm hiện hành về vai trò của BHTG trong mạng an toàn tổng thể. Trước khủng hoảng, hoạt động của các hệ thống BHTG khác nhau khá nhiều giữa các thành viên FSB. Khủng hoảng đã dẫn đến sự tương đồng nhiều hơn trong việc áp dụng hệ thống BHTG của các nước và sự đồng thuận rằng phải có các đặc điểm thiết kế phù hợp. Nó bao gồm (trong trường hợp EU, là sự hòa hợp hơn) mức bảo hiểm cao hơn, xóa bỏ cơ chế đồng bảo hiểm, cải tiến quá trình chi trả, tăng cường nhận thức người gửi tiền, áp dụng cơ chế lập quỹ trước tại nhiều quốc gia hơn, và củng cố việc chia sẻ thông tin và hợp tác giữa các thành viên mạng an toàn. Nhiệm vụ của các tổ chức BHTG cũng đã được mở rộng, với nhiều tổ chức BHTG hơn đảm nhận trách nhiệm vượt ra ngoài chức năng chi trả đơn thuần, gồm cả việc tham gia quá trình xử lý.

Khủng hoảng tài chính đã chứng minh một cách rõ ràng rằng hệ thống BHTG hiệu quả là một trụ cột quan trọng của mạng an toàn tài chính, giúp duy trì niềm tin của người gửi tiền, và tránh sự lây lan khủng hoảng. BHTG có hạn mức hạn chế công khai đã trở thành sự lựa chọn được ưa chuộng hơn của các thành viên FSB. Cụ thể, 21 trong tổng số 24 thành viên (mới nhất là Úc trong khủng hoảng tài chính) đã thiết lập BHTG công khai với mục đích được ghi trong luật hoặc quy định và được công bố đại chúng. Trong số những nước còn lại, Trung Quốc và Nam Phi đã khẳng định kế hoạch xây dựng BHTG và xem xét tích cực các đặc điểm cấu trúc của nó.

⁶⁰ Mặt khác, cần lưu ý rằng quỹ BHTG theo phương pháp lập quỹ trước ở Đức được giữ bí mật cho dù sự đóng góp hàng năm của các thành viên được công bố công khai. Chính quyền cho rằng quy mô các quỹ này không liên quan đến việc đánh giá của người gửi tiền về sự tin cậy của quỹ vì cơ chế trả trước-sau đang có đảm bảo đền bù cho họ, phù hợp với yêu cầu của luật pháp, trong khi đó người gửi tiền vẫn được chi trả toàn bộ đúng hạn

⁶¹ Việc công chúng thiếu hiểu biết về sự tồn tại của BHTG được coi là một trong những lý do khiến người gửi tiền xếp hàng rút tiền khỏi Northern Rock khi ngân hàng này được biết là đang gặp khó khăn.

Nam Phi cho rằng khung các quy định an toàn chặt chẽ cùng với sự giám sát chủ động có thể cũng cấp đủ sự bảo vệ cho người gửi tiền. Tuy nhiên, khung khổ như vậy lại phụ thuộc ngầm vào sự trợ giúp của chính phủ trong trường hợp đổ vỡ ngân hàng và có vẻ như không phù hợp với lời kêu gọi của lãnh đạo G20 đối với chính quyền các nước phải có những giải pháp khả thi để xử lý các tổ chức tài chính mà không gây ra sự gián đoạn nghiêm trọng cho hệ thống và không dẫn đến những tổn thất mà người đóng thuế phải chịu. Arap Xeut do đó muốn xem xét việc áp dụng BHTG công khai nhưng có hạn mức hạn chế để nâng cao các nguyên tắc thị trường và hỗ trợ triển khai cơ chế xử lý hiệu quả đổ vỡ của các tổ chức tài chính.

Trả lời của các thành viên FSB có BHTG công khai cho thấy hệ thống BHTG của họ nói chung là tuân thủ những *Nguyên tắc cơ bản*. Sự tuân thủ này rất cao trong các vấn đề như nhiệm vụ, cơ chế thành viên và sự đầy đủ của mức bảo hiểm. Phần III nhấn mạnh những thông lệ hiệu quả của các nước thành viên trong rất nhiều lĩnh vực mà Nguyên tắc cơ bản đề cập đến, có thể làm tài liệu tham khảo hữu ích cho nhiều cơ quan BHTG.

Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề có sự trệch hướng hoặc không đồng nhất với Nguyên tắc cơ bản cần phải nỗ lực để giải quyết. Ngoài ra, có những lĩnh vực nhất định trong Nguyên tắc cơ bản cần được hướng dẫn cụ thể hơn để có thể tuân thủ hiệu quả hoặc phản ánh thực tiễn tốt hơn. Việc IADI cung cấp thêm hướng dẫn trong những lĩnh vực này, cùng với BCBS và các cơ quan khác, sẽ giúp nâng cao hơn nữa hiệu quả của BHTG. Phần còn lại của phần này đưa ra kết luận về các vấn đề cần cải tiến trong hệ thống BHTG, hoặc cần hướng dẫn của các tổ chức quốc tế.

Thành viên BHTG

Ở một số nước (như Thụy Sĩ), một số tổ chức phi ngân hàng nhận tiền gửi từ công chúng và tham gia vào hệ thống thanh toán quốc gia không tham gia vào BHTG trong nước. Điều đó có thể đem lại những tác động không tốt đến hiệu quả của BHTG trong thời kỳ khó khăn, do đó quan trọng là bảo đảm rằng những tổ chức này hoặc không nhận tiền gửi từ người cần bảo vệ hoặc phải là thành viên của BHTG.⁶²

Hạn mức chi trả

Kể từ khủng hoảng tài chính, vai trò của BHTG trong việc nâng cao ổn định tài chính được ưu tiên hơn những lo ngại về việc góp phần vào rủi ro đạo đức. Ở một số nước (như Đức, Nhật Bản, Mỹ), hạn mức bảo hiểm – cả phần người gửi tiền được bảo hiểm lẫn giá trị tiền gửi được bảo hiểm – là khá cao⁶³. Dù mức chi trả cao làm giảm nguy cơ người gửi tiền rút tiền, sự kiểm soát phù hợp cũng cần thiết để bảo đảm cân bằng giữa ổn định tài chính và nguyên tắc thị trường. Các quốc gia chưa thực hiện điều này nên xem xét áp dụng các biện pháp bổ sung tương ứng với mức độ bảo hiểm để giảm rủi ro đạo đức. Các biện pháp này bao gồm, ví dụ như, giám sát chặt chẽ hơn, áp dụng phí dựa trên rủi ro, việc loại ra một số loại tiền gửi khỏi BHTG (ví dụ như tiền gửi của nhiều người gửi tiền phức tạp như các tổ chức tài chính), can thiệp đúng lúc và xử lý kịp thời của BHTG và các thành viên khác trong mạng an toàn.

⁶² Nguyên tắc cơ bản 8 nêu “Cần áp dụng cơ chế bảo hiểm tiền gửi bắt buộc đối với tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi (ví dụ tổ chức nhận tiền gửi của cá nhân hoặc các doanh nghiệp nhỏ- các đối tượng cần được bảo vệ) để tránh vấn đề lựa chọn đối nghịch.”

⁶³ Cần thiết phải có sự bảo vệ cao hơn cho số dư tạm thời của một số loại tiền gửi, như những khoản tiền do người gửi tiền bán nhà, lương hưu trả một lần hoặc tiền bồi thường tai nạn/chấn thương cá nhân.

IADI và các thành viên cần cung cấp nhiều hướng dẫn hơn về các thể loại công cụ và thông lệ hiệu quả có thể giúp giảm thiểu rủi ro đạo đức.

Ngoài ra, chi trả tiền gửi không hạn mức – dù thông qua sự bảo vệ hoàn toàn các khoản tiền gửi đáp ứng yêu cầu trong một số tổ chức (ví dụ như các hiệp hội tín dụng do tỉnh cấp phép của Canada) hay sự tồn tại cơ chế bảo đảm bảo vệ bản thân tổ chức (như Ngân hàng tiết kiệm và Ngân hàng hợp tác của Đức, một số ngân hàng liên bang Thụy Sĩ) – có thể dẫn đến việc theo đuổi rủi ro nhiều hơn và ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của hệ thống BHTG, bởi thế mà nên tránh.

Trong trường hợp của Thụy Sĩ, sự tồn tại của giới hạn đóng góp 6 tỉ CHF trong toàn hệ thống của các thành viên tham gia hệ thống bảo đảm tiền gửi (lập quỹ sau) có thể dẫn đến ý nghĩ rằng trong thời kỳ khó khăn, một số khoản tiền được bảo hiểm sẽ không thể được thanh toán khi một ngân hàng lớn đổ vỡ. Mặc dù hạn mức trên là cần thiết trong việc hạn chế rủi ro cho hệ thống BHTG và rủi ro đạo đức, hiệu quả của nó trong trường hợp rút tiền ồ ạt khỏi ngân hàng là đáng phải xem xét. Hạn mức này do đó cần bị loại bỏ hoặc bổ sung bởi cơ chế công khai để giải quyết việc chi trả vượt quá mức đóng góp nói trên.

Cuối cùng, trong khi tất cả các thành viên FSB với hệ thống BHTG công khai tiến hành bảo hiểm trên cơ sở “mỗi người gửi tiền trên mỗi tổ chức”, một số tương đối ít trong đó thường xuyên thu thập và đánh giá thống kê cần thiết để theo dõi sự phù hợp của mức bảo hiểm. Sẽ là hữu ích nếu *Các nguyên tắc cơ bản* bao gồm cả chuẩn mực khách quan cho việc thường xuyên theo dõi hiệu quả và sự hợp lý của hạn mức bảo hiểm.

Năng lực chi trả và cơ chế cấp vốn dự phòng

Chi trả không phải là lựa chọn duy nhất để giải quyết tình trạng ngân hàng đổ vỡ. Tuy nhiên, khi đã được quyết định là sẽ chi trả cho người gửi tiền, điều quan trọng là BHTG phải phản ứng nhanh nhạy như đã thể hiện bằng kinh nghiệm trong khủng hoảng. Tốc độ chi trả người gửi tiền cũng khác rất nhiều giữa các tổ chức BHTG của thành viên FSB, kể cả trong cam kết luật pháp và trên thực tế. Do không có thỏa thuận về thời gian mục tiêu tối đa ở cấp độ quốc tế cho quá trình thực hiện chi trả, vấn đề này cần phải được cải tiến (cả theo quy định và trên thực tế).

Để BHTG có thể phản ứng ngay lập tức với tình thế khủng hoảng, BHTG phải có sự tiếp cận nhanh chóng và toàn diện dữ liệu ngân hàng, đặc biệt là khi ngân hàng được xác định là có vấn đề. Năng lực hoạt động của BHTG tại một số nước thành viên FSB nhằm đáp ứng cam kết chi trả người gửi tiền một cách nhanh chóng là một thách thức trong khủng hoảng. Cơ chế chi trả hợp lý – ví dụ như được tiếp cận thông tin sớm (ví dụ thông qua hệ thống dữ liệu thống nhất về khách hàng như ở Mỹ)⁶⁴, hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, nguồn nhân lực đầy đủ, hay sự tham gia của các cơ quan bên ngoài – phải được thiết lập để giải quyết việc chi trả cho người gửi tiền. Cải cách một số đặc điểm thiết kế hệ thống BHTG để nâng cao hiệu quả chi trả – như chuyển từ thanh toán ròng sang thanh toán tổng (ví dụ như các khoản tiền gửi không bị khấu trừ vào khoản nợ của người gửi tiền tại ngân hàng đổ vỡ)⁶⁵ như trường

⁶⁴ Theo tài liệu của FSB vào tháng 10 năm 2011, “*Đặc tính cơ bản của các cơ chế xử lý hiệu quả*”, “cơ quan xử lý nên có một tập hợp các thẩm quyền xử lý trong tay, bao gồm quyền được đóng cửa và thanh lý một phần hoặc toàn bộ tổ chức bị đổ vỡ hoặc chuyển tiền gửi được bảo hiểm và nhanh chóng (ví dụ, trong vòng 7 ngày) cho phép tiếp cận nhanh chóng các tài khoản giao dịch.

⁶⁵ Một trong những thuận lợi của cách tính tổng số là nó giúp người gửi tiền dễ hiểu hơn khoản tiền được bồi thường so với cách tính ròng, do đó sẽ giúp tăng cường niềm tin vào BHTG.

hợp Hà Lan, Singapore và Anh sau khủng hoảng – là cần thiết để cải thiện thời gian và hiệu quả thanh toán.

Một số nước FSB (như Hong Kong) nhận thấy nguồn vốn thứ cấp (như tiện ích thanh khoản hỗ trợ từ chính phủ hoặc ngân hàng trung ương) giúp đảm bảo cơ quan bảo hiểm đáp ứng được nhu cầu vốn. Ngược lại, cơ chế cấp vốn dự phòng không chính thức hoặc không rõ ràng cần có sự phê chuẩn thêm trước khi được sử dụng có thể ảnh hưởng xấu đến tốc độ chi trả hoặc xử lý ngân hàng, tổn hại đến hiệu quả của BHTG trong việc duy trì ổn định tài chính và không tuân thủ *Nguyên tắc cơ bản*.

Nhiệm vụ và vấn đề hội nhập vào mạng an toàn tài chính

Giai đoạn ổn định tài chính dài trước cuộc khủng hoảng gần đây đã khiến BHTG tại một số nước chỉ giữ một vai trò nhỏ trong mạng an toàn. Kinh nghiệm từ khủng hoảng nhấn mạnh vào tầm quan trọng của BHTG trong việc tăng cường ổn định tài chính bên cạnh chức năng chi trả cho người gửi tiền khi ngân hàng đổ vỡ. Với trọng tâm được đặt vào việc bảo vệ tiền của người gửi và đảm bảo xử lý hiệu quả nhanh chóng, BHTG hiện nay có vai trò nổi bật hơn trong số các thành viên tham gia mạng an toàn. Nhiệm vụ của một số hệ thống BHTG được mở rộng, hoặc được làm rõ bởi, ví dụ, những tuyên bố công khai về vai trò mới của BHTG trong luật, việc thành lập các ủy ban có mục đích đặc biệt nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động, các quy tắc rõ ràng hơn cho việc cơ quan BHTG hoặc các bên tham gia mạng an toàn khác sử dụng quỹ BHTG cho các hoạt động xử lý. Kết quả là ngày càng có nhiều tổ chức BHTG hơn thực hiện chức năng gắn với mô hình “giảm thiểu tổn thất”. Việc mở rộng nhiệm vụ có thể tiếp tục trong tương lai như là kết quả của việc các cơ chế xử lý hiệu quả đã nhận được sự chú ý hơn trên cấp độ quốc tế. Chính quyền quốc gia do đó cần củng cố mức độ hợp tác giữa BHTG (bất kể nhiệm vụ của nó) và các thành viên mạng an toàn để đảm bảo lên kế hoạch xử lý hiệu quả và chi trả nhanh chóng.

Quản trị

Cơ cấu pháp lý, trách nhiệm giải trình và cơ chế giám sát công trong cấu trúc quản trị là sự bảo đảm quan trọng để duy trì sự độc lập trong hoạt động của BHTG và tránh những ảnh hưởng không cần thiết của ngành và chính trị. Thành phần của cơ quan quản trị thay đổi theo mỗi nước và phản ánh sự đa dạng về thành phần tham gia mạng an toàn cũng như các bên liên quan. Tuy nhiên, một vài cơ quan BHTG chịu sự chi phối của đại diện chính phủ (như Nga), ngành ngân hàng (như Argentina, Brazil, Đức, Ý, Thụy Sĩ), hoặc cơ quan giám sát. Trong trường hợp thiếu vắng nguyên tắc kiểm soát và cân bằng quyền lực, cơ chế này sẽ không có lợi cho việc hoàn thành mục tiêu của BHTG. Ví dụ, trong trường hợp cơ quan BHTG do tư nhân điều hành với nhiệm vụ mở rộng, có trở ngại trong việc chia sẻ thông tin mật hoặc hợp tác hiệu quả với cơ quan giám sát hoặc xử lý ngân hàng trong trường hợp các ngân hàng có vấn đề.

Ngoài ra, ở những nước có nhiều hệ thống BHTG bao trùm phần lớn những tổ chức giống nhau nhưng lại chịu sự giám sát khác nhau (ví dụ cơ chế tự nguyện và luật định do tư nhân điều hành ở Đức), cần phải có sự tách biệt về điều hành hoặc những ngăn chặn hợp lý liên quan đến chia sẻ thông tin nhạy cảm về một ngân hàng nhất định.

Hợp tác xuyên quốc gia và chia sẻ thông tin

Cuộc khủng hoảng cho thấy hợp tác quốc tế có thể khiến các phản ứng chính sách hiệu quả và hiệu suất hơn.⁶⁶ Trong khi các biện pháp bảo vệ đặc biệt người gửi tiền của đa số các nước FSB được đưa ra phần lớn là không có sự phối hợp, thì việc dỡ bỏ các biện pháp này (ví dụ như Nhóm công tác 3 thành viên Malaysia, Hồng Kong, Singapore), hay sự hòa hợp (như các thành viên EU), đã diễn ra với sự tham khảo lẫn nhau giữa các thành viên liên quan. Những nỗ lực này cần phải được khen ngợi và áp dụng rộng rãi hơn.

Những vấn đề gặp phải trong việc chi trả người gửi tiền ở nước ngoài của các ngân hàng quốc tế bộc lộ sự không hợp lý trong việc chia sẻ thông tin và hợp tác giữa BHTG của nước sở tại và BHTG của nước chủ nhà. Điều khoản BHTG xuyên quốc gia giữa các thành viên FSB tập trung trước tiên vào các nước thành viên EEA. Tuy nhiên, thậm chí cả ở những nước không mở rộng việc bảo vệ người gửi tiền ra các khoản gửi ở nước ngoài, một số người gửi tiền trong nước tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài vẫn được BHTG nước ngoài (nước chủ nhà) bảo vệ. Điều khoản về những thông tin liên quan bởi vậy có ích cho sự hiệu quả của cơ chế bảo vệ tiền gửi nội địa.

Nhiều tổ chức BHTG trong một quốc gia

6 thành viên của FSB áp dụng mô hình nhiều cơ quan BHTG (Brazil, Canada, Đức, Ý, Nhật Bản, Mỹ). Ở một số nước trong số này (như Canada và Đức), có sự khác biệt về phạm vi bảo hiểm giữa các hệ thống BHTG có thể dẫn đến bóp méo sự cạnh tranh và ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của hệ thống trong việc duy trì sự ổn định khi có các vấn đề về hệ thống ngân hàng. Trong trường hợp của Đức, có tồn tại sự chòng chéo về các tổ chức thành viên và điều hành giữa các hệ thống BHTG khác nhau. IADI nên cung cấp hướng dẫn để đảm bảo rằng bất cứ sự khác biệt nào trong phạm vi bảo hiểm người gửi tiền trong các tổ chức hoạt động tại một nước do sự tồn tại của nhiều cơ quan BHTG sẽ không ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của các hệ thống BHTG.

Việc tồn tại nhiều cơ quan BHTG cho thấy sự phức tạp về tổ chức có thể dẫn đến sự không hiệu quả bên cạnh những lo ngại về vấn đề cạnh tranh đã nói trên đây. Việc tinh giản những cơ chế như vậy là có lợi cho việc củng cố các hệ thống khác nhau (như đã diễn ra ở Tây Ban Nha), hoặc ít nhất, tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan với nhau. IADI nên cung cấp hướng dẫn để đảm bảo hợp tác hiệu quả ở các nước có nhiều cơ quan BHTG.

Sẵn sàng chi trả

Trong số 21 nước có hệ thống BHTG công khai, chỉ có Úc, Canada, Pháp, Hồng Kong, Singapore chưa phải kích hoạt hệ thống này trong suốt 10 năm qua (hay kể từ khi thiết lập hệ thống của họ). Để có được kế hoạch dự phòng tốt hơn, IADI nên hỗ trợ việc thực hiện các diễn tập mô phỏng nhằm đảm bảo hiệu quả của quá trình chi trả, đặc biệt là nếu nước đó chưa kích hoạt hệ thống BHTG trong một khoảng thời gian nhất định.

Lập quỹ trước

Thực tiễn cuộc khủng hoảng tài chính nhấn mạnh tầm quan trọng của việc BHTG tiếp cận rõ ràng và nhanh chóng với những nguồn vốn có sẵn. Phần lớn các nước FSB đã có sẵn cơ chế

⁶⁶ Xem “Thảo luận về các vấn đề BHTG xuyên quốc gia do khủng hoảng tài chính toàn cầu gây ra” của Ủy ban Hướng dẫn và nghiên cứu IADI tháng 3/2011 [http://www.iadi.org/docs/IADI_CBDI_Paper_29_Mar_2011_\(Final_for_publication\).pdf](http://www.iadi.org/docs/IADI_CBDI_Paper_29_Mar_2011_(Final_for_publication).pdf)

Lập quỹ trước. Chỉ có 5 nước (Úc, Ý, Hà Lan, Thụy Sĩ, Anh) đang chỉ sử dụng hệ thống Lập quỹ sau, trong khi đó có xu hướng chung là ưa chuộng việc thiết lập quỹ lập trước.⁶⁷

Cơ chế lập quỹ trước có thể đảm bảo quá trình thanh toán diễn ra nhanh hơn, đảm bảo chắc chắn hơn cho người gửi tiền là BHTG có khả năng đáp ứng cam kết chi trả của mình, tránh hiện tượng thuận chu kỳ xảy ra khi tăng mức phí cho các ngân hàng sau sự kiện một ngân hàng đổ vỡ, góp phần vào sự công bằng bằng cách đặt gánh nặng chi phí lên ngân hàng đổ vỡ. Mặt khác, Lập quỹ trước lại làm tăng chi phí điều hành liên quan đến việc thu phí và quản lý quỹ, quy mô của nó cũng không thể đảm bảo cho tất cả các ngân hàng trong hệ thống. Cấu trúc cấp vốn cũng phụ thuộc vào đặc điểm (như quy mô cấu trúc) hệ thống ngân hàng vì nó ảnh hưởng đến mức độ mà sự đổ vỡ của một ngân hàng đó có thể gây ra cho các thành viên của hệ thống BHTG và cơ quan chính quyền. Việc áp dụng rộng rãi hơn cơ chế Lập quỹ trước là tốt, và IADI nên xem xét liệu một hệ thống BHTG được Lập quỹ trước có nên được ủng hộ công khai trong hướng dẫn của mình.

Nhận thức của công chúng

Một số thành viên FSB (Canada, Hồng Kong, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Nga, Singapore, Anh, Mỹ) có những chương trình nâng cao nhận thức công chúng toàn diện, sử dụng nhiều công cụ khác nhau để chuyển tải thông tin đến người gửi tiền. Tuy nhiên, việc các cơ quan BHTG tiến hành theo dõi thường xuyên mức độ nhận thức của công chúng, các lỗ hổng về thông tin tiềm tàng hay cảm nhận về BHTG của người gửi tiền vẫn chưa là một thông lệ phổ biến. Nếu không có sẵn một cơ chế theo dõi liên tục, rất khó để BHTG đánh giá hiệu quả của hệ thống trong việc đảm bảo niềm tin của người gửi tiền. Nhu cầu về nhận thức công chúng đặc biệt quan trọng trong trường hợp khi người gửi tiền cùng được bảo vệ bởi nhiều cơ quan BHTG (dù là cơ chế trong nước hay ngoài nước) và khi những nhóm ngân hàng giống nhau hoạt động qua những chi nhánh có những khoản tiền gửi cùng nằm dưới một hạn mức tổng gộp tối đa. Tăng cường sự minh bạch lớn hơn trong cấu trúc cấp vốn cũng như việc có sẵn các nguồn vốn dự phòng, bao gồm cả quy mô của quỹ được lập trước, có thể nâng cao độ tin cậy của hệ thống BHTG.

Cập nhật hướng dẫn của IADI

IADI đã xây dựng tài liệu hướng dẫn về nhiều khía cạnh của hệ thống BHTG, và những tài liệu này được cập nhật 5 năm/lần.⁶⁸ Tuy nhiên, phần lớn tài liệu có trước khủng hoảng cũng như có trước các diễn biến và xu hướng gần đây trong thiết kế hệ thống.⁶⁹ IADI cần cập nhật tài liệu có trước khủng hoảng của mình trên cơ sở những phát hiện và bài học vài năm gần đây và việc ban hành các tiêu chuẩn có liên quan của các tổ chức quốc tế (như tài liệu của *FSB: Những thuộc tính chính của cơ chế xử lý hiệu quả*)

Các bước tiếp theo

Về các bước tiếp theo, FSB cần xem xét đánh giá những hoạt động mà các nước tiến hành dựa trên khuyến nghị đưa ra trong báo cáo này. Điều này có thể thực hiện thông qua báo cáo

⁶⁷ Hà lan sẽ chuyển sang hệ thống Lập quỹ trước vào năm 2012, Ý và Anh đang tích cực xem xét vấn đề này

⁶⁸ Xem chi tiết tại <http://www.iadi.org/Research.aspx?id=55>

⁶⁹ IADI cũng đang cập nhật hướng dẫn về xử lý và các hệ thống phí phân biệt, cơ quan này cũng đang dự thảo tài liệu về chi trả tiền gửi, chuyển tiếp từ bảo đảm toàn phần và hệ thống cảnh báo sớm.

đánh giá đồng đẳng tiếp theo hoặc – nếu có mối liên hệ giữa BHTG và cơ chế xử lý – là một phần của báo cáo đồng đẳng sau này về việc thực thi *Những thuộc tính cơ bản* mà FSB sẽ tiến hành.

2. Khuyến nghị

Dựa trên những phát hiện của báo cáo đồng đẳng này, có 4 khuyến nghị để FSB hay các thành viên thực hiện. Nó bao gồm việc xây dựng một hệ thống BHTG công khai cho những nước còn chưa có, sửa đổi thiết kế hiện tại của BHTG sao cho phù hợp với Những Nguyên tắc cơ bản, thêm những phân tích và hướng dẫn bởi các cơ quan quốc tế có liên quan (chủ yếu là IADI) và việc thực hiện các khuyến nghị của đánh giá đồng đẳng.

Khuyến nghị 1: Áp dụng hệ thống BHTG công khai

Các thành viên FSB chưa có BHTG công khai cần xây dựng hệ thống BHTG công khai để duy trì ổn định tài chính thông qua việc bảo vệ người gửi tiền và tránh rút tiền hàng loạt.

Khuyến nghị 2: Thực hiện đầy đủ Những nguyên tắc cơ bản

Các thành viên FSB có hệ thống BHTG công khai cần có những hành động tuân thủ hoàn toàn các Nguyên tắc cơ bản. Những hoạt động này gồm:

- *Kết nạp tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi từ những người cần được bảo vệ nhất làm thành viên của hệ thống BHTG.*
- *Xem xét mức bảo hiểm để đảm bảo có sự cân bằng hợp lý giữa bảo vệ người gửi tiền và các nguyên tắc thị trường, củng cố ổn định tài chính. Ở những nước có mức chi trả cao, cần có các biện pháp bổ sung để đảm bảo giảm thiểu rủi ro đạo đức. Bảo hiểm không giới hạn, dù thông qua việc bảo vệ hoàn toàn những khoản tiền gửi hợp pháp hay sự tồn tại của các cơ chế bảo đảm nhằm bảo vệ cho chính tổ chức, có thể ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của BHTG và do đó cần phải loại bỏ*
- *Đảm bảo những nguồn lực hiện tại (bao gồm cả những sự lựa chọn cấp vốn dự phòng) của BHTG là đầy đủ và sẵn sàng ngay lập tức để đáp ứng nhu cầu tài chính khi cần*
- *Xóa bỏ giới hạn đóng góp trong toàn hệ thống ngân hàng của BHTG để tránh ý nghĩ rằng trong thời gian khủng hoảng một số khoản tiền được bảo hiểm sẽ không được chi trả khi một ngân hàng (lớn) đổ vỡ, hoặc bổ sung vào giới hạn này một cơ chế công khai để giải quyết việc chi trả vượt ngoài giới hạn.*
- *Thiết lập và thông báo công khai khung thời gian chi trả mục tiêu nhanh chóng cho người gửi tiền, tạo ra những cơ chế cần thiết để đáp ứng mục tiêu chi trả.*
- *Điều chỉnh cơ chế quản trị của BHTG để đảm bảo có sự giám sát công phù hợp và tránh xung đột lợi ích có thể xảy ra.*
- *Chính thức hóa việc chia sẻ thông tin và cơ chế hợp tác giữa cơ quan BHTG, các thành viên mạng an toàn và cơ quan BHTG nước ngoài. Thông tin đầy đủ về bảo vệ xuyên quốc gia của BHTG nước ngoài cần được thông báo đến người gửi tiền trong nước.*

Khuyến nghị 3: Tăng cường hướng dẫn và phân tích của cơ quan lập tiêu chuẩn

IADI nên, có sự tham vấn với BDBS và các cơ quan khác khi cần thiết, cập nhật hướng dẫn đã có từ trước khủng hoảng. IADI cũng nên xem xét xây dựng thêm hướng dẫn để giải quyết

những vấn đề mà Các nguyên tắc cơ bản cần chính xác hơn để đạt được sự tuân thủ hiệu quả hoặc phản ánh tốt hơn những thông lệ tốt, ví dụ:

- *Đặt ra các tiêu chuẩn để giám sát hiệu quả và sự hợp lý của mức bảo hiểm*
- *Xác định các công cụ và thông lệ tốt để giảm thiểu rủi ro đạo đức*
- *Đảm bảo có sự hợp tác hiệu quả giữa các hệ thống trong một nước có nhiều cơ quan BHTG, và bất cứ sự khác biệt trong mức bảo hiểm cho người gửi tiền giữa các tổ chức hoạt động trong một nước không ảnh hưởng xấu đến hiệu quả của các hệ thống*
- *Lên kế hoạch kịch bản và mô phỏng thường xuyên để đánh giá năng lực chi trả nhanh chóng*
- *Tìm hiểu tính khả thi và mong muốn sử dụng cơ chế lập quỹ trước; và*
- *Phát triển các cơ chế phù hợp để theo dõi thường xuyên nhận thức công chúng về BHTG*

Khuyến nghị 4: Thực hiện những khuyến nghị của bản đánh giá đồng đẳng

FSB nên xem xét và đánh giá những hoạt động mà các thành viên thực hiện theo những khuyến nghị của bản báo cáo này. Nó có thể được thực hiện thông qua đánh giá đồng đẳng tiếp theo về các hệ thống BHTG hoặc, như một phần của chuỗi các báo cáo đồng đẳng về việc áp dụng Những thuộc tính chính của các cơ chế xử lý hiệu quả.

PHỤ LỤC A.

So sánh về các giải pháp bảo hiểm tiền gửi thực hiện trong khủng hoảng tài chính

Bảng 1. Các biện pháp đặc biệt bảo vệ người gửi tiền trong khủng hoảng

Quốc gia	Không dùng biện pháp đặc biệt	Tăng hạn mức bảo hiểm	Thay đổi mức phí /hệ thống bảo hiểm	Mở rộng phạm vi bảo hiểm	Bảo hiểm toàn bộ	Mở rộng quyền hạn của Hệ thống BHTG và các biện pháp khác
Argentina	x					
Australia		x ^[1]			x ^[2]	
Brazil				x ^[3]		x ^[4]
Canada	x					
Trung Quốc	x					
Pháp		x ^[13]			x ^[5]	x ^[13]
Đức		x ^[13]			x ^[6]	x ^[13]
Hong Kong					x ^[7]	
Ấn Độ	x					
Indonesia		x				
Ý						x ^[8,13]
Nhật Bản	x					
Hàn Quốc				x ^[9]		x ^[10]
Mexico	x					
Hà Lan		x ^[13]				x ^[13]
Nga		x	x ^[11]			x
Saudi Arabia	x					
Singapore					x ^[7]	
Nam Phi	x					
Tây Ban Nha		x ^[12,13]				x ^[13]
Thụy Sĩ		x		x		x ^[14]
Thổ Nhĩ Kỳ	x					
Anh		x ^[13]				x ^[13]
Mỹ		x	x ^[15]		x ^[16]	x ^[17]

- [1] Australia áp dụng Chương trình đền bù tài chính (Hệ thống bảo hiểm tiền gửi) vào tháng 10/2008 với hạn mức bảo hiểm là 1 triệu AUD mỗi người gửi tiền trong mỗi tổ chức được phép nhận tiền gửi
- [2] Ngoài Chương trình Đền bù Tài chính, Australia còn áp dụng một hệ thống bảo hiểm tách biệt tự nguyện cho những khoản tiền gửi vượt quá 1 triệu AUD (có thu phí).
- [3] Hội đồng Tiền tệ quốc gia cho phép các ngân hàng phát hành tiền gửi kỳ hạn đặc biệt được bảo đảm bởi cơ quan bảo hiểm tiền gửi (FGC) cho việc phát hành chứng khoán.
- [4] Hội đồng Tiền tệ quốc gia tăng hạn mức cho việc áp dụng của các quỹ FGC đối với mua lại các khoản cho vay và khoản đầu tư đảm bảo bằng các khoản phải thu từ 20%-50% vốn chủ sở hữu FGC. FGC cũng tiến hành một số hoạt động hỗ trợ thanh khoản nhằm tạo điều kiện cho hoạt động cấp vốn, cơ cấu lại tài sản, tổ chức trong một số cơ quan thành viên, hoặc rút lui có trật tự khỏi hệ thống ngân hàng.
- [5] Thông báo chính trị vào 10/2008 về việc người gửi tiền sẽ không mất tiền gửi tại các ngân hàng được cấp phép, không được chuyển thành luật.
- [6] Thông báo chính trị vào tháng 10/2008, không chuyển đổi thành luật.
- [7] Hết hiệu lực vào cuối 2010.
- [8] Bộ Tài chính có thể thực hiện đảm bảo nếu một chương trình bảo hiểm tiền gửi không thể chi trả cho người gửi tiền – hết hiệu lực tháng 10/2011.
- [9] Bảo hiểm được mở rộng cho tiền gửi là ngoại tệ - kể từ tháng 11/2008.
- [10] Áp dụng Hệ thống Xử lý thông tin hợp nhất (nhằm tạo điều kiện chi trả bảo hiểm tạm thời trực tuyến); Thông qua Hệ thống Chi trả ước tính (tạo điều kiện chi trả trước cho người gửi tiền).
- [11] Giảm tỷ lệ phí bảo hiểm nhằm hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng thành viên của DIS.
- [12] Hạn mức bảo hiểm tăng đối với cả tiền gửi (DIS) và đầu tư (chương trình bảo vệ nhà đầu tư)
- [13] Hạn mức bảo hiểm cho người gửi tiền cao hơn, đền bù nhanh chóng hơn, và thông tin kịp thời toàn diện hơn đến người gửi tiền (Chi thị EU đã sửa đổi).
- [14] Đẩy nhanh việc chi trả cho người gửi tiền, yêu cầu các ngân hàng nắm giữ tài sản tại Thụy Sĩ tương đương 125% lượng tiền gửi được bảo đảm bởi quyền ưu tiên trong phá sản; Các khoản tiền gửi ưu tiên được trả từ dự trữ thanh khoản sẵn có tại ngân hàng phá sản trong tiến trình phá sản.
- [15] FDIC sửa đổi hệ thống tính phí bảo hiểm tiền gửi – thay đổi cơ sở tính phí, xóa bỏ những ràng buộc về quy mô của Quỹ; trao toàn quyền cho FDIC trong việc quyết định đình chỉ hoặc hạn chế công bố hoặc chi trả cổ tức khi tỷ lệ dự trữ đạt 1,5%.
- [16] Bảo hiểm toàn bộ cho các tài khoản giao dịch không sinh lãi đến 31/12/2012.
- [17] Vào tháng 10/2008 FDIC thiết lập Chương trình Bảo đảm thanh khoản tạm thời gồm 2 thành phần: Chương trình Đảm bảo Nợ (Cho phép các tổ chức được đảo nợ đến hạn bằng nợ do FDIC bảo đảm – hết hiệu lực vào 31/10/2009) và Chương trình Đảm bảo Tài khoản Giao

dịch (đảm bảo toàn phần cho các tài khoản giao dịch không sinh lãi đến hết 12/2010). FDIC sửa đổi hệ thống tính phí bảo hiểm tiền gửi của mình – thay đổi cơ sở tính phí; xóa bỏ những bắt buộc về quy mô Quỹ; trao toàn quyền cho FDIC trong việc quyết định đình chỉ hoặc hạn chế công bố hoặc chi trả cổ tức khi tỷ lệ dự trữ đạt 1.5%.

Bảng 2. Các kế hoạch dỡ bỏ cơ chế BHTG toàn bộ/đặc biệt

Quốc gia	Các kế hoạch
Australia	Hạn mức dài hạn mới là AUD 250.000 sẽ áp dụng từ 1/2/2012; bảo hiểm tiền gửi là ngoại tệ chấm dứt từ 10/2011; Chính phủ đang đề nghị bổ sung bảo hiểm cho một số loại tài sản tín thác hợp nhất.
Brazil	Bảo đảm tạm thời cho các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đặc biệt được gỡ bỏ trước 1/1/2016.
Pháp	Những thay đổi về hạn mức bảo hiểm EU là lâu dài, thông báo đại chúng không được chuyển thành luật.
Đức	Những thay đổi về hạn mức bảo hiểm EU là lâu dài, thông báo đại chúng không được chuyển thành luật nhưng vẫn có giá trị.
Hong Kong	Công chúng được thông báo về thời gian áp dụng bảo hiểm toàn bộ – hết hiệu lực vào cuối 2010 – ngay từ lúc bắt đầu khủng hoảng. Hình thành nhóm làm việc ba bên với Malaysia và Singapore về chiến lược dỡ bỏ.
Indonesia	Tăng hạn mức bảo hiểm vào 2008 – Công bố các kế hoạch rút lui
Ý	Các giải pháp ổn định toàn hệ thống được sử dụng đã không được kích hoạt và hết hiệu lực vào 10/2011. Không cần đến chiến lược dỡ bỏ cụ thể.
Hà Lan	Không có. Tăng hạn mức bảo hiểm cố định theo Chỉ thị EU
Hàn Quốc	Không có. Hạn mức bảo hiểm được giữ ở mức 50 triệu KRW.
Nga	Không có. Tăng hạn mức bảo hiểm lâu dài được thực hiện vào 10/2008
Singapore	Thông báo thời điểm hết hạn vào cuối 2010 khi việc bảo đảm được áp dụng. Không có giai đoạn chuyển tiếp
Tây Ban Nha	Thay đổi hạn mức bảo hiểm theo Chỉ thị EU
Thụy Sĩ	Tăng hạn mức bảo hiểm lâu dài từ 1/9/2011
Anh	Việc bảo đảm do Chính phủ thực hiện (Không phải tổ chức Bảo hiểm tiền gửi) cho khoản tiền vượt quá hạn mức chi trả tại 5 tổ chức nhận tiền gửi là tạm thời và đã được xóa bỏ vào 5/2010
Mỹ	Tăng mức bảo hiểm tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng lâu dài từ 6/2010 (Theo Đạo luật Dodd-Frank). FDIC chấm dứt Chương trình đảm bảo tài khoản giao dịch khi Quốc hội mở rộng bảo hiểm toàn bộ cho các khoản tiền gửi không sinh lãi đến hết 31/12/2012. FDIC kết thúc DGP sau khi xem xét các điều kiện kinh tế và tuân thủ các thủ tục xây dựng qui tắc.

PHỤ LỤC B.

Các thành viên FSB có nhiều hệ thống BHTG trong một quốc gia

Brazil:

Hệ thống BHTG Brazil gồm 4 hệ thống bảo hiểm tách biệt. Quỹ Đảm bảo Tín dụng (FGC) là 1 Hệ thống BHTG công khai, thành lập năm 1995 phục vụ hệ thống ngân hàng. Đây là 1 Hiệp hội tư nhân, phi lợi nhuận với nhiệm vụ chính là bảo vệ người gửi tiền trước những đổ vỡ tài chính. Để ứng phó với khủng hoảng, FGC cũng được quyền cung cấp hỗ trợ thanh khoản đặc biệt cho các tổ chức trong hiệp hội. FGC không có quyền hạn giám sát hay xử lý.

Có 3 quỹ bảo hiểm tiền gửi công khai khác do tư nhân điều hành cho các hiệp hội tín dụng; tổng cộng lại, các hiệp hội tín dụng chỉ nắm giữ số tiền gửi tương ứng 0,45% tiền gửi trong hệ thống tài chính quốc gia. Tất cả 3 quỹ trên đều là các tổ chức phi lợi nhuận do các liên đoàn tín dụng điều hành. Giống như FGC, các quỹ này hoạt động chủ yếu là chi trả, dù có thẩm quyền tiến hành trợ giúp thanh khoản để tài trợ việc tái tổ chức công ty như mua lại và sáp nhập hoặc chuyển quyền sở hữu. Các quỹ này có hạn mức bảo hiểm, quy định thành viên và tính phí bảo hiểm khác nhau.

Canada:

Người gửi tiền được bảo hiểm dù ở mức quốc gia bởi Tổng công ty BHTG Canada (CDIC) hay ở cấp tỉnh bởi các hệ thống BHTG địa phương.

CDIC bảo hiểm cho các khoản tiền gửi trong các ngân hàng được liên bang cấp phép, các công ty tín thác, cho vay, các tổ chức tín dụng hợp tác và các liên hiệp tín dụng, các công ty cho vay và tín thác do tỉnh cấp phép lên tới 100.000 CAD mỗi người gửi tiền/tổ chức gửi tiền. Tư cách thành viên CDIC là bắt buộc đối với tất cả các tổ chức nhận tiền gửi. CDIC là một công ty nhà nước do Chính phủ liên bang sở hữu.

Tiền gửi tại các liên hiệp tín dụng do tỉnh cấp phép và các nghiệp đoàn tín dụng - caisses populaires (chiếm khoảng 13% tổng số tiền gửi trong hệ thống ngân hàng) bị hạn chế chỉ hoạt động tại địa phương và được bảo hiểm bởi các công ty BHTG ở cấp tỉnh. Các liên hiệp tín dụng do tỉnh cấp phép không thể trở thành thành viên của CDIC. Hạn mức bảo hiểm tại các hệ thống BHTG thay đổi tùy từng nơi, từ khoảng 100.000 CAD (Ontario, Quebec) cho tới bảo hiểm toàn phần (Alberta, British Columbia, Manitoba và Saskatchewan). Những hệ thống này đều là các quỹ thu phí trước (hay còn gọi là các quỹ ổn định) hoạt động trên nền tảng phí BHTG thu từ các tổ chức thành viên.

Italy:

Hệ thống BHTG Italy bao gồm 2 chương trình bảo vệ tiền gửi. Các ngân hàng được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần và các ngân hàng hợp tác được bảo hiểm bởi Quỹ bảo đảm tiền gửi liên ngân hàng (FITD). Các ngân hàng tương hỗ được bảo hiểm bởi Quỹ đảm bảo tiền gửi ngân hàng tương hỗ (FGDCC). Khoảng 47% giá trị tiền gửi được bảo hiểm bởi 2 hệ thống này: 42% bởi FITD và 5% bởi FGDCC. Hai hệ thống này có cùng hạn mức bảo hiểm và gây quỹ bằng hình thức quỹ lập sau do các ngân hàng thành viên đóng góp.

Hai Quỹ trên được thành lập ban đầu như những hệ thống tự nguyện nhưng đã trở thành bắt

buộc kể từ khi thông qua Chỉ thị EU 94/19/EC. Đây đều là những công ty hoạt động theo luật tư, do đại diện từ các ngân hàng thành viên quản lý. Các công ty này có nhiệm vụ chính là chi trả cho người gửi tiền khi thanh lý ngân hàng. Ngoài ra còn có thể tạo điều kiện cho quá trình tái cơ cấu và tránh việc thanh lý ngân hàng, miễn là sự can thiệp thay thế này tốn ít chi phí hơn là việc chi trả cho người gửi tiền. Bất kỳ hành động can thiệp nào của các tổ chức BHTG phải được sự phê chuẩn của Ngân hàng trung ương Italy.

Đức:

Hệ thống BHTG Đức được tổ chức xung quanh các trụ cột của hệ thống ngân hàng truyền thống. Các ngân hàng thương mại được 2 hệ thống bảo hiểm theo luật định bảo vệ, một dành cho các ngân hàng tư nhân và một dành cho các ngân hàng nhà nước. Các ngân hàng này cũng có thể tham gia vào một hệ thống bảo vệ tự nguyện do tư nhân điều hành, bổ sung hiệu quả cho hệ thống pháp định. Các hệ thống tự nguyện và pháp định đại diện cho khoảng 1 nửa tổng số tiền gửi (khoảng 3,4 nghìn tỷ US\$ trên tổng số 7,2 nghìn tỷ US\$). Các ngân hàng tiết kiệm và ngân hàng hợp tác là thành viên của hệ thống bảo vệ tổ chức (một cho các ngân hàng tiết kiệm và một cho các ngân hàng hợp tác), đảm bảo đầy đủ khả năng tồn tại cho mỗi tổ chức thành viên.

Hệ thống theo luật định cho ngân hàng thương mại: Có 2 hệ thống BHTG pháp định, một cho các ngân hàng nhà nước và một cho các ngân hàng tư nhân. Các hệ thống này được điều hành riêng nhưng được Cơ quan giám sát tài chính liên bang Đức (BaFin) giám sát, và tuân theo Chỉ thị EU về BHTG.

Hệ thống tự nguyện cho ngân hàng thương mại: Hiệp hội Ngân hàng tư nhân Đức và Hiệp hội Ngân hàng khu vực Nhà nước cung cấp các quỹ tự nguyện cho các thành viên. Sự bảo vệ từ các hệ thống này bổ sung cho sự bảo vệ pháp lý từ các hệ thống pháp định. Các hệ thống này cũng cung cấp hạn mức bảo hiểm cao hơn 100,000 EUR và bảo hiểm cho nhiều loại tiền gửi và nhiều đối tượng gửi tiền hơn. Về phía Hiệp hội Ngân hàng tư nhân Đức, hạn mức bảo hiểm tổng cho mỗi người cho vay được quy định tương đương với 30% vốn của một ngân hàng, trong khi Hiệp hội Ngân hàng khu vực Nhà nước không quy định hạn mức bảo hiểm. Các hệ thống tự nguyện không có quyền hạn quản trị hay quyền pháp lý đối với khoản bồi thường và không bị BaFin giám sát.

Hệ thống bảo vệ tổ chức cho ngân hàng hợp tác và tiết kiệm: Các hệ thống này bảo vệ cho những ngân hàng hợp tác và ngân hàng tiết kiệm Đức, chứ không bảo vệ cho người gửi tiền, bằng cách bảo vệ khả năng tồn tại của các ngân hàng đó. Sự bảo vệ như vậy được cung cấp thông qua những bảo đảm và cơ chế khác nhau. Các thành viên của 2 hệ thống này không tham gia vào hệ thống BHTG pháp định. BaFin chỉ quyết định liệu 2 hệ thống này có đáp ứng các điều kiện yêu cầu hay không. Nếu các điều kiện này không được đáp ứng, các tổ chức thành viên sẽ phải chuyển sang hệ thống BHTG luật định. 2 hệ thống vận hành dựa một phần trên nguồn vốn trả trước (trên cơ sở rủi ro) và một phần nguồn dự phòng chia sẻ gánh nặng trả sau. Trong trường hợp ngân hàng tiết kiệm, việc này được thực hiện theo các cơ chế vùng được qui định. Trong những trường hợp ngoại lệ, chính quyền địa phương có thể tham gia vào chia sẻ gánh nặng trả sau bằng cách trở thành chủ sở hữu nhà nước của các ngân hàng tiết kiệm.

Nhật Bản:

Ngoài Tổng công ty BHTG Nhật Bản (DICJ) dành cho các ngân hàng và hợp tác xã tín dụng, còn có Tổng công ty Bảo hiểm tiết kiệm hợp tác Nông -Ngư nghiệp (AFCSIC). AFCSIC thành lập dựa trên Đạo luật bảo hiểm tiết kiệm với mục tiêu bảo vệ người gửi tiền và duy trì các điều kiện tín dụng quy củ trong các hợp tác xã nông -ngư nghiệp. Các hợp tác xã này nộp phí cho AFCSIC với mục đích bảo vệ một lượng tiền tiết kiệm nhất định khi những hợp tác xã này phá sản. Lượng tiền gửi được bảo hiểm bởi AFCSIC là khá nhỏ (xấp xỉ 90 nghìn tỷ Yen) và hệ thống bảo hiểm này tương tự với DICJ – chẳng hạn, hạn mức bảo hiểm của AFCSIC là giống với DICJ.

Mỹ:

Mỹ có 2 hệ thống BHTG liên bang hoạt động dựa trên loại hình tổ chức: (1) tiền gửi tại ngân hàng và hiệp hội tiết kiệm được bảo hiểm bởi Tổng công ty BHTG liên bang Mỹ (FDIC); và (2) tiền gửi trong liên hiệp tín dụng bảo hiểm bởi một pháp nhân riêng biệt là Cơ quan quản trị liên hiệp tín dụng Quốc gia (NCUA).

FDIC bảo hiểm cho tiền gửi lên tới 250,000\$. Tại mức này, xấp xỉ 80% giá trị của tiền gửi và 99,7% số lượng người gửi tiền được bảo hiểm toàn bộ. FDIC là cơ quan quản lý liên bang chính đối với các ngân hàng do tiểu bang cấp phép và là cơ quan giám sát dự phòng cho các tổ chức nhận tiền gửi còn lại được FDIC bảo hiểm. FDIC kiểm tra và giám sát các ngân hàng về sự an toàn, lành mạnh trong hoạt động và sự tuân thủ luật bảo vệ người tiêu dùng. Ngoài ra FDIC còn xử lý các ngân hàng đổ vỡ theo các qui định pháp lý đặc biệt ngoài khuôn khổ phá sản. Là bên tiếp nhận các ngân hàng (hay tổ chức tiết kiệm) đổ vỡ, FDIC có nhiệm vụ tối đa hóa thu hồi từ tài sản của các ngân hàng đổ vỡ và tối thiểu hóa chi phí cho quỹ BHTG. FDIC quản lý quỹ BHTG lập trước và được đảm bảo bởi “niềm tin tuyệt đối và tín nhiệm của Chính phủ Mỹ”

Tiền gửi tại các liên hiệp tín dụng liên bang được NCUA bảo hiểm, đây là một cơ quan độc lập thuộc Chính phủ Mỹ quản lý và giám sát hệ thống liên hiệp tín dụng. NCUA bảo hiểm cho tiền gửi tại các hiệp hội tín dụng được bảo hiểm liên bang cho tới mức tối đa pháp định là 250.000\$ đối với mỗi hạng mục sở hữu tài khoản, mỗi cá nhân và tổ chức gửi tiền. NCUA cũng điều hành Quỹ bảo hiểm chia sẻ liên hiệp tín dụng quốc gia (NCUSIF) dựa trên việc thu phí trước từ các liên hiệp tín dụng được bảo hiểm liên bang. NCUSIF được gây quỹ trên cơ sở phí bảo hiểm là 1% số cổ phần tại NCUSIF. NCUSIF cũng được hỗ trợ với “niềm tin tuyệt đối và tín nhiệm của Chính phủ Mỹ”. Cũng như với FDIC, NCUA có thể chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm và thanh lý tài sản của liên hiệp tín dụng, sắp xếp việc sáp nhập với liên hiệp tín dụng khác, bán toàn bộ hoặc một phần liên hiệp tín dụng (giao dịch mua lại-và-tiếp nhận), hoặc thành lập một tổ chức bắc cầu – một liên hiệp tín dụng liên bang tạm thời – để duy trì chức năng của ngân hàng đổ vỡ trong quá trình marketing quyền thương mại của tổ chức tín dụng đó.

PHỤ LỤC C.

So sánh về đặc điểm các hệ thống BHTG giữa các nước

Bảng 1. Cấu trúc hiện hành của các cơ chế bảo vệ công khai

Quốc gia	Quản trị	Tổ chức	Nhiều hệ thống BHTG trong một quốc gia	Thành viên	
		Cấu trúc		Bắt buộc hay tự nguyện	Thời điểm tham gia vào BHTG
Argentina	Tư nhân (Người nhận ủy thác quỹ)	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Australia	Nhà nước	Giám sát	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Brazil ^{1/}	Tư nhân	Hiệp hội phi lợi nhuận	Có	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Canada ^{2/}	Nhà nước	Tự quản	Có	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Pháp	Hỗn hợp	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Đức ^{3/}	Hỗn hợp	Tự quản	Có	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Hong Kong	Nhà nước (Phi chính phủ)	Tự quản	Không	Bắt buộc ^{4/}	Khi được cấp phép
Ấn Độ	Nhà nước	Chi nhánh nhà nước sở hữu toàn phần	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Indonesia	Nhà nước	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Italy ^{5/}	Tư nhân	Tự quản	Có	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Nhật Bản ^{6/}	Hỗn hợp	Tự quản	Có	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Hàn Quốc	Nhà nước	Tự quản	Không ^{7/}	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Mexico	Nhà nước	Cơ quan phi tập trung	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Hà Lan	Nhà nước	Ngân hàng TW quản lý	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Nga	Nhà nước	Tự quản – Công ty nhà nước	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Singapore	Nhà nước	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Tây Ban Nha	Tư nhân	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Thụy Sĩ	Tư nhân	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Thổ Nhĩ Kỳ	Nhà nước	Tự quản	Không	Bắt buộc	Khi được cấp phép
Vương quốc	Nhà nước (Phi	Tự quản ^{8/}	Không	Bắt buộc	Khi được cấp

Quốc gia	Quản trị	Tổ chức	Nhiều hệ thống BHTG trong một quốc gia	Thành viên	
		Cấu trúc		Bắt buộc hay tự nguyện	Thời điểm tham gia vào BHTG
Anh	chính phủ)				phép
Mỹ ^{9/}	Nhà nước	Tự quản	Có	Bắt buộc	tổ chức BHTG chấp thuận

1/ Thông tin trong bảng này (và phần còn lại Phụ lục, trừ khi có chú thích khác) liên quan đến *Fundo Garantidor de Crédito* (FGC), bảo hiểm cho các ngân hàng. Cũng có 3 hệ thống bảo hiểm tư nhân cho các liên hiệp tín dụng.

2/ Thông tin trong bảng này (và phần còn lại của Phụ lục, trừ khi có chú thích khác) liên quan đến CDIC, bảo hiểm cho các tổ chức tín dụng liên bang. Cũng có các hệ thống bảo hiểm tại địa phương cho các liên hiệp tín dụng địa phương.

3/ Thông tin trong bảng này (và phần còn lại của Phụ lục, trừ khi có chú thích khác) liên quan đến 2 hệ thống bảo đảm tiền gửi pháp định (DGS). Có tổng số 6 hệ thống: 2 DGS được giám sát bởi cơ quan giám sát tài chính liên bang Đức (1 cho ngân hàng tư nhân và 1 cho ngân hàng khu vực nhà nước); 2 quỹ bảo hiểm tự nguyện bổ sung cho các hiệp hội tín dụng; và 2 chương trình bảo vệ tổ chức bảo đảm sự tồn tại của các ngân hàng hợp tác và ngân hàng tiết kiệm (phù hợp với Chỉ thị EU, thành viên các chương trình trên được miễn tham gia bắt buộc vào DGS).

4/ Trừ khi được miễn. Miễn trừ cho các ngân hàng: (i) thành lập bên ngoài Hong Kong; (ii) tiền gửi được bảo hiểm bởi 1 tổ chức BHTG nước ngoài; và (iii) phạm vi và mức bảo vệ có sẵn với người gửi tiền tại các tổ chức BHTG nước ngoài không hẹp hơn hay thấp hơn phạm vi hay mức quy định bởi tổ chức tại Hong Kong. Hiện nay chỉ có 2 ngân hàng được miễn.

5/ Thông tin trong bảng này (và phần còn lại Phụ lục, trừ khi có chú thích khác) liên quan đến Quỹ BHTG liên ngân hàng (FITD), bảo hiểm cho ngân hàng dưới hình thức công ty cổ phần và ngân hàng hợp tác. Còn có quỹ bảo đảm tiền gửi ngân hàng tương hỗ (FGDCC) bảo hiểm cho các ngân hàng hợp tác nhỏ.

6/ Thông tin trong bảng này (và phần còn lại Phụ lục, trừ khi có chú thích khác) liên quan đến Tổng công ty BHTG Nhật Bản, bảo hiểm cho các ngân hàng và liên hiệp tín dụng. Cũng có một hệ thống BHTG khác cho các hợp tác xã nông nghiệp-ngư nghiệp.

7/ KDIC là công ty BHTG hợp nhất cung cấp bảo hiểm cho các tổ chức tài chính gồm 6 loại – ngân hàng, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ, công ty đầu tư tài chính (ví dụ: công ty chứng khoán và quản lý tài sản), ngân hàng bán buôn và ngân hàng tiết kiệm tương hỗ.

8/ Tổ chức BHTG (FSCS) hoạt động độc lập nhưng chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan giám sát (FSA) theo khung pháp lý điều chỉnh FSCS.

9/ Thông tin trong bảng này (và phần còn lại của Phụ lục, trừ khi có chú thích khác) liên quan đến FDIC, bảo hiểm cho ngân hàng và các tổ chức tiết kiệm. Có một hệ thống BHTG cho các liên hiệp tín dụng.

Bảng 2. Mục tiêu chính sách công

Quốc gia	Mục tiêu chính thức	Chính thức hóa	Miêu tả
Argentina	Có	Luật	Bảo vệ tiền gửi ngân hàng và cấp vốn/tao điều kiện tái cấu trúc
Australia	Có	Kèm theo luật	Người gửi tiền tại các tổ chức nhận tiền gửi đồ vỡ có thể tiếp cận kịp thời với tiền gửi đến 1 hạn mức nhất định.
Brazil	Có	Quy chế	Cung cấp đảm bảo tín dụng tới 1 hạn mức và trợ giúp tài chính
Canada	Có	Luật	Bảo hiểm những tổn thất toàn bộ hoặc 1 phần tiền gửi, góp phần ổn định tài chính, tối thiểu hóa tổn thất của CDIC.
Pháp	Có	Luật và Quy tắc	Tăng niềm tin vào hệ thống ngân hàng và ngăn ngừa sự tổn thất của người gửi tiền đến mức tối thiểu
Đức	Có	Luật	Đảm bảo sự bảo vệ cân đối cho người gửi tiền và tăng cường ổn định tài chính
Hong Kong	Có	Luật	Cung cấp đền bù khi có đồ vỡ, nâng cao hoặc góp phần vào ổn định tài chính
Ấn Độ	Có	Phần mở đầu Luật, Báo cáo thường niên	Bảo hiểm tiền gửi và đảm bảo tín dụng, thúc đẩy ổn định tài chính
Indonesia	Có	Luật	Bảo đảm các quỹ tiền gửi và ổn định khu vực tài chính bằng cách bảo hiểm một phần, bơm vốn tạm thời, thanh lý.
Italy	Có	Luật	Bảo vệ người gửi tiền
Nhật Bản	Có	Luật	Bảo vệ người gửi tiền và thành lập các quỹ cũng như duy trì hệ thống tài chính quy củ. Đề cập đến ngân hàng đồ vỡ, cung cấp sự giúp đỡ tài chính, tạo điều kiện sáp nhập và các giải pháp xử lý khác
Hàn Quốc	Có	Luật	Bảo vệ người gửi tiền và duy trì ổn định tài chính
Mexico	Có	Luật	Đảm bảo tiền gửi ngân hàng, xử lý các khó khăn của ngân hàng với chi phí tối thiểu, góp phần ổn định hệ thống ngân hàng và hệ thống chi trả quốc gia
Hà Lan	Có	Luật	Bồi thường cho người gửi tiền khi ngân hàng không thể hoàn thành các cam kết
Nga	Có	Luật	Bảo vệ người gửi tiền là hộ gia đình, tăng niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng, khuyến khích dòng tiền tiết kiệm vào hệ thống ngân hàng.
Singapore	Có	Báo cáo cấp Bộ, Phần mở đầu luật	Bảo vệ người gửi tiền nhỏ lẻ, cung cấp bồi thường giới hạn cho người gửi tiền đã được bảo hiểm
Tây Ban Nha	Có	Luật	Đảm bảo tiền gửi trong ngân hàng, ngân hàng tiết kiệm, hợp tác xã tín dụng và tiến hành các biện pháp

Quốc gia	Mục tiêu chính thức	Chính thức hóa	Miêu tả
			cần thiết tăng cường khả năng thanh toán của các tổ chức
Thụy Sĩ	Có	Luật và Quy chế	Cung cấp bảo hiểm giới hạn cho người gửi tiền, cam kết chi trả nhanh chóng và quỹ chi trả đầy đủ
Thổ Nhĩ Kỳ	Có	Luật	Bảo vệ quyền và lợi ích của người gửi tiền, đảm bảo niềm tin và sự ổn định tài chính. Tăng cường và tái cấu trúc tài chính các ngân hàng bằng cách chuyển, sáp nhập, bán hoặc thanh lý ngân hàng và tiến hành thu hồi các khoản phải thu của quỹ BHTG
Vương quốc Anh	Có	Luật, quy định, Bản ghi nhớ giữa FSA và FSCS, và biên bản ghi nhớ của FSCS và điều khoản hợp tác	Bồi thường cho người gửi tiền khi một ngân hàng không thể hoàn thành cam kết
Mỹ	Có	Luật	Duy trì niềm tin của công chúng vào hệ thống tài chính bằng 1) bảo hiểm tiền gửi; 2) đóng vai trò là người tiếp nhận và thanh lý các ngân hàng đổ vỡ và các công ty tài chính quan trọng trong hệ thống bị đổ vỡ và 3) kiểm tra và giám sát các tổ chức tài chính về an toàn và ổn định và bảo vệ người tiêu dùng.

Bảng 3. Nhiệm vụ ^{1/}

Quốc gia	Mục tiêu chính thức	Chính thức hóa	Phân loại ^{2/}	Miêu tả
Argentina	Có	Luật	Chi trả với quyền hạn mở rộng	
Australia	Có	Luật	Chi trả	Chương trình bồi thường tài chính (FSC) được điều hành bởi Cơ quan Quản lý An toàn Úc (APRA). Trong khi FSC là hệ thống chuyên chi trả thì APRA có quyền hạn mở rộng của cơ quan xử lý.
Brazil	Có	Quy chế	Chi trả với quyền hạn mở rộng	Cung cấp hỗ trợ tài chính cho các ngân hàng bằng cách mua các khoản cho vay và cung cấp các chức năng thanh khoản đặc biệt
Canada	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	Ngoài việc chi trả, CDIC tìm hiểu các giải pháp có thể có khi chuẩn bị thanh lý và chi trả. Được

Quốc gia	Mục tiêu chính thức	Chính thức hóa	Phân loại ^{2/}	Miêu tả
				quyền tiến hành đánh giá rủi ro từ xa và có một loạt các công cụ xử lý đổ vỡ (ví dụ: hỗ trợ các giao dịch, các thỏa thuận về cơ quan, tổ chức bắc cầu) góp phần ổn định tài chính và tối thiểu hóa tổn thất của CDIC
Pháp	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	Ngoài việc chi trả, Tổ chức BHTG còn có thể hành động ngăn ngừa, gồm cung cấp hỗ trợ thanh khoản, bảo đảm và mua cổ phần các tổ chức tín dụng
Đức	Có	Luật	Chi trả	Ngoài việc chi trả, các hệ thống đảm bảo tiền gửi có quyền hạn tiến hành kiểm toán các tổ chức tín dụng thành viên nhằm đánh giá rủi ro các trường hợp phải bồi thường. Khi các vấn đề được phát hiện, sẽ thông báo cho cơ quan giám sát. Các chương trình bảo vệ tổ chức bảo đảm cho các tổ chức thành viên về tính thanh khoản và khả năng thanh toán. Các hệ thống này có thể hành động thích hợp, cũng là các hành động để ngăn ngừa.
Hong Kong	Có	Luật	Chi trả	
Ấn Độ	Có	Luật	Chi trả	Bao gồm cả biện pháp cung cấp tài chính cho việc sáp nhập và tái cấu trúc
Indonesia	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	Tiến hành chi trả tiền gửi, giải cứu các ngân hàng đổ vỡ không có tầm quan trọng hệ thống với chi phí tối thiểu, giải cứu các ngân hàng đổ vỡ có tầm quan trọng hệ thống theo chỉ định của Ủy ban ổn định tài chính FSC
Italy	Có	Quy chế và văn bản điều lệ	Giảm thiểu chi phí	Ngoài việc chi trả, Tổ chức BHTG còn có thể hành động ngăn ngừa, gồm cung cấp hỗ trợ thanh khoản, bảo đảm và mua cổ phần các tổ chức tín dụng
Nhật Bản	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	BHTG đại diện cho người gửi tiền trong các thủ tục tại tòa án, duy trì các tổ chức đổ vỡ, quản lý các ngân hàng bắc cầu, mua lại các khoản tiền gửi không được bảo hiểm theo chất lượng tài sản của tổ chức tài chính đổ vỡ, và áp dụng các biện pháp đối phó với khủng hoảng tài chính (trợ cấp tài chính với giá trị vượt quá chi phí chi trả bảo hiểm, quản lý khủng hoảng đặc biệt như mua lại tất cả cổ phần tổ chức tài chính)
Hàn Quốc	Có	Luật	Giảm thiểu	KDIC kiểm tra thường xuyên khả năng tài

Quốc gia	Mục tiêu chính thức	Chính thức hóa	Phân loại ^{2/}	Miêu tả
			rủi ro	chính của các tổ chức thành viên bằng cách tiến hành phối hợp kiểm tra và chia sẻ thông tin với cơ quan giám sát tài chính. Thực hiện chức năng xử lý đổ vỡ từ việc sắp xếp sáp nhập và tiếp nhận hay mua lại và tiếp nhận tổ chức tài chính đổ vỡ, chuyển các hợp đồng, thiết lập bộ phận xử lý tài chính (như ngân hàng bắc cầu), và cung cấp trợ giúp tài chính. KDIC còn là người tiếp nhận tổ chức đổ vỡ.
Mexico	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	IPAB có trách nhiệm chi trả cho tiền gửi được bảo hiểm. Ngoài ra, IPAB có quyền hạn đảm bảo tiền gửi cho những người gửi tiền cỡ nhỏ và trung bình và xử lý các ngân hàng gặp vấn đề về thanh toán với chi phí thấp nhất
Hà Lan	Có	Luật	Chi trả	Sẽ sớm có khả năng cung cấp tài chính cho việc chuyển tiền gửi
Nga	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	Thanh lý ngân hàng và tiến hành các biện pháp ngăn ngừa phá sản. Thẩm quyền xử lý bằng các quỹ nhà nước. Các công cụ bao gồm mua lại và tiếp nhận, trợ giúp phục hồi, sáp nhập và tái cấp vốn
Singapore	Có	Luật	Chi trả	
Tây Ban Nha	Có	Luật và Quy chế	Giảm thiểu chi phí	BHTG có trách nhiệm chi trả tiền gửi, quyết định cung cấp tài chính cho hoạt động can thiệp sớm hoặc xử lý ngân hàng nhằm phục hồi khả năng tồn tại về tài chính hoặc cuối cùng tiến hành thanh lý tổ chức
Thụy Sĩ	Có	Luật và Quy chế	Chi trả	
Thổ Nhĩ Kỳ	Có	Luật	Giảm thiểu chi phí	Ngoài việc chi trả, BHTG có trách nhiệm xử lý ngân hàng nhận tiền gửi bằng việc chuyển giao quyền cổ đông và kiểm soát, điều hành ngân hàng cho BHTG. Trường hợp chuyển giao quản lý và kiểm soát, BHTG có thể chuyển tài sản cho 1 ngân hàng khác, tiếp quản tài sản, cung cấp trợ giúp tài chính và chuyển giao/sáp nhập/bán ngân hàng hoặc yêu cầu cơ quan quản lý thu hồi giấy phép
Vương quốc Anh	Có	Luật, Quy định,	Chi trả với quyền hạn mở rộng	Ngoài việc chi trả, FSCS đóng 1 số vai trò trong cơ chế xử lý đặc biệt, gồm thông báo quyết định lựa chọn công cụ, trợ giúp việc thực

Quốc gia	Mục tiêu chính thức	Chính thức hóa	Phân loại ^{2/}	Miêu tả
		bản ghi nhớ giữa FSA và FSCS, bản ghi nhớ của FSCS và điều khoản hợp tác		hiện thủ tục về ngân hàng mất khả năng thanh toán, góp phần giảm chi phí xử lý
Mỹ	Có	Luật và quy định	Giảm thiểu rủi ro	FDIC bảo hiểm, đóng vai trò là tổ chức tiếp nhận và thanh lý ngân hàng đổ vỡ, một số các công ty tài chính đổ vỡ có tầm quan trọng hệ thống, kiểm tra và giám sát an toàn, lãnh đạo của các tổ chức tài chính và bảo vệ người tiêu dùng

1/ Nhiệm vụ đề cập đến 1 bộ các chỉ dẫn chính thức mô tả vai trò và trách nhiệm. Trong trường hợp nhiều hệ thống BHTG trong một quốc gia, nó đề cập đến sự bảo vệ người gửi tiền tại ngân hàng.

2/ Hệ thống chi trả chỉ đơn thuần chi trả tiền gửi trong trường hợp có đổ vỡ; hệ thống chi trả với quyền hạn mở rộng có vai trò được mở rộng nhưng vẫn hạn chế và có quyền hạn trong xử lý ngân hàng (từ cung cấp tài chính tới thực hiện các giải pháp xử lý); hệ thống giảm thiểu chi phí tham gia tích cực vào lựa chọn những giải pháp xử lý tối thiểu hóa chi phí phù hợp nhất; và hệ thống giảm thiểu rủi ro gồm cả chi trả, xử lý và giám sát.

Bảng 4. Quản trị

Quốc gia	Cấu trúc quản trị		Độc lập ngân sách ^{1/}
	Cơ quan quản trị	Thành viên	
Argentina	Ủy ban Quản lý	Đại diện Ngân hàng TW là chủ tịch, 4-7 thành viên từ các tổ chức tài chính hợp thành Ủy ban Quản lý	Có
Australia	Một phần cơ quan quản lý an toàn	Các thành viên từ cơ quan quản lý an toàn	Không
Brazil	Hội đồng quản trị	5-9 đại diện từ các tổ chức thành viên	Có
Canada	Hội đồng quản trị	HDQT 11 thành viên: lãnh đạo cơ quan quản lý, Thống đốc ngân hàng TW, bộ Tài chính và các ủy viên không đương nhiệm của khu vực tư nhân	Có
Pháp	Ban Giám sát/ Ban Điều hành ^{2/}	Các chủ ngân hàng tư nhân được đề cử vào Ban giám sát/ Thỏa thuận cụ thể của Bộ tài chính về Chủ tịch ban Điều hành	Có

Quốc gia	Cấu trúc quản trị		Độc lập ngân sách ^{1/}
	Cơ quan quản trị	Thành viên	
Đức	Hội đồng quản trị	Thành viên từ các hiệp hội ngân hàng. Các chương trình bảo đảm tiền gửi là các pháp nhân điều chỉnh bởi dân luật và được BaFin giám sát, cơ quan kiểm tra cả trình độ chuyên môn và công việc của các thành viên	Không
Hong Kong	Hội đồng quản trị	8 thành viên – gồm 2 thành viên đương nhiên từ ngân hàng TW và chính phủ	Có
Ấn Độ	Hội đồng	Hội đồng 12 thành viên – 2 thành viên từ RBI, 1 từ chính phủ và 9 thành viên độc lập	Có
Indonesia	Hội đồng ủy viên	6 thành viên – bổ nhiệm bởi Tổng thống gồm lãnh đạo các ngân hàng tư nhân và nhà nước, 1 thành viên mặc nhiên từ Ngân hàng TW và 1 thành viên mặc nhiên từ Bộ tài chính	Có
Italy	Hội đồng quản trị	24 thành viên gồm Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Italy và các cán bộ ngân hàng thành viên. Thành viên từ ngân hàng TW Italy với vai trò giám sát tham dự không có quyền bỏ phiếu	Có
Nhật Bản	Hội đồng chính sách	Chủ tịch DICJ, đại diện Hiệp hội ngân hàng, Hiệp hội ngân hàng khu vực, Hiệp hội các ngân hàng khu vực, Hiệp hội quốc gia các ngân hàng Shinkin, Ngân hàng cộng đồng, cố vấn tổ chức phi tài chính, nhà bình luận tin tức, giáo sư đại học, 4 cán bộ DICJ	Có
Hàn Quốc	Ủy ban BHTG	7 thành viên: Chủ tịch KDIC, 3 thành viên mặc nhiên từ chính phủ và Ngân hàng TW, 3 thành viên từ khu vực tư nhân	Có
Mexico	Ban quản trị	7 thành viên: 3 thành viên mặc nhiên (Bộ trưởng tài chính, Thống đốc ngân hàng TW, Chủ tịch ủy ban giám sát) mỗi ủy viên này có thể chỉ định người thay thế họ, 4 thành viên độc lập do Chủ tịch chỉ định và được 2/3 thượng viện thông qua (với tỷ lệ tương tự tại ủy ban thường vụ quốc hội khi thượng viện ngừng họp)	Có
Hà Lan	Một phần Ngân hàng TW/Ban giám sát	Không áp dụng	Không

Quốc gia	Cấu trúc quản trị		Độc lập ngân sách ^{1/}
	Cơ quan quản trị	Thành viên	
Nga	Hội đồng quản trị	13 thành viên: 7 thành viên từ Chính phủ, 5 từ ngân hàng TW, và Giám đốc điều hành	Có
Singapore	Hội đồng quản trị	5 thành viên có kinh nghiệm trong khu vực nhà nước, ngân hàng, bảo hiểm, luật và kế toán	Có
Tây Ban Nha	Hội đồng quản trị	12 thành viên (6 thành viên trong ngành và 6 thành viên từ ngân hàng TW)	Có
Thụy Sĩ	Hội đồng quản trị	các lãnh đạo ngân hàng và người kinh doanh chứng khoán	Có
Thổ Nhĩ Kỳ	Hội đồng quản trị	7 thành viên (Chủ tịch, phó chủ tịch và 5 ủy viên có kinh nghiệm liên quan)	Có
Vương quốc Anh	Hội đồng quản trị	13 thành viên bổ nhiệm bởi FSA, 9 ủy viên và 4 giám đốc điều hành (Giám đốc điều hành, các vấn đề về Công ty, Nghiệp vụ và Dịch vụ trung ương)	Có
Mỹ	Hội đồng quản trị	5 thành viên (Chủ tịch FDIC, Phó chủ tịch FDIC, Cơ quan Kiểm soát tiền tệ, Giám đốc Cục bảo vệ người tiêu dùng tài chính, và một giám đốc độc lập)	Có

1/ Độc lập về ngân sách ngụ ý rằng cơ quan đó có thể tự quyết định sẽ chi ngân sách của mình như thế nào

2/ Trong 1 chế độ được luật xác lập đặc biệt gồm kiểm soát và cân bằng quyền lực giữa các cơ quan công quyền, cơ quan giám sát ngân hàng và khu vực tư nhân.

Bảng 5. Mức bảo hiểm (tính đến cuối 2010)

Quốc gia	Hạn mức bảo hiểm tiền gửi ^{1/}			Cung ứng phạm vi bảo hiểm			Cơ sở tổng tiền gửi quốc nội (Tỷ USD) ⁴	Giá trị tiền gửi (% tổng số)		Số người gửi tiền/tài khoản đủ tư cách được bảo hiểm toàn bộ (% tổng số)	
	USD	Bù trừ	Điều chỉnh theo chỉ số vĩ mô	Cá nhân và tổ chức gửi tiền	Chi nhánh của ngân hàng nước ngoài ^{2/}	Chi nhánh tại nước ngoài của ngân hàng trong nước ^{3/}		Thuộc phạm vi bảo hiểm ^{5/}	Trong hạn mức bảo hiểm ⁶	Người gửi tiền ⁷	Tài khoản tiền gửi ⁸
Argentina	7,545	Không	Không	Có	Có	Không	95	N/A	29	N/A	94.9
Úc	1,016,300	Không	Không	Có	Không	Có ^{9/}	1,336	95	61	N/A	>99
Brazil	42,000	Không	Không	Có ^{10/}	Không	Không	933	77	22	98.9	N/A
Canada	100,000	Không	Không	Có	Không	Không	1,803	64	35	N/A	97
Pháp	136,920	Không	Không	Có	Có ^{11/}	Có ^{12/}	1,742	92	67	N/A	N/A
Đức ^{13/}	136,920	Có	Không	Có	Có ^{11/}	Có ^{12/}	3,395	~40	N/A	N/A	N/A

Quốc gia	Hạn mức bảo hiểm tiền gửi ^{1/}			Cung ứng phạm vi bảo hiểm			Cơ sở tổng tiền gửi quốc nội (Tỷ USD) ⁴	Giá trị tiền gửi (% tổng số)		Số người gửi tiền/tài khoản đủ tư cách được bảo hiểm toàn bộ (% tổng số)	
	USD	Bù trừ	Điều chỉnh theo chỉ số vĩ mô	Cá nhân và tổ chức gửi tiền	Chi nhánh của ngân hàng nước ngoài ^{2/}	Chi nhánh tại nước ngoài của ngân hàng trong nước ^{3/}		Thuộc phạm vi bảo hiểm ^{5/}	Trong hạn mức bảo hiểm ⁶	Người gửi tiền ⁷	Tài khoản tiền gửi ⁸
Hồng Kông	64,000	Có	Không	Có	Có	Không	877	98	20	90	N/A
Ấn Độ	2,240	Có	Không	Có	Có	Không	1,166	95	33	N/A	92.9
Indonesia	235,294	Có	Không	Có	Có	Không	279	90	61	N/A	99.9
Italy	136,920	Có	Không	Có	Có ^{11/}	Có ¹²	2,050	45	31	55.1 ^{15/}	N/A
Nhật Bản	122,775	Có ^{16/}	Không	Có	Không	Không	11,101	90	71 ^{17/}	N/A	98.9
Hàn Quốc	43,902	Có	Không	Có	Có	Có	951	68	27	95.4	N/A
Mexico	146,606	Không	Có	Có	Không áp dụng	Không áp dụng	178	100	58	N/A	99.9
Hà Lan	136,920	Không	Không	Có	Có ^{11/}	Có ^{12/}	1,202	59	48	80	N/A
Nga	23,064	Có	Không	Có	Không áp dụng	Không	692	47	32	96.5	99.7
Singapore	38,835	Không	Không	Có	Có	Không	456	70	19	91	N/A
Tây Ban Nha ^{18/}	136,920	Không	Không	Có	Có ^{11/}	Có ^{12/}	1,963	65	47	64.1	N/A
Thụy Sĩ	96,830	Không	Không	Có	Có	Không	1,481	73	24	N/A	N/A
Thổ Nhĩ Kỳ	32,341	Không	Không	Có	Có	Không	399	59	25	86.5	88.7
Vương quốc Anh	133,068	Không	Không	Có	Có ^{11/}	Có ^{12/}	N/A	N/A	N/A	N/A	98
Mỹ	250,000	Có 20/	Có	Có	Không	Có ^{21/}	100	79	79	N/A	99.7

N/A: Không có dữ liệu

1/ Sử dụng tỷ giá hối đoái cuối 2010. Bù trừ là việc tiền gửi dùng để trả trước hết cho bất kỳ khoản phải thu nào của ngân hàng đối với người gửi tiền trước khi chi trả. Sự chỉ số hóa là với lạm phát.

2/ Hệ thống BHTG nội địa có bảo hiểm cho tiền gửi tại chi nhánh trong nước của ngân hàng nước ngoài hay không (tiền gửi của các chi nhánh thành lập tại địa phương của ngân hàng nước ngoài được bảo hiểm bởi tổ chức BHTG trong nước tại tất cả các nước thành viên FSB)

3/ Hệ thống BHTG trong nước có bảo hiểm cho tiền gửi do các chi nhánh tại nước ngoài của ngân hàng được thành lập trong nước hay không

4/ Tổng số tiền gửi do các tổ chức liên quan nắm giữ trong khu vực ngân hàng nội địa (sở hữu trong nước hoặc nước ngoài) trong một nước. Trong trường hợp có nhiều hệ thống BHTG tại 1 nước, chỉ những khoản tiền gửi được bảo hiểm bởi tổ chức BHTG pháp định chính được thể hiện (Trừ khi có chú thích khác).

5/ Tỷ lệ tiền gửi tại khu vực ngân hàng trong nước nằm trong phạm vi BHTG trên tổng tiền gửi tại ngân hàng trong nước. Tiền gửi nằm trong phạm vi BHTG là những khoản tiền gửi

nằm trong phạm vi BHTG trong nước, tức là đáp ứng các yêu cầu để được bảo hiểm, phụ thuộc vào loại tiền gửi hay người gửi tiền.

6/ Tỷ lệ tiền gửi tại khu vực ngân hàng trong nước nằm trong hạn mức bảo hiểm trên tổng tiền gửi tại ngân hàng trong nước. Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi đủ điều kiện đã được bảo hiểm bởi 1 hệ thống BHTG trong nước, tức là tuân theo các điều kiện thích hợp và có giá trị nằm trong hạn mức bảo hiểm tối đa.

7/ Tỷ lệ người gửi tiền tại ngân hàng trong nước có khoản tiền gửi thuộc phạm vi bảo hiểm và được bảo hiểm toàn bộ bởi tổ chức BHTG. Một người gửi tiền coi là đã được bảo hiểm toàn bộ nếu tổng số tiền gửi thuộc phạm vi bảo hiểm tại tất cả các tài khoản tiền gửi nằm trong phạm vi hạn mức bảo hiểm của tổ chức BHTG.

8/ Tỷ lệ tài khoản tiền gửi trong nước được bảo hiểm toàn bộ bởi tổ chức BHTG trong nước.

9/ Úc đã thông báo ý định chính thức hoá việc bỏ bảo hiểm tiền gửi cho chi nhánh tại nước ngoài của các ngân hàng trong nước, các hiệp hội tín dụng và hiệp hội xây dựng.

10/ Do người gửi tiền cho toàn bộ tập đoàn, bất kể số tài khoản tại mỗi ngân hàng trong nhóm.

11/ Trong trường hợp các nước thành viên EEA, tổ chức BHTG trong nước không bảo hiểm cho tiền gửi tại các chi nhánh trong nước của các tổ chức tín dụng có trụ sở chính tại các nước thành viên EEA khác vì nước sở tại có trách nhiệm bảo hiểm. Tuy nhiên, các chi nhánh của tổ chức tín dụng tại các nước không phải thành viên EEA phải tham gia BHTG trong nước.

12/ Chỉ các chi nhánh của ngân hàng trong nước tại các nước thành viên EEA khác được BHTG trong nước bảo hiểm.

13/ Các số liệu về hạn mức BHTG, tổng cơ sở tiền gửi trong nước và tỷ lệ tiền gửi thích hợp tại Đức đại diện cho các tổ chức được bảo hiểm bởi các chương trình bảo vệ pháp định (ngân hàng tư nhân và nhà nước). Các tổ chức này cũng có thể tận dụng lợi thế bảo hiểm bổ sung tự nguyện của các hiệp hội ngân hàng (không có trong bảng). Còn có 2 chương trình bảo hiểm tổ chức nhằm bảo vệ sự tồn tại của các tổ chức thành viên (ngân hàng hợp tác và tiết kiệm), để toàn bộ tiền gửi của các tổ chức đó (khoảng 3,368 tỷ US\$ - không có trong bảng) được bảo hiểm.

14/ Số liệu về tổng cơ sở tiền gửi trong nước và tỷ lệ tiền gửi đủ điều kiện và được bảo hiểm tại Italy đại diện cho các ngân hàng được bảo hiểm bởi tổ chức BHTG chính (FITD). Số liệu BHTG cho các ngân hàng tương hỗ (FGDCC) như sau: 131 tỷ US\$ tổng số tiền gửi, tỷ lệ tiền gửi đủ điều kiện và được bảo hiểm lần lượt là 83% và 61%.

15/ Tỷ lệ tiền gửi đủ điều kiện được bảo hiểm bộ tại Italy là trung bình ước tính của cả 2 hệ thống BHTG (FITD và FGDCC).

16/ Tiền gửi được bù trừ chỉ khi có yêu cầu của người gửi tiền.

17/ Nếu Tổng công ty Bảo hiểm tiết kiệm hợp tác Nông - Ngư nghiệp Nhật Bản được thống kê trong các tính toán, tỷ lệ bảo hiểm tiền gửi giảm xuống 65%.

18/ Số liệu của Tây Ban Nha bao gồm số liệu tổng của các hệ thống BHTG riêng biệt trước

đây cho ngân hàng, ngân hàng tiết kiệm và ngân hàng hợp tác tín dụng (tổng tiền gửi lần lượt 846 tỷ USD, 992 tỷ USD, và 125 tỷ USD).

19/ Cơ sở tiền gửi chỉ bao gồm tiền gửi tại các tổ chức không phải ngân hàng. Không bao gồm tiền gửi tài khoản giao dịch tại các tổ chức tài chính khác và giao dịch/cho vay liên ngân hàng.

20/ Bù trừ chỉ áp dụng cho tiền gửi vượt quá hạn mức bảo hiểm hoặc trường hợp vỡ nợ.

21/ FDIC chỉ bảo hiểm cho tiền gửi của các chi nhánh tại nước ngoài của ngân hàng trong nước nếu tiền gửi được xem như “khoản phải trả tại Mỹ”.

Bảng 6. Phạm vi bảo hiểm

Quốc gia	Loại tiền gửi được bảo hiểm							
	Không kỳ hạn	Kỳ hạn cố định	Ngoại tệ	Liên ngân hàng	Công ty phi tài chính	Khu vực nhà nước	Công ty tài chính phi ngân hàng	Người không cư trú
Argentina	Có	Có	Có	Không	Có	Có	Có	Có
Australia	Có	Có	Không	Có	Có	Có	Có	Có
Brazil	Có	Có	Không	Không	Có	Có	Có	Có
Canada	Có	Có	Không	Có	Có	Có	Có	Có
France	Có	Có	Có ^{1/}	Không	Có	Không	Không	Có
Germany _{2/}	Có	Có	Có ^{1/}	Không	Có ^{3/}	Không	Không	Có
Hong Kong	Có	Có	Có	Không	Có	Có	Có	Có
Ấn Độ	Có	Có	Có	Không	Có	Có	Không	Có
Indonesia	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
Italy	Có	Có	Có	Không	Có	Không	Không	Có
Nhật Bản	Có	Có	Không	Không	Có	Có	Có	Có
Hàn Quốc	Có	Có	Có	Không	Có	Không ^{4/}	Không ^{5/}	Có
Mexico	Có	Có	Có	Không	Có	Có	Không	Có
Hà Lan	Có	Có	Có	Không	Có	Không	Không	Có
Nga	Có	Có	Có	Không	Không	Không	Không	Có
Singapore	Có	Có	Không	Không	Có	Có	Có	Có
Tây Ban Nha	Có	Có	Có	Không	Có	Không	Không	Có
Thụy Sĩ	Có	Có	Có	Không	Có	Có	Có	Có
Thổ Nhĩ Kỳ	Có	Có	Có	Không	Không	Không	Không	Có

Quốc gia	Loại tiền gửi được bảo hiểm							
	Không kỳ hạn	Kỳ hạn cố định	Ngoại tệ	Liên ngân hàng	Công ty phi tài chính	Khu vực nhà nước	Công ty tài chính phi ngân hàng	Người không cư trú
Vương quốc Anh	Có	Có	Có	Không	Có ^{6/}	Không	Không	Có
Mỹ	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có

1/ Chỉ có tiền tệ của các nước trong Khu vực kinh tế Châu Âu đối với Pháp và trong liên minh Châu Âu đối với Đức (ngoài tiền gửi bằng Euro).

2/ Trả lời trong từng hạng mục tương ứng với chương trình bảo vệ pháp định. Vì các chương trình bảo vệ tổ chức bảo đảm sự tồn tại của các tổ chức thành viên, tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ.

3/ Chỉ các công ty phi tài chính nhỏ được bảo hiểm.

4/ KDIC không bảo hiểm cho tiền gửi bởi chính phủ, chính quyền địa phương, Ngân hàng TW Hàn Quốc, Cơ quan Giám sát tài chính và KDIC. Tuy nhiên, có bảo hiểm tiền gửi của các cơ quan nhà nước khác.

5/ KDIC không bảo hiểm cho tiền gửi bởi các tổ chức thành viên phi ngân hàng (vd công ty chứng khoán, bảo hiểm, ngân hàng bán buôn). Tuy nhiên, bảo hiểm cho tiền gửi của các tổ chức phi ngân hàng không phải là thành viên (vd liên hiệp tín dụng, Ngân hàng cộng đồng Saemaul v.v)

6/ FSCS không bảo hiểm cho tiền gửi của các công ty phi tài chính nếu là các công ty “lớn” (theo định nghĩa của FSA).

Bảng 7. Cơ cấu quỹ (đến hết 2010) ^{1/}

Nước	Loại hình cấp vốn	Quy mô quỹ		Quy mô mục tiêu ^{2/}
		Tính bằng triệu USD	% số tiền gửi trong hạn mức BHTG	
Argentina	Thu phí trước	950	4,4	0,5 tỷ US\$ hay 5% tổng số dư tiền gửi (tùy loại nào cao hơn)
Australia	Thu phí sau			
Brazil	Thu phí trước	12,675	6,2	2% số dư tiền gửi được bảo hiểm
Canada	Thu phí trước	2,100	0,32	40-50 điểm cơ bản của số dư tiền gửi được bảo hiểm
Pháp	Thu phí trước	2,519	0,21	Không có
Đức	Thu phí trước	Confidential	0,15 ^{3/}	Không có
Hong Kong	Thu phí trước	167	0,1	0,25% số dư tiền gửi được bảo hiểm

Nước	Loại hình cấp vốn	Quy mô quỹ		Quy mô mục tiêu ^{2/}
		Tính bằng triệu USD	% số tiền gửi trong hạn mức BHTG	
Ấn Độ	Thu phí trước	5,490	1.4	Không có
Indonesia	Thu phí trước	6700	1.2	2.5% tổng số dư tiền gửi bảo hiểm
Italy	Thu phí sau			
Nhật Bản	Thu phí trước	1.600	0,04	Không có
Hàn Quốc ^{4/}	Thu phí trước	4.141	1,61	0.825 – 1.1% số dư tiền được bảo hiểm
Mexico	Thu phí trước	551	0,5	Không có
Hà Lan	Thu phí sau ^{5/}			
Nga	Thu phí trước	4.000	1,8 ^{6/}	Không có
Singapore	Thu phí trước	61	0,13	0.3% số dư tiền gửi được bảo hiểm
Tây Ban Nha	Thu phí trước	4.010	0,37 ^{7/}	Không có
Thụy Sĩ	Thu phí sau			
Thổ Nhĩ Kỳ	Thu phí trước	5.300	5,41	Không có
Vương quốc Anh	Thu phí sau			
Mỹ	Thu phí trước	-\$7.350 ^{8/}	-0,12	1,35% số dư tiền gửi được bảo hiểm

1/ Ở những quốc gia có nhiều tổ chức BHTG, số liệu chỉ bao gồm quỹ của tổ chức BHTG pháp định chính trừ khi có chú thích khác.

2/ Quy mô mục tiêu của quỹ trả trước.

3/ Số liệu bao gồm cả DGS pháp định và Các chương trình bảo vệ tổ chức.

4/ Số liệu chỉ liên quan đến tài khoản ngân hàng của Quỹ BHTG. Tổng cộng, tài sản Quỹ là 5.9 tỉ US\$ với tỷ lệ bảo hiểm 1.04%. Quy mô mục tiêu khác biệt đối với các tài khoản khác nhau trong phạm vi giới hạn 0.660%-1.925% số tiền gửi được bảo hiểm.

5/Hà Lan sẽ áp dụng cơ chế cấp vốn trước bắt đầu từ tháng 7/2012.

6/ Con số là 4,7% nếu trừ đi tiền gửi ở Sberbank

7/Số liệu của Tây Ban Nha là số trung bình của các hệ thống BHTG riêng biệt trước đây cho ngân hàng, ngân hàng tiết kiệm và ngân hàng hợp tác, và bao gồm cả tiền gửi được bảo hiểm và chứng khoán ở mẫu số (hệ thống BHTG cũng còn là một chương trình đền bù cho nhà đầu tư những người mà chứng khoán của họ được các tổ chức tín dụng nắm giữ).

8/ Sau khi dự phòng cho những tổn thất có thể có do những vụ đổ vỡ ngân hàng được dự báo, vào 31/12/2010, FDIC nắm giữ vốn lưu động (tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt) là 27,1 tỉ USD và 12,4 tỉ USD nữa dưới dạng chứng khoán Bộ tài chính sẵn sàng để giải quyết các vụ đổ vỡ ngân hàng.

Bảng 8. Các nguồn quỹ

Nước	Phí	Cơ sở tính phí	Cơ chế cấp vốn dự phòng
------	-----	----------------	-------------------------

	Trên cơ sở rủi ro	Mức phí		
Argentina	Có	0,015-0,3% ^{1/}	Tiền gửi thuộc phạm vi BHTG	Vay trên thị trường và yêu cầu nộp trước phí bảo hiểm
Australia	N/A	N/A	N/A	FCS là 1 chương trình lập quỹ sau không yêu cầu thu phí trước. Chấp thuận ngân sách của Nghị viện lên tới 20.1 tỷ A\$ mỗi trường hợp đổ vỡ (20 tỷ A\$ để đáp ứng chi phí chi trả và 100 triệu A\$ phí quản trị), hỗ trợ bằng thẩm quyền vay vốn.
Brazil	Không	0,0125% số dư trung bình hàng tháng	Tiền gửi trong hạn mức BHTG	Phí đặc biệt. các khoản trả trước, vay tư nhân
Canada	Có	2,8, 5,6, 11,1, và 22,2 điểm cơ bản	Tiền gửi trong hạn mức BHTG	Có thể vay 17 tỷ CAD từ chính phủ hoặc thị trường (giới hạn tăng hàng năm phù hợp với tỷ lệ tăng trưởng tiền gửi được bảo hiểm). Vay bổ sung đòi hỏi đạo luật đặc biệt.
Pháp	Có		Tiền gửi trong phạm vi BHTG	Vay thị trường và phí bổ sung
Đức	Có	0,016%	Tài sản nợ của người gửi tiền được bảo hiểm	Đóng góp bất thường từ các tổ chức, vay thị trường
Hong Kong	Có	0,0175-0,049%	Tiền gửi trong hạn mức BHTG	tín dụng dự phòng 120 tỷ HKD (15.4 tỷ US\$) từ Quỹ Ngoại hối.
Ấn Độ	Không	0,1%	Tiền gửi trong phạm vi BHTG	Vốn bổ sung từ ngân hàng TW Ấn độ 50 triệu INR
Indonesia	Không	0,2%	Số dư tiền gửi bình quân hàng tháng	Chính phủ cho vay và tái cấp vốn
Italy	N/A ^{2/}		N/A	
Nhật Bản	Không		Tiền gửi trong phạm vi BHTG	Vay ngân hàng TW, thị trường hoặc phát hành trái phiếu
Hàn Quốc	Không		Tiền gửi trong phạm vi BHTG	Vay thị trường, phát hành trái phiếu, chính phủ hoặc ngân hàng TW
Mexico	Không	0,4%	Đại diện cho tổng tài sản nợ của ngân hàng	Khả năng áp dụng thu phí bất thường lên tới 0.3% tổng tài sản nợ ngân hàng, tổng phí bất thường và phí thông thường không vượt

Nước	Phí		Cơ sở tính phí	Cơ chế cấp vốn dự phòng
	Trên cơ sở rủi ro	Mức phí		
				quá 0.8% tài sản nợ ngân hàng. Vay lên tới 6% tổng số nợ ngân hàng 3 năm một lần
Hà Lan	N/A	N/A	N/A	Ngân hàng TW phân chia chi phí trả sau cho các ngân hàng
Nga	Không	0,1% số dư trung bình hàng quý (~0,4% hàng năm)	Tiền gửi trong phạm vi BHTG	Phát hành trái phiếu, quyền tăng tạm thời phí là 0.3% (hàng quý), hỗ trợ từ ngân sách liên bang không giới hạn
Singapore	Có	0,02-0,07%	Tiền gửi được bảo hiểm	Nguồn tư nhân hoặc ngân hàng TW
Tây Ban Nha	Có	0,002 điểm cơ bản	Tiền gửi đủ điều kiện	Ngân hàng TW có thể cấp quỹ nhưng đòi hỏi thông qua luật
Thụy Sĩ	Không			Nguồn từ khu vực ngân hàng; tất cả các ngân hàng đều là thành viên. Các ngân hàng phải nắm giữ 50% nợ tiềm tàng ở dạng tài sản thanh khoản. DIA có thể vay thị trường.
Thổ Nhĩ Kỳ	Có	11, 13, 15, hoặc 19 điểm cơ bản; 1-2 điểm bổ sung có thể được áp dụng tùy theo quy mô tổ chức	Tiền gửi trong hạn mức BHTG	các khoản trả trước từ ngân hàng, vay Bộ Tài chính, Ngân hàng TW
Vương quốc Anh	N/A	N/A	N/A	Nguồn gây quỹ chính ban đầu là thu phí từ tổ chức nhận tiền gửi. FSCS có thể vay thị trường hoặc yêu cầu Quỹ Cho vay quốc gia hỗ trợ
Mỹ	Có	2,5-45 điểm cơ	Tổng tài sản hợp nhất trung bình trừ	Hạn mức tín dụng 100 tỷ USD từ Bộ Tài chính. Có quyền vay Ngân

Nước	Phí		Cơ sở tính phí	Cơ chế cấp vốn dự phòng
	Trên cơ sở rủi ro	Mức phí		
		bản	đi tài sản hữu hình trung bình	hàng cấp vốn liên bang, Ngân hàng cho vay nhà Liên bang và các tổ chức nhận tiền gửi được bảo hiểm

N/A: Không có dữ liệu

1/ Đóng góp tiêu chuẩn, áp dụng cho tất cả các ngân hàng, có thể dao động trong khoảng 0.015% (mức hiện nay) đến 0.06%. Thêm vào đó, có tỷ lệ trên cơ sở rủi ro cộng thêm áp dụng cho một số ngân hàng, kết quả là tổng phí có thể gấp đôi phí tiêu chuẩn.

2/ Các ngân hàng Italy phải dự trữ vốn để tiến tới thành lập cơ chế BHTG và dự kiến khi có BHTG, họ sẽ áp dụng phương pháp thu phí trên cơ sở rủi ro.

Bảng 9. Kích hoạt chi trả của BHTG và các hoạt động xử lý khác trong vòng 10 năm trở lại đây

Nước	Mức độ thường xuyên sử dụng	Số lần chi trả	Số lần tái cơ cấu
Argentina	16	0	16
Australia	Không	N/A	N/A
Brazil	15	8	7
Canada	Không	N/A	N/A
Pháp	Không	N/A	N/A
Đức	133 ^{1/}	9	124
Hong Kong	Không	N/A	N/A
Ấn Độ	238	238 ^{2/}	0
Indonesia	44	43	1
Italy	43	0	43
Nhật Bản	84	0	84
Hàn Quốc	39	11	28
Mexico	1	1	0
Hà Lan	4	4	0
Nga	117	99	18
Singapore	Không	N/A	N/A
Tây Ban Nha	2	0	2
Thụy Sĩ	6	5	1
Thổ Nhĩ Kỳ	10	1	9
Vương quốc Anh	65 ^{3/}	65	0
Mỹ	347	21	326

N/A: Không áp dụng

1/ 9 lần chi trả do Chương trình Đền bù pháp định của các ngân hàng tư nhân tiến hành, 124 biện pháp hỗ trợ của các chương trình bảo vệ tổ chức.

2/ 237 lần chi trả liên quan đến các ngân hàng hợp tác đô thị mà chiếm một phần nhỏ trong hệ

thống tài chính.

3/ 7 ngân hàng đổ vỡ liên quan đến chi trả đền bù hoặc chuyển giao tài khoản cho ngân hàng khác. Tiến hành chi trả cho trường hợp của 58 liên hiệp tín dụng.

Bảng 10. Chi trả

Nước	Cơ quan kích hoạt chi trả ^{1/}	Tiến trình chi trả		Khi nào tổ chức BHTG nhận được dữ liệu về tiền gửi
		Thời hạn chi trả theo qui định pháp lý	Thời hạn chi trả trung bình	
Argentina	Cơ quan giám sát	30 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi giấy phép hoạt động	N/A	Khi có quyết định can thiệp
Australia	Cơ quan giám sát, Tòa án	Không ^{2/}	N/A	Các tổ chức được phép nhận tiền gửi sẽ phải đưa ra thông tin thống nhất về khách hàng trong vòng 48 tiếng khi được yêu cầu. Dữ liệu sẽ không phải cung cấp cho APRA
Brazil	Cơ quan giám sát	Không	50 ngày	Sau khi tổ chức can thiệp/thanh lý tiến hành can thiệp hoặc thanh lý
Canada	Cơ quan giám sát/ tổ chức BHTG	Sớm nhất có thể	Trong quá khứ đã diễn ra trong 1-8 tuần cho việc chi trả đầy đủ (trường hợp chi trả khẩn cấp tạm thời có thể tiến hành trong vòng 24-48 tiếng)	Có thể thực hiện kiểm tra chuẩn bị đặc biệt. Một hệ thống tương đương với “thông tin thống nhất về khách hàng” được thực hiện nhằm giảm thời gian chi trả xuống còn vài ngày.
Pháp	Cơ quan giám sát	20-30 ngày		Khi có quyết định can thiệp
Đức	Cơ quan giám sát	20-30 ngày	Từng diễn ra trong 41-437 ngày làm việc	Dữ liệu cung cấp khi có đổ vỡ
Hong Kong	Cơ quan giám sát hoặc Tòa án	Không	14 ngày cho tiến hành tạm thời chi trả	tiếp cận thông tin khi đổ vỡ sắp xảy ra để chuẩn bị chi trả
Ấn Độ	Ngân hàng TW	3 tháng để thu thập dữ liệu. 2 tháng để chi trả	361 ngày từ khi hủy bỏ đăng ký một ngân hàng và giải quyết yêu cầu thanh	Danh sách bồi thường được chuẩn bị bởi cơ quan thanh lý và nộp cho BHTG

Nước	Cơ quan kích hoạt chi trả ^{1/}	Tiến trình chi trả		Khi nào tổ chức BHTG nhận được dữ liệu về tiền gửi
		Thời hạn chi trả theo qui định pháp lý	Thời hạn chi trả trung bình	
			toán (giai đoạn 2009-2010)	
Indonesia	Cơ quan giám sát	Bắt đầu 5 ngày sau khi kiểm tra/tính gộp, tối đa 5 năm	5 ngày-5 năm (trung bình 90 ngày)	Khi ngân hàng được phân loại là ngân hàng gặp khó khăn
Italy	Cơ quan giám sát	20-30 ngày	N/A	Các ngân hàng nộp dữ liệu thường xuyên về tiền gửi thuộc phạm vi BHTG và trong hạn mức BHTG và cung cấp dữ liệu khi có quyết định can thiệp
Nhật Bản	Cơ quan giám sát, Tòa án	Không	N/A	Qua kiểm tra tại chỗ, DICJ yêu cầu mỗi tổ chức tài chính chuẩn bị dữ liệu về người gửi tiền mọi lúc. Khi có trường hợp phải bảo hiểm, dữ liệu về người gửi tiền được cung cấp cho DICJ không chậm trễ
Hàn Quốc	BHTG	Không	N/A	Kiểm tra đặc biệt khi ngân hàng gặp khó khăn
Mexico	Cơ quan giám sát/ BHTG	90 ngày	trước đây là 7 ngày làm việc	Thường xuyên qua các cuộc kiểm tra của cơ quan giám sát
Hà Lan	Tòa án	20-30 ngày	N/A	Ngân hàng cung cấp dữ liệu cho ngân hàng TW/ cơ quan giám sát
Nga	Ngân hàng TW khi rút giấy phép	Bắt đầu trong 14 ngày từ khi xảy ra sự kiện	13 ngày	Bộ phận Quản trị dự phòng của ngân hàng cung cấp thông tin trong vòng 7 ngày từ khi ngân hàng đóng cửa
Singapore	Cơ quan giám sát hoặc tòa án	Không	N/A	Các thành viên của chương trình thường xuyên duy trì dữ liệu đặc thù theo mẫu qui định, nộp dữ liệu cho BHTG khi có sự kiện kích hoạt chi trả
Tây Ban Nha	Tòa án và cơ quan giám sát	20-30 ngày	3 tháng	Thu thập hàng năm, hàng quý về tiền gửi lãi suất cao
Thụy Sĩ	Cơ quan	20 ngày ^{3/}	đến 3 tháng	Khi cơ quan giám sát quyết

Nước	Cơ quan kích hoạt chi trả ^{1/}	Tiến trình chi trả		Khi nào tổ chức BHTG nhận được dữ liệu về tiền gửi
		Thời hạn chi trả theo qui định pháp lý	Thời hạn chi trả trung bình	
	giám sát			định đóng cửa ngân hàng
Thổ Nhĩ Kỳ	Cơ quan giám sát	3 tháng, mở rộng lên tới 1 năm trong những trường hợp bất thường	25 ngày ^{4/}	Nhận dữ liệu (không cụ thể về khách hàng) thường xuyên từ cơ quan giám sát; ngân hàng nộp dữ liệu cụ thể về khách hàng khi có quyết định can thiệp
Vương quốc Anh	Cơ quan giám sát hoặc tòa án	20 ngày làm việc	7 ngày làm việc	Trong vòng 72 giờ từ khi có yêu cầu của FSCS vào bất kỳ thời điểm nào, bao gồm cả khi ngân hàng trong tình trạng vỡ nợ
Mỹ	Cơ quan cấp phép và BHTG	Sớm nhất có thể	Trong cuối tuần (ngày làm việc tiếp theo)	FDIC nhận thông tin từ tất cả các ngân hàng

1/ Tổ chức nào khởi động quá trình chi trả?

2/ Ý định của APRA là để các loại tài khoản cơ bản, không phức tạp về bản chất được chi trả trong vòng 7 ngày. Các loại tài khoản khác mất thời gian chi trả lâu hơn.

3/ Thời hạn chi trả theo yêu cầu pháp lý chỉ liên quan đến khoản chi trả từ phía DIS đến cơ quan thanh lý ngân hàng đổ vỡ (hoặc cơ quan có thẩm quyền về khôi phục ngân hàng).

4/ Imarbank (trường hợp đặc biệt) loại trừ khỏi tính toán này.

Bảng 11. Quan hệ với các thành viên khác trong Mạng an toàn

Nước	Thỏa thuận hợp tác	
	Với Ngân hàng TW và Cơ quan giám sát	Với các tổ chức BHTG nước ngoài
Argentina	Không chính thức	Không
Australia	Là một phần của Cơ quan giám sát; Biên bản ghi nhớ với ngân hàng TW ^{2/}	Không
Brazil	Không chính thức	Không
Canada	Luật, các Biên bản ghi nhớ và các cuộc họp	Không
Pháp	Không chính thức	Biên bản ghi nhớ ^{1/}
Đức	Luật	Biên bản ghi nhớ ^{1/}
Hong Kong	Biên bản ghi nhớ	Không ^{3/}
Ấn Độ	Hợp hàng quý với cơ quan giám sát	Không
Indonesia	Biên bản ghi nhớ và các cuộc họp	Không
Italy	Luật và không chính thức	Biên bản ghi nhớ ^{1/}
Nhật Bản	Luật	Không
Hàn Quốc	Các biên bản ghi nhớ	Không
Mexico	Biên bản ghi nhớ	Biên bản ghi nhớ
Hà Lan	Là một phần của ngân hàng TW/Cơ quan giám sát	Biên bản ghi nhớ ^{1/}
Nga	Biên bản ghi nhớ	Không
Singapore	Không chính thức (đang được chính thức hóa)	Không
Tây Ban Nha	Luật	Biên bản ghi nhớ ^{1/}
Thụy Sĩ	Không chính thức	Không
Thổ Nhĩ Kỳ	Luật và Nghị định thư	Biên bản ghi nhớ
Vương quốc Anh	Luật và các biên bản ghi nhớ	Biên bản ghi nhớ
Mỹ	Luật	Biên bản ghi nhớ

1/ BHTG bảo hiểm cho tất cả các tổ chức tín dụng thành lập trong nước và các chi nhánh tại khu vực Kinh tế Châu Âu (EEA). Các Biên bản ghi nhớ xuyên biên giới đôi khi thực hiện cùng với các nước không ở khu vực EEA.

2/ Dù có các Biên bản ghi nhớ, các biên bản này có trước khi thành lập FCS và về việc hợp tác giữa APRA với tư cách cơ quan quản lý an toàn và các cơ quan khác nhằm các mục đích khác nhau.

Bảng 12. Nhận thức công chúng

Quốc gia	Loại chương trình truyền thông	Đánh giá hiệu quả truyền thông
Argentina	Websites, tài liệu ngân hàng, quảng cáo của ngân hàng	Không
Australia	APRA website; ASIC website (Moneymatters)	Không

Quốc gia	Loại chương trình truyền thông	Đánh giá hiệu quả truyền thông
Brazil	Website, báo cáo qua phương tiện thông tin đại chúng	Không
Canada	Website, TV và ấn phẩm quảng cáo, liên hệ, trung tâm trả lời điện thoại, quyền giới thiệu, nhân thành viên đặt tại các ngân hàng	Điều tra hàng quý
Pháp	website FGD, ngân hàng cung cấp thông tin, FGD cung cấp thông tin phát thanh và văn bản	Không
Đức	Thông qua các tổ chức tín dụng (nghĩa vụ pháp lý), website DGS, website của cơ quan giám sát	Cơ quan Giám sát tài chính Liên bang kiểm soát việc các tổ chức tài chính cung cấp thông tin và phân tích khiếu nại của người gửi tiền
Hong Kong	Chương trình nhận thức công chúng tích hợp qua các chiến dịch tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng qui mô lớn và giáo dục công cộng	Điều tra ý kiến 2 lần/năm
Ấn Độ	Báo cáo thường niên, tờ rơi, thông tin website	Không
Indonesia	Chính sách truyền thông, thông tin website, quảng cáo, quyền giới thiệu và tờ dán quảng	Điều tra hàng năm
Italy	Ngân hàng thành viên, sách quảng cáo	Không
Nhật Bản	Sách quảng cáo, Poster tại ngân hàng, website, thông báo rộng khắp qua phương tiện truyền thông, phát biểu chính thức, bài giảng tại đại học	Điều tra hàng năm
Hàn Quốc	Quảng cáo qua phương tiện truyền thông, nơi công cộng, giao thông công cộng, website, các tài liệu quan hệ công chúng khác	Điều tra hàng năm qua điện thoại
Mexico	Website, chiến dịch nhận thức công chúng, tờ rơi, quảng cáo, trung tâm trả lời điện thoại	Điều tra vào tháng 6 và tháng 11/2011
Hà Lan	website, ấn bản từ các tổ chức người tiêu dùng	Nghiên cứu đột xuất
Nga	Tăng cường nhận thức công chúng, website, phương tiện truyền thông, văn bản, báo chí, điện thoại miễn phí, thư gửi người gửi tiền	Điều tra công chúng thường xuyên (hàng năm), theo dõi truyền thông để đánh giá các phản hồi tích cực và tiêu cực
Singapore	Thông báo qua phương tiện truyền thông và hội nghị, quảng cáo, diễn đàn của các tổ chức thành viên, hướng dẫn người	Điều tra công chúng 2 năm 1 lần

Quốc gia	Loại chương trình truyền thông	Đánh giá hiệu quả truyền thông
	tiêu dùng, website BHTG, trung tâm trả lời điện thoại, diễn đàn cho cộng đồng	
Tây Ban Nha	Website ngân hàng TW	Không
Thụy Sĩ	Website chính thức và thông tin cung cấp từ các ngân hàng	Điều tra đột xuất
Thổ Nhĩ Kỳ	Thông báo tại ngân hàng, website, báo cáo hàng quý	Không
Vương quốc Anh	Ban tư vấn cho ngân hàng, quảng cáo, tờ rơi, báo cáo thường niên, website, thông tin tại ngân hàng	Điều tra thường xuyên và đánh giá phản ứng thị trường
Mỹ	Thông tin tại ngân hàng, website FDIC, trung tâm trả lời điện thoại, chiến dịch tăng cường nhận thức công chúng, trợ giúp người tiêu dùng trực tuyến, tin tức người tiêu dùng FDIC, tham gia hội thảo và video	FDIC theo dõi hiệu quả của các chiến dịch 1 cách thường xuyên

Phụ lục D.

Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả

Đặt mục tiêu

Nguyên tắc 1 – Mục tiêu chính sách công

Bước đầu tiên trong việc áp dụng một hệ thống BHTG hoặc cải cách hệ thống hiện tại là xác định rõ mục tiêu chính sách công phù hợp cần đạt được. Những mục tiêu này phải được chính thức cụ thể hóa và được đưa vào thiết kế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Các mục tiêu chính của hệ thống bảo hiểm tiền gửi là góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính và bảo vệ người gửi tiền.

Nguyên tắc 2 – Giảm thiểu rủi ro đạo đức

Rủi ro đạo đức sẽ được giảm thiểu bằng cách đảm bảo rằng hệ thống BHTG có các đặc điểm thiết kế phù hợp và thông qua các thành tố khác của mạng an toàn tài chính.

Nhiệm vụ và quyền hạn

Nguyên tắc 3 – Nhiệm vụ

Điều quan trọng là nhiệm vụ của một hệ thống BHTG cần phải được quy định rõ ràng và chính thức; cần phải có sự nhất quán giữa mục tiêu chính sách công với quyền hạn, trách nhiệm được trao cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Nguyên tắc 4 – Quyền hạn

Một tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần phải có tất cả các quyền hạn cần thiết để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các quyền hạn này cần phải được quy định chính thức. Tất cả các tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần phải có quyền lập quỹ phục vụ công tác chi trả, tham gia ký kết hợp đồng, đặt ra các quy trình thủ tục và ngân sách hoạt động nội bộ, và có thể tiếp cận các thông tin kịp thời và chính xác để đảm bảo rằng tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể thực hiện nghĩa vụ của mình đối với người gửi tiền một cách kịp thời.

Quản trị

Nguyên tắc 5 – Quản trị

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần hoạt động một cách độc lập, minh bạch, có uy tín và không bị tác động quá mức bởi hệ thống chính trị và khu vực tài chính ngân hàng.

Mối quan hệ với các thành viên mạng an toàn tài chính và các vấn đề xuyên biên giới

Nguyên tắc 6 – Mối quan hệ với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính

Cần phải xây dựng một khung phối hợp chặt chẽ và chia sẻ thông tin định kỳ hoặc thông tin liên quan đến các ngân hàng cụ thể giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên khác của mạng an toàn tài chính. Các thông tin này phải chính xác và kịp thời (đáp ứng yêu cầu bảo mật khi cần thiết). Cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin phải được chính thức hóa.

Nguyên tắc 7 – Các vấn đề xuyên quốc gia

Tất cả các thông tin liên quan phải được trao đổi giữa các tổ chức bảo hiểm tiền gửi tại các quốc gia khác nhau, và có thể được trao đổi giữa tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các thành viên mạng an toàn tài chính của nước khác khi thích hợp với điều kiện phải đảm bảo tính bảo mật.

Trong trường hợp có nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi khác nhau cùng hoạt động, điều quan trọng là phải xác định tổ chức bảo hiểm tiền gửi nào sẽ có trách nhiệm đối với việc chi trả. Khi xác định số tiền thu phí bảo hiểm, cần phải tính tới việc các tổ chức đã được bảo hiểm tiền gửi tại quốc gia gốc.

Quy chế thành viên và phạm vi bảo hiểm

Nguyên tắc 8 – Thành viên bắt buộc

Cần áp dụng cơ chế bảo hiểm tiền gửi bắt buộc đối với tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi từ những đối tượng khách hàng có nhu cầu cần được bảo vệ nhiều nhất (ví dụ khách hàng gửi tiền cá nhân hoặc các doanh nghiệp nhỏ) để tránh vấn đề lựa chọn đối nghịch.

Nguyên tắc 9 – Phạm vi bảo hiểm

Các nhà hoạch định chính sách phải quy định rõ ràng bằng luật, các quy định an toàn hoặc các văn bản dưới luật định về loại tiền gửi có thể được bảo hiểm. Mức bảo hiểm nên có giới hạn nhưng phải đủ lớn và có thể nhanh chóng xác định được. Mức bảo hiểm này cần phải bảo hiểm đầy đủ cho phần lớn người gửi tiền nhằm đáp ứng các mục tiêu chính sách công của hệ thống và phải nhất quán với đặc điểm thiết kế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi khác trong nước.

Nguyên tắc 10 – Chuyển từ hệ thống đảm bảo toàn phần sang áp dụng hệ thống bảo hiểm tiền gửi có hạn mức.

Khi một quốc gia quyết định chuyển từ hệ thống đảm bảo toàn phần sang áp dụng hệ thống bảo hiểm tiền gửi có hạn mức, hoặc thay đổi cơ chế đảm bảo toàn phần, việc chuyển đổi cần phải thực hiện nhanh chóng phù hợp với hoàn cảnh cho phép của từng nước. Cơ chế đảm bảo toàn phần có thể có một số tác động đối nghịch nếu duy trì quá lâu, đặc biệt là vấn đề rủi ro đạo đức. Các nhà hoạch định chính sách cần quan tâm đến thái độ của công chúng và kỳ vọng của họ trong suốt giai đoạn chuyển đổi.

Cấp vốn

Nguyên tắc 11 – Cấp vốn

Một hệ thống bảo hiểm tiền gửi phải có sẵn các cơ chế cấp vốn nhằm mục đích đảm bảo cho hoạt động chi trả cho người gửi tiền được nhanh chóng, bao gồm cả cách thức huy động nguồn tài chính dự phòng bổ sung cho mục đích thanh khoản khi cần. Các ngân hàng chịu trách nhiệm chính trong việc nộp phí bảo hiểm tiền gửi bởi chính ngân hàng và khách hàng của ngân hàng sẽ trực tiếp được hưởng lợi từ hệ thống bảo hiểm tiền gửi hoạt động hiệu quả.

Đối với bất kỳ hệ thống bảo hiểm tiền gửi nào (dù áp dụng hình thức thu phí trước, thu phí sau hay kết hợp giữa hai hình thức), khi áp dụng cách thức thu phí theo mức độ rủi ro, các tiêu chí được sử dụng trong hệ thống thu phí này cần phải minh bạch đối với tất cả các thành viên tham gia. Ngoài ra, cần phải có sẵn mọi nguồn lực cần thiết để hỗ trợ công tác quản trị hệ thống thu phí khác biệt theo mức độ rủi ro theo cách phù hợp nhất.

Nhận thức công chúng

Nguyên tắc 12 – Nhận thức công chúng

Để một hệ thống bảo hiểm tiền gửi hoạt động hiệu quả, công chúng nhất thiết phải được biết đến lợi ích cũng như hạn chế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi một cách thường xuyên liên tục.

Một số vấn đề về cơ sở pháp lý

Nguyên tắc 13 – Bảo vệ pháp lý

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi và nhân viên làm việc cho cơ quan này phải được bảo vệ trước các vụ kiện liên đới tới quyết định và hành động của họ “với thiện ý” trong khi thực hiện sứ mệnh. Tuy nhiên, họ có trách nhiệm phải tuân thủ đúng các quy định liên quan đến xung đột lợi ích và hành vi ứng xử nhằm đảm bảo họ luôn có trách nhiệm. Việc bảo vệ pháp luật phải được xác định rõ trong các quy trình lập pháp và hành pháp, và trong những trường hợp nhất định, phải bao gồm cả việc trang trải chi phí pháp lý đối với những người được bồi thường theo luật định.

Nguyên tắc 14 – Xử lý các bên gây ra đổ vỡ ngân hàng

Một tổ chức bảo hiểm tiền gửi, hoặc một cơ quan chức năng, phải được trao quyền yêu cầu các bên gây ra đổ vỡ ngân hàng bồi thường theo luật định.

Xử lý đổ vỡ

Nguyên tắc 15 – Phát hiện sớm, can thiệp và xử lý kịp thời

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần phải là một bộ phận của mạng an toàn tài chính để phát hiện sớm và can thiệp, xử lý kịp thời các ngân hàng đổ vỡ. Việc xác định sớm thời điểm một ngân hàng đã, hay có nguy cơ gặp khó khăn nghiêm trọng về tài chính cần phải được tiến hành sớm trên cơ sở các tiêu chí được xác định cụ thể bởi các thành viên của mạng an toàn hoạt động độc lập và có thẩm quyền.

Nguyên tắc 16 – Quy trình xử lý đổ vỡ hiệu quả

Quy trình xử lý đổ vỡ hiệu quả cần: hỗ trợ khả năng thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, bao gồm chi trả cho người gửi tiền nhanh chóng và chính xác trên cơ sở công bằng; giảm thiểu chi phí và xáo trộn thị trường; tối đa hóa việc thu hồi tài sản; và, tăng cường kỷ luật thông qua các hành động pháp lý trong những trường hợp có sai phạm. Bên cạnh đó, tổ chức bảo hiểm tiền gửi hay các thành viên mạng an toàn tài chính cần có quyền thiết lập một cơ chế linh hoạt để duy trì các nghiệp vụ ngân hàng thiết yếu, đó là việc sắp xếp một tổ chức thích hợp có khả năng mua lại tài sản và tiếp nhận các khoản nợ của ngân hàng đổ vỡ (ví dụ cho phép người gửi tiền tiếp cận liên tục với tài khoản của họ, và duy trì các hoạt động thanh toán của họ).

Chi trả cho người gửi tiền và thu hồi tài sản

Nguyên tắc 17 – Chi trả cho người gửi tiền

Hệ thống bảo hiểm tiền gửi cần giúp người gửi tiền tiếp cận nhanh chóng với các khoản tiền gửi được bảo hiểm. Do đó, tổ chức BHTG cần được báo trước một cách đầy đủ về các điều kiện chi trả và được tạo điều kiện tiếp cận trước thông tin về người gửi tiền. Người gửi tiền cần có quyền lợi hợp pháp để được chi trả trong hạn mức và cần biết khi nào và với điều kiện nào tổ chức BHTG sẽ bắt đầu quy trình chi trả, khung thời gian cho quá trình này, khả năng ứng trước hoặc thanh toán tạm thời cũng như khả năng áp dụng các hạn mức chi trả.

Nguyên tắc 18 – Thu hồi tài sản

Tổ chức BHTG cần có quyền được tham gia thu hồi tài sản của ngân hàng đổ vỡ. Việc quản lý tài sản của ngân hàng đổ vỡ và quá trình thu hồi (do tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc một tổ chức khác thực hiện) sẽ dựa trên cân nhắc về các giá trị thương mại và lợi ích kinh tế.

Phụ lục E.

Bảng hỏi – Xem xét chuyên đề về các hệ thống BHTG

1. Các đặc điểm chủ đạo của hệ thống BHTG

1.1. Có tồn tại hệ thống BHTG công khai ở quốc gia của bạn hay không? Hãy miêu tả vắn tắt cấu trúc (trách nhiệm tiến hành chức năng BHTG, sự tồn tại đa hệ thống BHTG bảo hiểm cho những tổ chức khác nhau, các chương trình bắt buộc hoặc tự nguyện sở hữu tư nhân hay nhà nước v.v). Nếu không có hệ thống BHTG công khai cho ngân hàng ở quốc gia của bạn, hãy giải thích cơ sở của những cơ chế hiện tại cũng như kế hoạch tương lai nếu có trong lĩnh vực này.

1.2. Ngoài BHTG, hãy miêu tả các cơ chế hiện tại và kế hoạch tương lai nhằm bảo vệ người gửi tiền tại ngân hàng (ví dụ ưu tiên pháp định trong việc thanh lý ngân hàng, hạn chế đối với phát hành trái phiếu được bảo hiểm v.v.)?

Hãy sử dụng các định nghĩa sau cho các thông tin yêu cầu của câu hỏi 1.3 đến 1.6:

- *Tổng tiền gửi trong khu vực ngân hàng trong nước bao gồm tiền gửi do các tổ chức phù hợp (sở hữu trong nước hoặc nước ngoài) nắm giữ trong một quốc gia;*
- *Tiền gửi thuộc phạm vi BHTG là tiền gửi nằm trong phạm vi của cơ chế bảo hiểm tiền gửi (tức là đáp ứng các yêu cầu về bảo hiểm tiền gửi, dựa trên loại hình người gửi tiền hay loại tiền gửi); và*
- *Tiền gửi trong hạn mức bảo hiểm là tiền gửi thuộc phạm vi BHTG, đã được bảo hiểm trên thực tế hoặc được đảm bảo bởi một chương trình BHTG (tức là tuân thủ các điều kiện để được bảo hiểm và giá trị tiền gửi nằm trong hạn mức bảo hiểm tối đa).*

1.3. Hãy cung cấp các thông tin sau (hoặc ước tính nếu không có số liệu cụ thể) về hạn mức bảo hiểm của mỗi chương trình BHTG trong nước tính đến cuối 2010. Nếu có nhiều chương trình BHTG tại nước bạn, hãy cung cấp thông tin về từng chương trình:

	Tính bằng Nội tệ (Đến hàng '000)	Tính bằng USD tương đương (Đến hàng '000)
(A) Tổng tiền gửi khu vực ngân hàng trong nước		
Trong đó: (B) Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng quốc nội thuộc phạm vi BHTG/tổng tiền gửi ngân hàng quốc nội		%
(C) Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng quốc nội nằm trong hạn mức BHTG/tổng tiền gửi ngân hàng quốc nội		%

1.4. Hãy cung cấp thông tin sau đây (hoặc ước tính nếu không có số liệu cụ thể) về mức bảo hiểm của từng cơ chế BHTG trong nước trên cơ sở số lượng người gửi tiền hoặc số lượng tài khoản tiền gửi tính đến hết 2010. Nếu có nhiều hệ thống BHTG trong cùng 1 khu vực quyền hạn pháp lý của quốc gia, hãy cung cấp thông tin về từng kế hoạch:

1.5. Nếu tiền gửi của các ngân hàng quốc nội được nắm giữ tại các chi nhánh/công ty con

(A) Tỷ lệ người gửi tiền ngân hàng quốc nội có tiền gửi thuộc phạm vi BHTG đã được bảo hiểm toàn phần bởi 1 cơ chế BHTG trong nước ⁷⁰	%
(B) Nếu không có thông tin yêu cầu trong câu hỏi trên, hãy cung cấp tỷ lệ số tài khoản tiền gửi ngân hàng quốc nội thuộc phạm vi BHTG đã được bảo hiểm toàn phần bởi 1 cơ chế BHTG trong nước	%

nước ngoài nằm trong phạm vi chương trình BHTG, hãy cung cấp thông tin sau (hoặc ước tính nếu không có số liệu cụ thể) tính đến cuối 2010:

	Năm giữ tại	
	Chi nhánh ở nước ngoài	Công ty con ở nước ngoài
(A) Tỷ lệ tổng tiền gửi thuộc phạm vi BHTG của chương trình BHTG trong nước nắm giữ bởi các chi nhánh và công ty con tại nước ngoài của ngân hàng trong nước. Nếu có, hãy cung cấp thông tin về tỷ lệ tổng số tiền gửi trong hạn mức tại các chi nhánh và công ty con tại nước ngoài của ngân hàng hợp tác trong nước	%	%

Ngược lại, nếu tiền gửi khu vực ngân hàng trong nước nắm giữ bởi chi nhánh/công ty con của ngân hàng nước ngoài nằm trong phạm vi chương trình BHTG nước ngoài (nước chủ nhà), hãy cung cấp thông tin sau tính đến hết 2010:

(B) Tỷ lệ tổng số tiền gửi tại ngân hàng trong nước thuộc phạm vi được bảo hiểm bởi 1 tổ chức BHTG nước ngoài. Nếu có, hãy cung cấp thông tin về tỷ lệ tổng tiền gửi khu vực ngân hàng trong nước trong hạn mức bảo hiểm trên thực tế bởi 1 tổ chức BHTG nước ngoài	%
---	---

1.6 Tỷ lệ bảo hiểm theo cơ chế thu phí trước thực tế là bao nhiêu, tức là quy mô quỹ BHTG cộng dồn tính theo tỷ lệ trên tổng số tiền gửi trong hạn mức bảo hiểm, tính đến hết 2010? Tổng số nguồn vốn có sẵn cho BHTG (quỹ thu phí trả trước hoặc trả sau, ở dạng đóng góp thường xuyên hay bất thường hoặc cơ chế gây quỹ khác) tính theo tỷ lệ trên tổng số tiền gửi trong hạn mức bảo hiểm tính đến hết 2010?

1.7. Mức độ thường xuyên khởi động hệ thống BHTG nhằm bảo vệ người gửi tiền (vd như bằng cách chi trả, xử lý v.v.) trong vòng 10 năm trở lại đây, gồm cả các khủng hoảng tài chính gần đây? Những đặc điểm chính của những lần can thiệp đó là gì (vd các sự kiện kích hoạt, khối lượng, số lượng tài khoản/người gửi tiền, thời gian của quá trình xử lý v.v.)?

⁷⁰ Một người gửi tiền có thể không được bảo hiểm toàn bộ số tiền gửi nếu vượt quá hạn mức bảo hiểm tối đa. Một người gửi tiền được coi như được bảo hiểm toàn bộ nếu tổng số tiền gửi thuộc phạm vi BHTG của người đó tại tất cả các tài khoản tiền gửi ở mỗi tổ chức nằm trong hạn mức bảo hiểm của chương trình BHTG trong nước

2. Tiến hành cải cách nhằm ứng phó với khủng hoảng tài chính⁷¹

Xem cả phần câu hỏi 1.7 ở trên.

2.1. Những giải pháp bất thường nào nhằm tăng cường bảo vệ người gửi tiền được sử dụng trong khủng hoảng tài chính? Hãy miêu tả các đặc điểm chính và làm rõ những giải pháp đó có được sử dụng cùng với các giải pháp đối phó khủng hoảng khác (ví dụ các kế hoạch bảo đảm nợ ngân hàng) cũng như có cụ thể cho từng tổ chức hay sử dụng rộng trên toàn hệ thống hay không?

2.2. Tại sao giải pháp bất thường nhằm tăng cường bảo vệ người gửi tiền được sử dụng? Các giải pháp đó có phải chỉ đơn thuần là một biện pháp an toàn nhằm trấn an người gửi tiền ngân hàng, hay đó cũng là ứng phó mang tính cạnh tranh đối với những động thái tương tự của các quốc gia khác (vd nhằm cân bằng sân chơi)? Có sự tham vấn nào với các quốc gia khác diễn ra trước khi sử dụng các giải pháp này không?

2.3. Nếu hệ thống BHTG được khởi động trong khủng hoảng (xem câu hỏi 1.7), hãy cung cấp những bài học thu được, chẳng hạn như tác động qua lại với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính, truyền thông đại chúng, tốc độ chi trả, cơ chế gây quỹ, v.v. Điều kiện tiên quyết nào trong số điều kiện tiên quyết được đề cập ở *Các nguyên tắc cơ bản* có liên quan cụ thể đến hoạt động của tổ chức BHTG trong khủng hoảng?

2.4. Hãy miêu tả bất kì hoạt động nào được sử dụng nhằm dỡ bỏ các giải pháp về hạn mức BHTG tạm thời, bao gồm bất kỳ kế hoạch nào hiện tại đang có hiệu lực. Loại phân tích nào được sử dụng để quyết định tốc độ và chuỗi diễn biến của các kế hoạch đó? Chiến lược truyền thông nào được sử dụng?

2.5. Có sự hợp tác với các quốc gia khác hay không, trên cơ sở song phương hay khu vực/quốc tế, nhằm dỡ bỏ các giải pháp BHTG tạm thời trong khủng hoảng? Cung cấp chi tiết.

2.6. Giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ người gửi tiền trong khủng hoảng, hoặc các giải pháp bổ sung đã sử dụng lâu dài/có ý định sử dụng lâu dài? Hãy miêu tả các đặc điểm chính và động lực sử dụng chúng lâu dài. Biện pháp kiểm soát nào đang được sử dụng nhằm đảm bảo các giải pháp này không tạo ra những rủi ro đạo đức hoặc tăng nợ không thích đáng của chính phủ (điểm tựa BHTG cuối cùng)

2.7. Rút ra được bài học nào về vai trò của hệ thống BHTG trong khung ổn định tài chính, đặc biệt là về cơ chế quản lý khủng hoảng (vd như vai trò của tổ chức BHTG trong tương quan với các thành viên mạng an toàn tài chính khác trong việc áp dụng các giải pháp chính sách liên quan trong khủng hoảng, và cách đảm bảo rằng hệ thống BHTG có thể hoàn thành vai trò của mình trong thời kì căng thẳng như vậy)?

3. Áp dụng trên phạm vi quốc gia các Nguyên tắc cơ bản cụ thể

Nguyên tắc 1: Các Mục tiêu chính sách công⁷²

3.1. Hệ thống BHTG tại quốc gia bạn có các mục tiêu cụ thể chính thức không? Nếu có, hãy cung cấp các mục tiêu đó, miêu tả biện pháp chính thức hóa (qua luật, quy định, hoặc các phương tiện khác), và nêu rõ các mục tiêu đó có được công bố rộng rãi không.

⁷¹ Phần này nhằm bao gồm những phản ứng chính sách và bài học rút ra trong việc ứng phó với khủng hoảng tài chính gần đây. Nếu khủng hoảng không có tác động lớn lên hoạt động và sự cải cách BHTG quốc gia bạn, hãy trả lời những câu hỏi này dựa trên các cuộc khủng hoảng khác trước đây mà bạn đã trải qua.

⁷² Các mục tiêu chính sách công của tổ chức BHTG đề cập đến các mục tiêu mà hệ thống được kỳ vọng sẽ đạt được.

Nguyên tắc 2: Giảm thiểu rủi ro đạo đức

Xem cả câu hỏi 2.6 phía trên.

3.2. Những đặc điểm cụ thể nào của hệ thống BHTG (vd bảo hiểm giới hạn, thu phí bảo hiểm trên cơ sở rủi ro, các công cụ can thiệp sớm v.v) giảm thiểu rủi ro đạo đức?

3.3. Bằng cách nào mà rủi ro đạo đức, cả trên hệ thống BHTG và mạng an toàn tài chính rộng hơn, được đánh giá nhằm có biện pháp giảm thiểu thích hợp?

Nguyên tắc 3 và 4: Nhiệm vụ⁷³ và quyền hạn

3.4. Tổ chức BHTG có nhiệm vụ chính thức, thống nhất với các mục tiêu chính sách công đã đề cập, cụ thể hóa vai trò, trách nhiệm và quyền hạn hay không? Tổ chức BHTG có vượt lên chức năng chi trả và có vai trò giám sát các tổ chức thành viên, trách nhiệm hành động ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro/chi phí hay không? Hãy miêu tả các nhiệm vụ.

Nguyên tắc 5: Quản trị

3.5. Hãy miêu tả các đặc điểm quản trị chính nhằm đảm bảo tổ chức BHTG hoạt động độc lập và cách ly khỏi những ảnh hưởng quá mức từ chính phủ, thị trường và cơ quan có thẩm quyền điều khiển/giám sát.

3.6. Những nhân tố cụ thể nào của cấu trúc quản trị tổ chức BHTG tạo điều kiện cho việc thực hiện hiệu quả các chức năng trong khủng hoảng tài chính? Có nhu cầu về các biện pháp tăng cường có thể có với cấu trúc quản trị xét đến các kinh nghiệm về khủng hoảng?

Nguyên tắc 6: Quan hệ với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính

3.7. Hãy cung cấp các chi tiết về khung khổ hợp tác và chia sẻ thông tin giữa tổ chức BHTG và các thành viên mạng an toàn tài chính khác trong thời kì bình thường và khủng hoảng. Khung khổ này có chính thức hóa qua luật, quy định hay các công cụ khác không?

3.8. Bằng cách nào và vào khi nào, tổ chức BHTG nhận được thông tin từ các ngân hàng đang (hoặc có khả năng) gặp khó khăn tài chính?

Nguyên tắc 7: Các vấn đề xuyên quốc gia

Xem cả câu hỏi 2.2.

3.9. Có bất kỳ thỏa thuận song phương/đa phương xuyên quốc gia nào diễn ra nhằm đảm bảo các hệ thống BHTG ở nước sở tại và nước chủ nhà phối hợp tốt trong trường hợp một tổ chức BHTG chịu trách nhiệm bảo hiểm xuyên quốc gia? Những cơ chế cụ thể nào cần có trong các thỏa thuận đó (ví dụ chia sẻ thông tin, sự tham gia của nước chủ nhà vào cung cấp thông tin cho người gửi tiền trong nước được bảo hiểm bởi tổ chức BHTG nước ngoài/nước sở tại, hoặc đại diện trong quá trình đền bù xuyên quốc gia)?

3.10. Những chỉ tiêu nào được sử dụng nhằm đảm bảo tính đầy đủ của hệ thống BHTG nước chủ nhà trong việc bảo hiểm cho người gửi tiền trong nước (vd tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trong nước của bạn)?

3.11. Bằng cách nào người gửi tiền được bảo hiểm bởi hệ thống BHTG nước ngoài có thể được thông báo về hạn mức bảo hiểm, nguồn quỹ, quy trình chi trả?

Nguyên tắc 8: Quy chế thành viên bắt buộc

⁷³ Nhiệm vụ của tổ chức BHTG đề cập đến một tập hợp các hướng dẫn chính thức về vai trò và trách nhiệm.

3.12. Sự tham gia vào hệ thống BHTG có phải là bắt buộc đối với tất cả các tổ chức tài chính nhận tiền gửi trong nước (ví dụ là một phần thủ tục cấp phép hoạt động), hay có lựa chọn (theo các chỉ tiêu cụ thể) của tổ chức BHTG?

Nguyên tắc 9: Phạm vi bảo hiểm

Xem câu hỏi 1.3-1.5 và 2.6 trên đây.

3.13. Hãy hoàn thành bảng sau xét đến phạm vi bảo hiểm của từng chương trình BHTG ở quốc gia bạn:

Loại tiền gửi được bảo hiểm	Y – Được bảo hiểm, N – Không được bảo hiểm
Tiền gửi không kỳ hạn	(Y/N)
Tiền gửi kỳ hạn	(Y/N, và điều khoản tối đa nếu có)
Tiền gửi là ngoại tệ	(Y/N)
Tiền gửi liên ngân hàng	(Y/N)
Tiền gửi của các công ty phi tài chính	(Y/N)
Tiền gửi khu vực nhà nước	(Y/N)
Tiền gửi của các tổ chức tài chính phi ngân hàng (vd quỹ tương hỗ)	(Y/N)
Tiền gửi của người không cư trú	(Y/N)
Các tiêu chí khác (nêu rõ)	

3.14. Phạm vi bảo hiểm có bao gồm hoạt động trong nước của các ngân hàng nước ngoài (hình thức công ty con hoặc chi nhánh) và hoạt động tại nước ngoài của các ngân hàng trong nước (công ty con hoặc chi nhánh)? Bảo hiểm bổ sung có được cung cấp đối với hoạt động của các ngân hàng nước ngoài (công ty con hoặc chi nhánh)?

3.15. Bảo hiểm được cung cấp như thế nào (vd cho người gửi tiền, tài khoản, người gửi tiền và tổ chức...)

3.16. Hạn mức BHTG hiện nay là gì (tính bằng nội tệ và quy đổi sang USD tương đương, sử dụng tỷ giá hối đoái cuối năm 2010) và hạn mức này khác nhau như thế nào đối với các tổ chức nhận tiền gửi, tiền gửi và/hoặc người gửi tiền? Có cơ chế đồng bảo hiểm hoặc bù trừ hay không?

3.17. Hạn mức bảo hiểm có được điều chỉnh theo chỉ số kinh tế vĩ mô? Mức độ thường xuyên hạn mức bảo hiểm được xem xét lại? Tổ chức BHTG có khả năng điều chỉnh hạn mức bảo hiểm không?

Nguyên tắc 10: Chuyển đổi từ hệ thống đảm bảo toàn phần sang hệ thống bảo hiểm tiền gửi có hạn mức

Xem các câu hỏi 2.4 và 2.5 trên đây.

Nguyên tắc 11: Cấp vốn

Xem câu hỏi 1.6 trên đây.

3.18. Hãy miêu tả tóm tắt khung khổ cấp vốn cho hệ thống BHTG (thu phí trước, sau, phối hợp, các loại cơ chế cấp vốn v.v). Khung cấp vốn có dựa trên phân tích rủi ro hoặc các chỉ

tiết hoạt động cụ thể của hệ thống BHTG? Những nguồn cấp vốn hỗ trợ bổ sung (vd vay) có sẵn dành cho tổ chức BHTG và bằng cách nào được kích hoạt?

3.19. Nếu một quỹ BHTG thu phí trả trước tồn tại, quy mô nào và mục tiêu được quyết định như thế nào? Quỹ được đầu tư ở đâu? Tổ chức BHTG hoặc các thành viên mạng an toàn tài chính có thể sử dụng quỹ nhằm các chức năng ngoài việc bồi thường chi trả (vd cung cấp thanh khoản, tái cấp vốn ngân hàng, xử lý đổ vỡ)? Nếu có, hãy giải thích. Với hệ thống quỹ thu phí trả sau, hãy cung cấp thông tin liên quan đến các cơ chế cấp vốn hiện có.

3.20. Phí bảo hiểm tiền gửi có được điều chỉnh theo rủi ro? Nếu có, hãy miêu tả hệ thống đánh giá rủi ro và tính toán phí theo rủi ro, cũng như các mức phí áp dụng đối với cơ sở tính.

3.21. Phí có được tính dựa trên tiền gửi được bảo hiểm tại ngân hàng tham gia hay trên cơ sở khác (vd tổng số tiền gửi, tiền gửi thuộc phạm vi bảo hiểm, tổng tài sản v.v.)? Hãy giải thích. Có cơ chế nào cho việc điều chỉnh phí của thành viên mới gia nhập – nếu có, sự điều chỉnh được thực hiện như thế nào (vd thành viên mới gia nhập được phép trả phí trên cơ sở theo tỷ lệ thời gian khi tham gia vào hệ thống BHTG)? Phí được điều chỉnh nhằm giải quyết những chênh lệch từ quy mô mục tiêu như thế nào? Đối với hệ thống thu phí trả sau, hãy cung cấp thông tin liên quan đến các cơ chế thu hồi khoản chi trả đã được chương trình BHTG sử dụng.

Nguyên tắc 12: Nhận thức công chúng

3.22. Các loại chương trình và phương tiện truyền thông nào nhằm nâng cao nhận thức công chúng đã có? Những thông điệp chính nào được gửi đến người gửi tiền và công chúng (vd sự tồn tại BHTG, hết hiệu lực hay các giải pháp bảo hiểm tạm thời v.v.)

3.23. Bằng cách nào và với mức độ thường xuyên nào, có thể đánh giá mức độ hiệu quả của các hoạt động nhằm thông báo với công chúng về các lợi ích và hạn chế từ hệ thống BHTG?

Nguyên tắc 15 & 16: Xử lý đổ vỡ

3.24. Mạng an toàn tài chính có cung cấp khung khổ cảnh báo sớm và can thiệp kịp thời và xử lý ngân hàng gặp vấn đề? Vai trò của tổ chức BHTG trong xử lý đổ vỡ là gì và bằng cách nào tổ chức BHTG có thể được tích hợp vào khung đó?

Nguyên tắc 17: Chi trả cho người gửi tiền

3.25. Những sự kiện nào kích hoạt chi trả từ hệ thống BHTG (ví dụ tòa án tuyên bố một ngân hàng phá sản, cơ quan giám sát hoặc tổ chức BHTG quyết định v.v.)?

3.26. Từ thời điểm có sự kiện khởi đầu, tổ chức BHTG theo quy định của pháp luật phải chi trả cho người gửi tiền trong vòng bao nhiêu ngày? Khung thời gian đó có được công bố đại chúng và tổ chức BHTG có nguồn lực và khả năng đáp ứng được các nghĩa vụ pháp lý không?

3.27. Bằng cách nào hệ thống BHTG đảm bảo tiếp cận đầy đủ và kịp thời dữ liệu ngân hàng cần thiết nhằm nhanh chóng chi trả cho người gửi tiền ngay (ví dụ kiểm tra chuẩn bị trước khi ngân hàng đóng cửa, các yêu cầu nhất định đối với hồ sơ ngân hàng như sự suy giảm các tài khoản đủ điều kiện hoặc xem xét khách hàng cá nhân v.v.)?

Nguyên tắc 18: Thu hồi tài sản

3.28. Tổ chức BHTG có chia sẻ tài sản thu hồi phát sinh từ đổ vỡ ngân hàng thành viên? Địa vị /ưu tiên của tổ chức BHTG so với các chủ nợ khác của ngân hàng?

3.29. Tổ chức BHTG có tham gia vào quá trình thu hồi (vd với tư cách là người tiếp nhận/thanh lý của một ngân hàng đổ vỡ)? Nếu có, vai trò của tổ chức BHTG là gì trong theo qui định của luật hoặc quy định liên quan và thực tế mất bao lâu để hoàn thành quá trình tiếp nhận/thanh lý?



8 tháng 2 năm 2012

**ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ
VỀ
CÁC HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI**

Báo cáo đánh giá đồng đẳng (Peer review Report)

(Đơn vị chuyên ngữ: Phòng NCTH & HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)